

PHỤ LỤC 3

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2022

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Ngành dự kiến mở: Hóa Dược Mã ngành: 7720203

Trình độ đào tạo: Cử nhân

2. Về nghiên cứu khoa học

Mẫu 5. Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
1.	Synthesis of vicinal dideoxy-difluorinated galactoses.	Malassis, J.; Vendeville, J.-B.; Nguyen, Q.-H.; Boujon, M.; Gaignard-Gaillard, Q.; Light, M.; Linclau, B. Synthesis of vicinal dideoxy-difluorinated galactoses. <i>Org. Biomol. Chem.</i> 2019, <i>17</i> , 5331–5340. https://doi.org/10.1039/C9OB00707E .
2.	Intermolecular Palladium(0)-Catalyzed Atropo-Enantioselective C–H Arylation of Heteroarenes.	Nguyen, Q.-H.; Guo, S.-M.; Royal, T.; Baudoin, O.; Cramer, N. Intermolecular Palladium(0)-Catalyzed Atropo-Enantioselective C–H Arylation of Heteroarenes. <i>J. Am. Chem. Soc.</i> 2020, <i>142</i> , 2161–2167. https://doi.org/10.1021/jacs.9b12299 . Highlighted in <i>Synfacts</i> 2020, <i>16</i> , 431.
3.	Catalytic Enantioselective Functionalizations of C–H Bonds by Chiral Iridium Complexes.	Woźniak, Ł.; Tan, J.-F.; Nguyen, Q.-H.; Madron du Vigné, A.; Smal, V.; Cao, Y.-X.; Cramer, N. Catalytic Enantioselective Functionalizations of C–

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
		H Bonds by Chiral Iridium Complexes. <i>Chem. Rev.</i> 2020, 120, 10516–10543. https://doi.org/10.1021/acs.chemrev.0c00559 .
4.	Investigation of chemical constituents and cytotoxic activity of the lichen <i>Usnea undulata</i>	Nguyen Thi Thu Tram, Dinh Hoang Anh, Huynh Hoang Thuc, Nguyen Trong Tuan https://doi.org/10.1002/vjch.2019000130
5.	Antitumor Effect of The Integrin A4 Signaling Inhibitor Jk273 in Non-Small Cell Lung Cancer NCI-H460 Cells	Thien Nhan Lu, Bogonda Ganganna, Thuy Trang Pham, Anh Van Vo, Thien Phuc Lu, Huong-Giang Thi Nguyen, My-Nuong Thi Nguyen, Phuong Nguyen Huynh, Ngoc Tuyen Truong, Jongkook Lee; <i>Biochemical and Biophysical Research Communications</i> , 2017- 491:355-360 https://doi.org/10.1016/j.bbrc.2017.07.096
6.	Design, synthesis, antimicrobial evaluations and in silico studies of novel pyrazol-5(4H)-one and 1H-pyrazol-5-ol derivatives	Em Canh Pham, Tuong Vi LeThi, Long Tieu Phan, Huong-Giang T. Nguyen, Khanh N.B.Le, Tuyen Ngoc Truong; <i>Arabian Journal of Chemistry</i> , 2022, 15, 103682 https://doi.org/10.1016/j.arabjc.2021.103682
7.	Size shifting of solid nanoparticle system triggered by alkaline phosphatase for site specific mucosal drug delivery.	B. Le-Vinh, C. Steinbring, R. Wibel, J. David Friedl, A. Bernkop-Schnürch. <i>Eur. J. Pharm. Biopharm</i> 2021. 163: 109–119
8.	Polyphosphate coatings: A promising strategy to overcome the polycation dilemma.	N.-M.N. Le, C. Steinbring, B. Le-Vinh, A. Jalil, B. Matuszczak, A. Bernkop-Schnürch, <i>J. Colloid Interface Sci.</i> 2021. 587: 279–289.
9.	Solidification of self-emulsifying drug delivery systems (SEDDS): Impact on storage stability of a therapeutic protein.	J.D. Friedl, A.M. Jörgensen, B. Le-Vinh, D.E. Braun, M. Tribus, A. Bernkop-Schnürch, <i>J. Colloid Interface Sci.</i> 2021. 584: 684–697.
10.	Current status of clinical pharmacy workforce, services and clinical pharmacist recruitment in Ho Chi Minh City, Vietnam.	Hai-Yen Nguyen-Thi, Thuy-Tram Nguyen-Ngoc, Nha Hoang Le, Nghiem Quan Le, Nguyen Dang Tu Le. <i>International Journal of Health Planning and Management</i> 2021, 35 (5), 1205-1218
11.	Modulation of protein release from penta-block copolymer microspheres.	Minh-Quan L., Gimel J.C., Garric X., Thao-Quyen N-P., Paniagua C., Riou J., Venier-Julienne M-C. <i>European Journal of Pharmaceutics and Biopharmaceutics</i> 2020; 152:175-182.

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
12.	Polyphosphate coatings: A promising strategy to overcome the polycation dilemma.	Le NN, Steinbring C, Le-Vinh B, Jalil A, Matuszczak B, Bernkop-Schnürch A., J Colloid Interface Sci. 2021 Apr;587:279-289. doi: 10.1016/j.jcis.2020.12.019. Epub 2020 Dec 10
13.	The Effect of Counterions in Hydrophobic Ion Pairs on Oral Bioavailability of Exenatide.	T.N.Q. Phan, R. Ismail, B. Le-Vinh, S. Zaichik, F. Laffleur, A. Bernkop-Schnürch, ACS Biomater. Sci. Eng. 2020. 6: 5032–5039
14.	Self-emulsifying drug delivery systems (SEDDS) containing a hydrophobic ion-pair of proteinase.	Lam HT, Le NN, Phan TNQ, Bernkop-Schnürch A. Mucolytic, Eur J Pharm Sci. 2020 Dec 1:105658.
15.	Impact of bile salts and a medium chain fatty acid on the physical properties of self-emulsifying drug delivery systems	N. Lupo, C. Steinbring, J.D. Friedl, B. Le-Vinh, A. Bernkop-Schnürch, Drug Dev. Ind. Pharm. 2020. 1-12.
16.	Cellular uptake of self-emulsifying drug-delivery systems: polyethylene glycol versus polyglycerol surface.	Friedl JD, Steinbring C, Zaichik S, Le NN, Bernkop-Schnürch A. Nanomedicine (Lond). 2020 Aug;15(19):1829-1841.
17.	Synthesis and in vitro characterization of a preactivated thiolated acrylic acid/acrylamide-methylpropane sulfonic acid copolymer as a mucoadhesive sprayable polymer.	Prüfert F, Hering U, Zaichik S, Le NN, Bernkop-Schnürch A. International Journal of Pharmaceutics, 2020, 583:119371
18.	Grafting of wool fibers through disulfide bonds: An advanced application of S-protected thiolated starch.	Le NN, Steinbring C, Matuszczak B, Baus RA, Tribus M, Pham T, Bechtold T, Bernkop-Schnürch A. International Journal of Biological Macromolecules, 2020, 147:473-481.
19.	Oral self-emulsifying delivery systems for systemic administration of therapeutic proteins: Science fiction?.	T.N.Q. Phan, B. Le-Vinh, N.A. Efiana, A. Bernkop-Schnürch, J. Drug Target. 2019. 27: 1-27.
20.	Simultaneous liquid chromatography-tandem mass spectrometry assay of amlodipine besylate and metoprolol succinate in human plasma: Development, validation, and application.	Nguyen Thi Linh Tuyen, Le Quan Nghiem, Nguyen Duc Tuan. Systematic Reviews in Pharmacy 2019;10(2):1-7.
21.	Chitosan based micelle with zeta potential changing property for effective mucosal drug delivery.	Le-Vinh B, Le NN, Nazir I, Matuszczak B, Bernkop-Schnürch A. International Journal of Biological Macromolecules, 2019, 133:647-655.
22.	Development and in vitro characterization of an oral self-emulsifying delivery system (SEDDS) for rutin fatty ester with high mucus permeating properties.	M. I. Cardona, Le NN, S. Zaichik, D. M. Aragón Novoa, A. Bernkop-Schnürch. International Journal of Pharmaceutics, 2019, 562:180-186.

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
23.	S- protected gellan gum: Decisive approach towards mucoadhesive antimicrobial vaginal films.	A. Jalil, MH. Asim, Le NN, F. Laffleur, B. Matuszczak, M. Tribus, A. Bernkop-Schnürch. International Journal of Biological Macromolecules, 2019, 130:148-157.
24.	Chitosan based micelle with zeta potential changing property for effective mucosal drug delivery.	B. Le-Vinh, N.-M.N. Le, I. Nazir, B. Matuszczak, A. Bernkop-Schnürch, Int J Biol Macromol. 2019. 133: 647–655.
25.	Self-emulsifying drug delivery systems and cationic surfactants: do they potentiate each other in cytotoxicity?	H.T. Lam, B. Le-Vinh, T.N.Q. Phan, A. Bernkop-Schnürch, J. Pharm. Pharmacol. 2019. 71: 156-166.
26.	Synthesis and Characterization of Thiolated PVP-Iodine Complexes: Key to Highly Mucoadhesive Antimicrobial Gels.	A. Jalil, B. Matuszczak, N. M. Nguyen Le, A. Mahmood, F. Laffleur, A. Bernkop-Schnürch. Molecular Pharmaceutics, 2018, 15(8): 3527-3534.
27.	Development and bioequivalence study of potassium chloride extended-release tablets.	Thu Van Le Thi, Nghiem Le Quan, Hau Le. Asian Journal of Pharmaceutical Sciences 2018;13(4):353-359.
28.	Penta-block Copolymer Microspheres: Impact of Polymer Characteristics and Process Parameters on the Protein Release.	Minh-Quan L., Violet F., Paniagua C., Garric X., Venier-Julienne M-C. International Journal of Pharmaceutics 2018; 535: 428-437
29.	Self-emulsifying drug delivery systems changing their zeta potential via a flip-flop mechanism.	E. Salimi, B. Le-Vinh, F. Zahir-Jouzani, B. Matuszczak, A. Ghaee, A. Bernkop-Schnürch, Int. J. Pharm 2018. 550: 200–206
30.	Surface phosphorylation of nanoparticles by hexokinase: A powerful tool for cellular uptake improvement,	I. Nazir, C. Leichner, B. Le-Vinh, A. Bernkop-Schnürch, J. Colloid Interface Sci. 2018. 516: 384–391.
31.	Economic aspects of post-stroke rehabilitation: a retrospective data at a traditional medicine hospital in Vietnam.	Trung Quang Vo, Ha Thi Thanh Tran, Nam Phuong Nguyen, Ha Thi Song Nguyen, Thuy Van Ha, Nghiem Quan Le. Journal of Clinical and Diagnostic Research 2018;12(6):LC05-LC10.
32.	Economic consequences of treating type-2 diabetes mellitus in a private hospital: a fiscal, analytical approach (2013-2017).	Trung Quang Vo, Pol Van Nguyen, Nghiem Quan Le, Loan Thi Kim Nguyen. Journal of Clinical and Diagnostic Research 2018;12(6):LC59-LC65
33.	Development of Prilling Process for Biodegradable Microspheres through Experimental Designs.	Violet F., Minh-Quan L., Sergent M., Bastiat G., Tran VT, Venier-Julienne M-C. International Journal of Pharmaceutics 2016, 498: 96-109.

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
34.	Reprecipitation of poorly water-soluble cilostazol crystals using adsorbing carriers for enhanced dissolution and physicochemical modification.	Nam hyun Baek, Ga-Hui Oh, Chul hun Park, Thuy Thi Thanh Tran, Young Joon Park, Euichaul Oh, Hau Le, Thao T.D.Tran, Jun-Bom Park, Beom-JinLee. Asian Journal of Pharmaceutical Sciences 2014;9(6):304-316
35.	Naso-pharyngeal carriage and antimicrobial susceptibility of Streptococcus pneumoniae in community-acquired pneumonia in children	Phong Thi Nam Nguyen, Julien M. Buyck, Stephen Bakerc, Trang Hoang Thu Nguyen, Tin Viet Pham, Tuoi Thi Hong Do*, MedPharmRes, Volume 6, Issue 4, 2022, 34 – 42
36.	Development of softgel capsules containing cyclosporine a encapsulated pine essential oil based self-microemulsifying drug delivery system	Nguyen Anh Khoa Huynh, Thi Hong Tuoi Do, Xuan Loc Le, Truc Thanh Ngoc Huynh, Duc Hanh Nguyen, Ngoc Khue Tran, Cao Thuy Ha Lan Tran, Dai Hai Nguyen, Cong Tri Truong, Journal of Drug Delivery Science and Technology 68(2022) 103115
37.	Study on the analgesic, anti-inflammatory and hypouricemic effects of 50% ethanolic extract from Jasminum subtriplinerve Blume	Tuoi Thi Hong Do*, Quang Nhat Tu, Tinh Quoc Vo, Oanh Thi Kim Nguyen, Tuyen Le Thanh Nguyen, MedPharmRes, Volume 6, Issue 2, 2022, 43 – 48
38.	Study on preliminary screening of the triterpenoid constituents and in vitro tyrosinase inhibitory activity of dragon fruit flowers (Hylocereus undatus (Haw.) Britton & Rose)	Do Thi Hong Tuoi*, Ngoc Thi Nguyen, Hien Thu Vu, Oanh Thi Kim Nguyen, Tran Thi Van Anh, MedPharmRes, Volume 6, Issue 2, 2022, 28 – 34
39.	Computer-aided structural optimization, synthesis, evaluation of the antimicrobial and cytotoxic activity of some pyrazoline derivatives	Tai Duc Nguyen, Du Nguyen Hai Ly, Tuoi Thi Hong Do, Phuong Thi Ngoc Huynh, MedPharmRes, Volume 6, Issue 1, 2022, 33 – 39
40.	Physical, biochemical, and acute toxicity characteristics, and accelerated aging of polyphenol/chlorophyll pillulae originating from maize by-product	Dang Xuan Cuong, Do Thi Hong Tuoi, Le Tran Trong Khoi, Pham Duc Thinh, Nguyen Ngoc Bao Huy, Dang Thi Thanh Tuyen, Nguyen Thi Kim Oanh, Nguyen Le Thanh Tuyen, Pham Thanh Thuan, Nguyen Thi My Le, Vuong Van May, Nguyen Thi Thang Long, Hoang Duc An, Hoang Thai Ha, Sapporo Medical Journal, Volume 55, Issue 10: 1-11 October 2021
41.	Further terpenoids from Vitex negundo L. growing in Vietnam	Thi-Hoai-Thu Nguyen, Thi-Hong-Tuoi Do, Nguyen Tien Trung, Thi-Phuong Nguyen, Dang-Cam-Tu Phan, Van-Giau Vo, Ngoc-Hong Nguyen, Thuc-Huy Duong, Journal of Saudi Chemical Society, Received 9 May 2021; revised 21 June 2021; accepted 27 June 2021

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
		Available online 7 July 2021
42.	The production of standardized samples with known concentrations for severe acute respiratory syndrome coronavirus 2 RT-qPCR testing validation for developing countries in the period of the pandemic era	Hoang Quoc Cuong, Nguyen Duc Hai, Hoang Thuy Linh, Nguyen Trung Hieu, Nguyen Hoang Anh, Tran Ton, Tran Cat Dong, Vu Thanh Thao, Do Thi Hong Tuoi, Nguyen Duc Tuan, Huynh Thi Kim Loan, Nguyen Thanh Long, Cao Minh Thang, Nguyen Thi Thanh Thao, Phan Trong Lan, BioMed Research International ISSN / eISSN: 2314-6133 / 2314-6141 Science Citation Index Expanded, vol. 2021, Article ID 5516344, 10 pages, 2021. https://doi.org/10.1155/2021/5516344
43.	Cycloartane-type triterpenoids from the whole plants of <i>Macrosolen bidoupensis</i>	Kieu Hung Le, Bui Linh Chi Huynh, Nguyen Kim Tuyen Pham, Thi Hong Tuoi Do, Le Thanh Tuyen Nguyen, Van Son Dang, Quoc Luan Ngo, Thi Ngoc Mai Tran, Trong Dat Bui, Nhat Minh Phan, Dinh Tri Mai, Tan Phat Nguyen, Journal of Asian Natural Products Research 1028-6020, 1477-2213, 2021 Jul 22;1-7 doi: 10.1080/10286020.2021.1949301 2021
44.	Hepatoprotection and phytochemistry of the Vietnamese Herbs <i>Cleome chelidonii</i> and <i>Cleome viscosa</i> stems	Nhat Minh Phan, Thi Hong Tuoi Do, Le Thanh Tuyen Nguyen, Trong Tuan Nguyen, Quoc Luan Ngo, Trong Duc Tran, Quan Hien Nguyen, Bui Linh Chi Huynh, Diep Xuan Ky Nguyen, Trong Dat Bui, Dinh Tri Mai, Tan Phat Nguyen, Journal of Chemistry 2090-9063 / 2090-9071 SCIE, Volume 2021 Article ID 5578667 8 pages https://doi.org/10.1155/2021/5578667
45.	Rukamtenol, a new spiro compound isolated from <i>Flacourtia rukam</i> Zoll. & <i>Moritzi</i> growing in Vietnam	Cam Thi Thai, Thuc-Huy Duong, Nguyen Tien Trung, Cam-Tu D. Phan, Quoc Vuong Nguyen, Tuyen Le-Thanh Nguyen, Kazuki Watanabe, Tuoi Thi-Hong Do, Thuy Ngoc Huynh, Hung Tran, Natural Product Research 1478-6419 / 1478-6427 SCIE DOI: 10.1080/ 14786419.2020.1839451, Nat Prod Res. 2020 Dec 1; 1-7. doi: 10.1080/14786419.2020.1839451

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
46.	Cytotoxic activity and phytochemical constituents of <i>Macrosolen bidoupensis</i> Tangane & V.S. Dang	Kieu Hung Le, Tran Canh Nguyen, The Anh Nguyen, Nu Dan Phuong Nguyen, Thi Hong Tuoi Do, Le Thanh Tuyen Nguyen, Van Son Dang, Trong Duc Tran, Nhat Minh Phan, Trong Dat Bui, Dinh Tri Mai, Tan Phat Nguyen, Records of Natural Products 1307-6167 SCIE, 15:1 (2021): 71-75 (Accepted 9/2020)
47.	Preparation and α -glucosidase inhibition of andrographolide derivatives	Minh Huy Ly, Tuyen Ngoc Truong, Tuoi Thi Hong Do, Medicinal Chemistry Research 1054-2523 / 1554-8120, 29:1914-1922 (2020) (8/2020)
48.	Isolation and evaluation of antimicrobial and anticancer activities of brominated sesquiterpenes from Vietnamese red alga <i>Laurencia intermedia</i> Yamada	Thi Van Anh Tran, Van Minh Nguyen, Duy Hien Tran, Le Thanh Tuyen Nguyen, Thi Hong Tuoi Do, Thi Le Thuy Nguyen, Quang Ngoc Tran, Anh Duy Do, Sang Moo Kim, The Han Nguyen, Bioscience Research 1811-9506 / 2218-3973, 17(1): 459-466 2020
49.	Subacute oral toxicity evaluation of the ethanolic extract of <i>Hydnophytum formicarum</i> Jack. tubers in Phu Quoc, Vietnam	Mai Nguyen Ngoc Trac, Pham Thu Ha, Do Thi Hong Tuoi, MedPharmRes, Volume 4, Issue 1, 2020 1 - 6
50.	Protective effect of panaxynol isolated from <i>Panax vietnamensis</i> against cisplatin-induced renal damage: in vitro and in vivo studies	Dahae Lee, Jaemin Lee, Kim Long Vu-Huynh, Thi Hong Van Le, Thi Hong Tuoi Do, Gwi Seo Hwang, Jeong Hill Park, Ki Sung Kang, Minh Duc Nguyen, Noriko Yamabe, Biomolecules 2218-273X, 9(12), 890 2019
51.	Botanical, genetic characteristics and preliminary screening of the phytochemical constituents of <i>Hydnophytum formicarum</i> Jack. in Phu Quoc forest, Vietnam	Mai Nguyen Ngoc Trac, Truong Thi Dep, Tran Thi Van Anh, Do Thi Hong Tuoi, MedPharmRes, 2019, 3 2615-9139, Volume 3, Issue 2, 2019 8 - 14
52.	Rapid and green synthesis of some benzimidazole and indole derivatives as novel anticancer agents	Huynh Thi Kim Chi, Nguyen Thi Hong An, Ly Thi Chanh Tri, Le Anh Thy, Ngo Ngoc Dung, Do Thi Hong Tuoi, Hoang Thi Kim Dung, Vietnam J. Chem. ISSN: 2572-8288, 56(6E1): 336-341 (2018)
53.	Acridone alkaloids from the rhizomes of <i>Luvunga scandens</i> (Roxb.) Buch. Ham.	Nguyen Minh An Tran, Thi Hong Tuoi Do, Luu Hong Truong, Dung Tien Le, Minh Nhat Phan, Nguyen Kim Tuyen Pham, Dinh Tri Mai, Tan Phat Nguyen

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
54.	Mannich aminomethylation of flavonoids and anti-proliferative activity against breast cancer cell	T. Kim-Dung Hoang, T. Kim-Chi Huynh, T. Hong-Tuoi Do, Thanh-Danh Nguyen, Chemical Papers Print ISSN2585-7290 Online ISSN1336-9075, Volume 72, Issue 6, pp 1399-1406 2018
55.	Flavonoids with hepatoprotective activity from the leaves of Cleome chelidoni	Tan Phat Nguyen, Dinh Tri Mai, Thi Hong Tuoi Do and Nhat Minh Phan, Natural Product Communications, 2017 Vol. 12 No. 7 1061 - 1063
56.	Flavonoids with hepatoprotective activity from the leaves of Cleome viscosa L	Tan Phat Nguyen, Cong Luan Tran, Chi Hung Vuong, Thi Hong Tuoi Do, Tien Dung Le, Dinh Tri Mai, Nhat Minh Phan, Natural Product Research ISSN: 1478-6419 (print) ISSN: 1478-6427 (online), 2017 31(22):2587-2592
57.	Glutathione peroxidase-1 and neuromodulation: Novel potentials of an old Enzyme. Food Chem Toxicol. 2021 Feb;148:111945.	Sharma G, Shin EJ, Sharma N, Nah SY, Mai HN, Nguyen BT, Jeong JH, Lee XG, Kim HC.
58.	Glutathione peroxidase-1 knockout potentiates behavioral sensitization induced by cocaine in mice via σ -1 receptor-mediated ERK signaling: A comparison with the case of glutathione peroxidase-1 overexpressing transgenic mice. Brain Res Bull. 2020 Nov;164:107-120	Mai HN, Pham DT, Chung YH, Sharma N, Cheong JH, Yun J, Nah SY, Jeong JH, Gen Lei X, Shin EJ, Nabeshima T, Kim HC.
59.	Glutathione peroxidase-1 gene rescues cocaine-induced conditioned place preference in mice by inhibiting σ -1 receptor expression. Clin Exp Pharmacol Physiol. 2019 Sep;46(9):791-797	Pham DT, Chung YH, Mai HN, Sharma N, Yun J, Kim HJ, Cheong JH, Jeong JH, Kim DJ, Shin EJ, Kim HC.
60.	Overexpression of glutathione peroxidase-1 attenuates cocaine-induced reproductive dysfunction in male mice by inhibiting nuclear factor κ B. Chem Biol Interact. 2019 Jul 1;307:136-146.	Mai HN, Chung YH, Shin EJ, Jeong JH, Jung TW, Sharma N, Lee XG, Nah SY, Jang CG, Kim DJ, Yang BK, Kim HC
61.	Glutathione peroxidase-1 overexpressing transgenic mice are protected from cocaine-induced drug dependence. Neurochem Int. 2019 Mar;124:264-273	Mai HN, Chung YH, Shin EJ, Kim DJ, Sharma N, Lee YJ, Jeong JH, Nah SY, Jang CG, Kim HC

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
62.	P53 knockout mice are protected from cocaine-induced kindling behaviors via inhibiting mitochondrial oxidative burdens, mitochondrial dysfunction, and proapoptotic changes. <i>Neurochem Int.</i> 2019 Mar;124:68-81.	Mai HN, Sharma N, Jeong JH, Shin EJ, Pham DT, Trinh QD, Lee YJ, Jang CG, Nah SY, Bing G, Kim HC
63.	Astrocytic mobilization of glutathione peroxidase-1 contributes to the protective potential against cocaine kindling behaviors in mice via activation of JAK2/STAT3 signaling. <i>Free Radic Biol Med.</i> 2019 Feb 1;131:408-431.	Mai HN, Nguyen LTT, Shin EJ, Kim DJ, Jeong JH, Chung YH, Lei XG, Sharma N, Jang CG, Nabeshima T, Kim HC
64.	IL-6 knockout mice are protected from cocaine-induced kindling behaviors; possible involvement of JAK2/STAT3 and PACAP signalings.. <i>Food Chem Toxicol.</i> 2018 Jun;116(Pt B):249-263.	Mai HN, Chung YH, Shin EJ, Sharma N, Jeong JH, Jang CG, Saito K, Nabeshima T, Reglodi D, Kim HC.
65.	Melanogenesis inhibitory effect of <i>Perilla frutescens</i> (L.) Britt on a hyperpigmentation model in rabbit. <i>Pharm Sci Asia</i> 2022; 49(3), 242-248	Ngoc Phuc Nguyen, Thanh Hao Do, Le Y Nguyen, Thi Thu Hien Pham, Ngoc Trinh Huynh.
66.	In vitro anti-melanogenic effect of <i>Perilla frutescens</i> leaf extracts. <i>Journal of Herbmed Pharmacology</i> 2022, 11(1): 48-54.	Thi Thuy Anh Nguyen, Thanh Hao Do, Thi Thu Hien Pham, Ngoc Trinh Huynh.
67.	Breast cancer diagnosis based on detecting lymph node metastases using deep learning. <i>Science & Technology Development Journal</i> , 2022; 25(2):2381-2389	Thach Nguyen Bich Ha, Ngoc-Bich Le, Ngoc Trinh Huynh, Thanh-Hai Le, Thi-Thu-Hien Pham.
68.	Xây dựng mô hình gây nám da trên thỏ và ứng dụng khảo sát tác dụng của cao chiết từ lá tía tô. <i>Tạp chí Y Dược học (Bộ Y Tế)</i> 2021, 38: 36-41	Đỗ Thanh Hào, Nguyễn Ngọc Phúc, Trần Thị Được, Phạm Thị Thu Hiền, Huỳnh Ngọc Trinh.
69.	Đánh giá hoạt tính ức chế tyrosinase, chống oxy hóa in vitro và tác dụng kháng viêm in vivo của chế phẩm gel dùng ngoài từ cao diệp cá (<i>Houttuynia cordata</i>). <i>Tạp chí Y Học TP. Hồ Chí Minh</i> 2021, 25(6), 55-61	Nguyễn Công Minh, Trần Lê Tuyết Châu, Huỳnh Ngọc Trinh.
70.	Khảo sát thực trạng sử dụng thuốc giảm đau sau mổ lấy thai tại bệnh viện Từ Dũ. <i>Y Học TP. Hồ Chí Minh</i> 2021, 25(2), 158-163	Trần Huyền Trân, Thân Thị Mỹ Linh, Huỳnh Thị Hồng Gấm, Nguyễn Hải Anh Vũ, Huỳnh Ngọc Trinh.
71.	Biến cố bất lợi của thuốc trong điều trị ung thư vú theo liệu pháp hóa trị hỗ trợ. <i>Tạp chí Y Học TPHCM</i> 2020, 24(6), 246-255	Cao Thị Quỳnh Trâm, Phạm Hồng Thắm, Nguyễn Ngọc Phúc, Nguyễn Tuấn Anh, Huỳnh Ngọc Trinh.

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
72.	Vai trò của filgrastim trong điều trị giảm bạch cầu đa nhân trung tính trên bệnh nhân ung thư vú hóa trị liệu tại bệnh viện Nhân Dân Gia Định TP.HCM. Tạp chí Y Học TPHCM 2020, 24(6), 115-120	Đào Vân Thy, Phạm Hồng Thắm, Trần Như Hưng Việt, Nguyễn Tuấn Anh, Huỳnh Ngọc Trinh.
73.	In vitro and in vivo inhibitory effects on the HMG-CoA reductase of Okra extracts (<i>Abelmoschus esculentus</i> (L.)). <i>Journal of Medicinal Materials</i> 2020, 25(5), 311-315	To-Quyen Vuong, Thi-Thuy-Anh Nguyen, Ngoc-Phuc Nguyen, Ngoc-Trinh Huynh.
74.	In vitro alpha-glucosidase inhibitory activity and in vivo hypoglycemic effect of twig extracts from <i>Morus alba</i> . <i>Journal of Medicinal Materials</i> 2020, 25(5), 307-310	Nguyễn Ngọc Quý, Nguyễn Thị Mộng Thi, Huỳnh Ngọc Thụy, Huỳnh Ngọc Trinh.
75.	Melanogenesis inhibitory effect of <i>Perilla frutescens</i> (L.) Britt on a hyperpigmentation model in rabbit. <i>Pharm Sci Asia</i> 2022; 49(3), 242-248	Ngoc Phuc Nguyen, Thanh Hao Do, Le Y Nguyen, Thi Thu Hien Pham, Ngoc Trinh Huynh.
76.	Xây dựng mô hình gây nám da trên thỏ và ứng dụng khảo sát tác dụng của cao chiết từ lá tía tô. Tạp chí Y Dược học (Bộ Y Tế) 2021, 38: 36-41	Đỗ Thanh Hào, Nguyễn Ngọc Phúc, Trần Thị Đước, Phạm Thị Thu Hiền, Huỳnh Ngọc Trinh.
77.	Biến cố bất lợi của thuốc trong điều trị ung thư vú theo liệu pháp hóa trị hỗ trợ. Tạp chí Y Học TPHCM 2020, 24(6), 246-255	Cao Thị Quỳnh Trâm, Phạm Hồng Thắm, Nguyễn Ngọc Phúc, Nguyễn Tuấn Anh, Huỳnh Ngọc Trinh.
78.	In vitro and in vivo inhibitory effects on the HMG-CoA reductase of Okra extracts (<i>Abelmoschus esculentus</i> (L.)). <i>Journal of Medicinal Materials</i> 2020, 25(5), 311-315	To-Quyen Vuong, Thi-Thuy-Anh Nguyen, Ngoc-Phuc Nguyen, Ngoc-Trinh Huynh.
79.	Effectiveness of educational intervention carried out by clinical pharmacists for the quality of life of patients with irritable bowel syndrome: A randomized controlled trial. <i>JGH Open</i> 5.2 (2021): 242-248.	Vo Duy Thong, Nguyen Ngoc Phuc, Bui Thi Huong Quynh
80.	Mô phỏng mô hình thử tác động ức chế HMG-CoA reductase từ nguồn enzyme ở gan chuột nhắt. Tạp chí Y Học TP. HCM (2018), 1(22):340-347.	Trương Đình Phước, Trần Thị Thiên Thanh, Huỳnh Ngọc Trinh, Trần Mạnh Hùng
81.	Hypolipidemic effect of ethanolic extract from <i>Pandanus amaryllifolius</i> leaves on triton WR-1339-induced hyperlipidemia in mice. <i>International Journal of Pharmacological Research</i> 2018; 8(12): 131-136.	Nguyen Duong Ngoc Thoi, Tran Manh Hung, Huynh Ngoc Trinh

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
82.	Relative bioavailability and pharmacokinetic comparison of calcium glucoheptonate with calcium carbonate. <i>Pharmacol Res Perspect.</i> 2020 Apr;8(2):e00589. doi: 10.1002/prp2.589. PMID: 32302064; PMCID: PMC7164401.	Wiria M, Tran HM, Nguyen PHB, Valencia O, Dutta S, Pouteau E.
83.	Effect of CYP3A5 genotypes on serum carbamazepine concentrations at steady-state in Vietnamese epileptic patients. <i>Research J. Pharm. and Tech</i> 2020; 13(6): 2802-2806. doi: 10.5958/0974-360X.2020.00498.9.	Tham Hong Pham, Hieu Thi Minh Huynh, Ha Thi Vo, Hung Manh Tran
84.	Effects of Ganoderma Lucidum Extract on Morphine-Induced Addiction and Memory Impairment in Mice.	Yen Hoang Tran, Tram Thi Thu Nguyen, Phuong Thi Nguyen, Kien Trung Nguyen, Chu Xuan Duong, Hung Manh Tran. <i>Biointerface Research in Applied Chemistry</i> 2022 1(12): 1076-1084; https://doi.org/10.33263/BRIAC121.10761084 .(ISISco)
85.	Role of clinical pharmacists in epilepsy management at a general hospital in Vietnam: a before-and-after study. <i>Journal of Pharmaceutical Policy and Practice</i> 2021. https://doi.org/10.1186/s40545-021-00394-9	Hong Tham Pham, Minh-Hoang Tran, Ngoc Quy Nguyen, Van Tan Vo, Manh Hung Tran
86.	Effect of Acetylated Wheat Starch on Metabolic Indices in High-Fat Diet-induced Obese and Hyperglycemic Mice.	Thi Thu Hien Chu, Hai Thuy Nguyen, Thi Hoa Phu, Huu Dung Tran, and Manh Hung Tran, <i>Journal of Food and Nutrition Research</i> , vol. 10, no. 4 (2022): 293-298. doi: 10.12691/jfnr-10-4-5.
87.	The Asian Pharmacometrics Network: The historical background, establishment, objectives and roles, and recent activities.	Kaibara A, Peng A, Xie R, Ho YF, Lin CJ, Tham LS, Mallayasamy S, Sathirakul K, Lo YL, Tran MH, Pham VT, Kharis Nugroho A, Myo Oo K, Kunwar B, Mannapperuma U, Ya K, Usman M, Ming LC, Park K. <i>CPT Pharmacometrics Syst Pharmacol.</i> 2022 Apr;11(4):403-408. doi: 10.1002/psp4.12777. Epub 2022 Mar 14. PMID: 35286775; PMCID: PMC9007605.
88.	Erythromycin encapsulation in nanoemulsion-based delivery systems for treatment of <i>Helicobacter pylori</i> infection: Protection and synergy.	Tran LTC., Gueutin C., Frebourg G., Burucoa C., Faivre V., <i>Biochem Biophys Res Commun</i> , 493(1):146-151 (2017)

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
89.	A scalable process to produce lipid-based compartment Janus nanoparticles with pharmaceutically approved excipients	Tri Truong-Cong, Elodie Millart, Le Tuyet Chau Tran, Heinz Amenitsch, Ghislaine Frebourg, Sylviane Lesieura, Vincent Faivre, Nanoscale (2018)
90.	Điều chế hệ tiểu phân nano chứa cao Linh chi (<i>Ganoderma lucidum</i>) hướng tác dụng kháng cholinesterase	Trần Thị Nguyên Đăng, Trần Lê Tuyết Châu, Trần Phi Hoàng Yến, Tạp chí Dược học, số 509 (2018)
91.	Điều chế vật liệu nano silica cấu trúc mao quản bằng phương pháp Stöber cải tiến	Ngô Thị Mỹ Duyên, Trần Phi Hoàng Yến, Trần Lê Tuyết Châu, Tạp chí Y dược học (2019)
92.	Nghiên cứu và tối ưu hóa công thức tổng hợp chấm lượng tử CdSe bằng phương pháp keo ướt	Hoàng Thúy Bình, Trần Thị Bích Hiền, Trần Lê Tuyết Châu, Tạp chí Y dược học, Số 6 (2020)
93.	Nghiên cứu bào chế vi cầu natri alginate chứa bovine serum albumin	Lê Minh Quân, Bùi Thị Mỹ Kim, Trần Lê Tuyết Châu, Lê Thị Thu Vân, Tạp chí Y dược học, Số 15 (2021)
94.	Erythromycin encapsulation in nanoemulsion-based delivery systems for treatment of <i>Helicobacter pylori</i> infection: Protection and synergy.	Tran LTC., Gueutin C., Frebourg G., Burucoa C., Faivre V., Biochem Biophys Res Commun, 493(1):146-151 (2017)
95.	5-HT _{2A} receptor-mediated PKC δ phosphorylation is critical for serotonergic impairments induced by p-chloroamphetamine in mice.	Dieu Hien Phan, Eun-Joo Shin, Naveen Sharma, Tran Phi Hoang Yen, Duy-Khanh Dang, Yong Sup Lee, Yu Jeung Lee, Seung-Yeol Nah, Jae Hoon Cheong, Ji Hoon Jeong, Hyoung-Chun Kim Food Chem Toxicol. (2020)
96.	Optimal Extraction Process and In Vivo Anti-Inflammatory Evaluation of High Purity Oily Capsicum Oleoresin for Pharmaceutical Applications, Evidence-Based Complementary and Alternative Medicine (2021)	Dinh Tien Dung Nguyen, Mong Tham Vo, Cong Tri Truong, Dai Hai Nguyen, Thuy Anh Nguyen Thi, Thanh Ngoc Huynh Truc, Nguyen Thanh Viet, Minh Hoang Vo Do
97.	Preparation and analgesic activity test of <i>Capsicum frutescens</i> oleoresin.	Minh Hoang Vo Do, Tien Le Xuan, Mong Tham Vo, Buu Thong Huynh, Dinh Tien Dung Nguyen, Thuy Anh Nguyen Thi, Cong Tri Truong, Dai Hai Nguyen Vietnam Journal of Science and Technology, 59(2), 149 (2021)
98.	Đặc điểm phân bố và tính nhạy kháng với hóa chất diệt côn trùng của muỗi <i>Aedes aegypti</i> tại thành phố Hồ Chí Minh	Huỳnh Kha Thảo Hiền, Lê Thành Đồng, Dương Phước An, Đoàn Bình Minh, Nguyễn Thanh Hoàng Y Học TP. Hồ Chí Minh * Tập 25 * Số 2 * 2021

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
99.	Thiết lập tạp chất đối chiếu tạp A của gabapentin; xây dựng quy trình HPLC định lượng đồng thời gabapentin, tạp A trong nguyên liệu và chế phẩm gabapentin.	Lê Thanh Long, Nguyễn Trần Văn Anh, Chương Ngọc Nãi, Nguyễn Đức Tuấn Tạp chí Dược học số 1-2018; 33-37.
100	Thiết lập tạp chất đối chiếu N-butyl-N-{{2'-(1H-tetrazol-5-yl)biphenyl-4-yl}methyl}-L-valin (tạp B của valsartan); xây dựng quy trình định lượng tạp B trong nguyên liệu và thành phẩm valsartan; Tạp chí Dược học số 1-2018; 45-49.	Trương Trần Trang, Trần Quốc Phú, Đỗ Châu Minh Vĩnh Thọ, Nguyễn Đức Tuấn
101	Xây dựng qui trình phân tích một số glucocorticoid nguy tạo trong chế phẩm dược liệu bằng phương pháp UHPLC-UV-Vis.	Trần Ngọc Luân, Đỗ Châu Minh Vĩnh Thọ, Nguyễn Đức Tuấn Tạp chí Dược học số 2-2018; 41-44.
102	Tối ưu hóa quy trình tổng hợp carboxymethyl-beta-cyclodextrin.	Nguyễn Thị Minh Phương, Nguyễn Thị Kiều Hào, Nguyễn Đức Tuấn, Trần Quốc Thanh Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 22, số 1-2018; 216-220.
103	Khảo sát độ ổn định viên hai lớp chứa metoprolol 50 mg phóng thích kéo dài và amlodipin 5 mg phóng thích nhanh.	Nguyễn Thị Linh Tuyền, Lê Quan Nghiệm, Nguyễn Đức Tuấn Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 22, số 1-2018; 408-415.
104	Xây dựng quy trình định lượng đồng thời fexofenadin và tạp A bằng phương pháp HPLC.	Trần Thị Cẩm Vân, Trần Quốc Lộc, Nguyễn Đức Tuấn Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 22, số 1-2018; 416-425
105	Tự đánh giá chương trình đào tạo dược sĩ đại học hệ chính quy của Khoa Dược – Đại học Y Dược TP.HCM theo tiêu chuẩn mới của AUN.	Hoàng Thị Hương, Trần Văn Thành, Nguyễn Đức Tuấn Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 22, số 1-2018; 426-435.
106	Xây dựng quy trình định lượng một số chất bảo quản nhóm paraben trong chế phẩm kem bôi da bằng HPLC-PDA;	Huỳnh Xuân Vinh, Nguyễn Đức Tuấn
107	Nghiên cứu bào chế viên nén hai lớp phóng thích kéo dài chứa felodipin 5 mg và metoprolol 50 mg.	Trịnh Thị Phương Lan, Thái Võ Ngọc Thảo, Nguyễn Đức Tuấn, Lê Quan Nghiệm, Nguyễn Thiện Hải Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 22, số 1-2018; 436-444.
108	Xác định dư lượng cloramphenicol, florfenicol, thiamphenicol, ofloxacin, ciprofloxacin, enrofloxacin có trong nước thải bằng phương pháp LC-MS/MS.	Đinh Thị Thanh Loan, Nguyễn Ngọc Khánh Thư, Đỗ Châu Minh Vĩnh Thọ, Nguyễn Đức Tuấn Tạp chí Dược học số 9-2018; 7-11,15.

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
109	Tổng hợp và xác định độ tinh khiết của S-allyl-L-cystein.	Huỳnh Phương Thảo, Nguyễn Đức Tuấn, Đỗ Châu Minh Vĩnh Thọ Tạp chí Dược học số 9-2018; 64-69.
110	Định lượng sofosbuvir trong chế phẩm bằng phương pháp quang phổ UV-Vis, HPLC và CE.	Phạm Thị Thanh Thảo, Nguyễn Đức Tuấn Tạp chí Dược học số 11-2018; 51-56.
111	Xây dựng và thẩm định quy trình định lượng pinoselin diglucosid trong cao khô Đỗ trọng bằng phương pháp HPLC.	Trần Thanh Tâm, Nguyễn Đức Hạnh, Huỳnh Trần Quốc Dũng, Nguyễn Đức Tuấn Tạp chí Dược học số 11-2018; 60-64.
112	Tổng hợp và xác định độ tinh khiết tạp chất liên quan D (ethyl 5-amino-1H-pyrazol-4-carboxylat) của alopurinol.	Nguyễn Trần Văn Anh, Lữ Thiện Phúc, Phạm Lê Ngọc Yến, Nguyễn Đức Tuấn Tạp chí Dược học số 12-2018; 32-36.
113	Định lượng đồng thời metronidazol và spiramycin I trong huyết tương người bằng LC-MS/MS.	Trần Thị Mỹ Dung, Bùi Mỹ Hạnh, Chương Ngọc Nãi, Nguyễn Đức Tuấn Tạp chí Dược học số 01-2019; 17-22.
114	Xây dựng quy trình định lượng đồng thời geniposid và pinoselin diglucosid trong viên nén 2 thành phần Dành dành – Đỗ trọng bằng phương pháp HPLC.	Trần Thanh Tâm, Nguyễn Đức Hạnh, Nguyễn Đức Tuấn Tạp chí Dược học số 02-2019; 24-30.
115	Tổng hợp và xác định độ tinh khiết tạp B của carvedilol.	Nguyễn Hữu Tiến, Trần Thị Ngọc Uyên, Chương Ngọc Nãi, Trần Việt Hùng, Trần Hữu Dũng, Nguyễn Đức Tuấn, Trương Ngọc Tuyền Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 23, số 2-2019; 70-76.
116	Khảo sát sự phù hợp chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo dược sĩ đại học của Đại học Y Dược TP. HCM với các bên liên quan ngoài.	Nguyễn Thị Kim Anh, Nguyễn Đức Tuấn Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 23, số 2-2019; 125-131.
117	Xây dựng quy trình định lượng geniposid trong cao khô Dành dành bằng phương pháp HPLC.	Trần Thanh Tâm, Nguyễn Đức Hạnh, Huỳnh Trần Quốc Dũng, Nguyễn Đức Tuấn Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 23, số 2-2019; 132-142.
118	Thực trạng sử dụng và đặc điểm hỗn hợp pha chế dịch truyền dinh dưỡng theo đơn tại Bệnh viện Nhi Đồng 2 năm 2017.	Hoàng Thùy Linh, Trịnh Hữu Tùng, Đoàn Văn Tuyền, Nguyễn Hoàng Thanh Tuyền, Nguyễn Thiện Hải, Lê Quan Nghiệm, Nguyễn Đức Tuấn Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 23, số 2-2019; 143-149.
119	Nghiên cứu công thức viên chứa metformin hydroclorid 500 mg phóng thích kéo dài và sitagliptin 50 mg phóng thích tức thời	Nguyễn Ngọc Nhã Thảo, Nguyễn Đức Tuấn, Trịnh Thị Thu Loan Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 23, số 2-2019; 150-160.

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
120	Thiết lập chất đối chiếu và kiểm nghiệm tạp B và tạp C của glimepirid trong nguyên liệu và chế phẩm glimepirid	Võ Thị Hằng Nga, Trương Ngọc Tuyền, Nguyễn Đức Tuấn Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 23, số 2-2019; 161-169.
121	Tổng hợp dẫn xuất mono-6-amino-6-deoxy-beta-cyclodextrin	Nguyễn Thị Minh Phương, Hồ Đan Thu, Nguyễn Đức Tuấn Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 23, số 2-2019; 462-467.
122	Xây dựng quy trình định lượng sắc tố đỏ trong Hồng hoa bằng phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến	Lưu Lê Khanh, Bùi Trọng Phú, Nguyễn Thị Thu Hiền, Lê Đức Việt, Nguyễn Hữu Lạc Thủy, Nguyễn Đức Tuấn Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản tập 23, số 2-2019; 685-689.
123	Tổng hợp và xác định độ tinh khiết tạp chất liên quan glimepirid sulfonamid (tạp B) và glimepirid urethan (tạp C).	Võ Thị Hằng Nga, Huỳnh Phương Nguyên, Trương Ngọc Tuyền, Nguyễn Đức Tuấn Tạp chí Dược học số 03-2019; 47-53
124	Tổng hợp và xác định độ tinh khiết của tạp chất liên quan D (N-[2[[[5-[(dimethylamino)methyl]-2-furanyl]methyl]thio]ethyl]-2-nitroacetamid) của ranitidin.	Phạm Lê Ngọc Yến, Đỗ Gia Hưng, Bùi Thị Hồng Phương, Nguyễn Đức Tuấn Tạp chí Dược học số 10-2019; 13-18.
125	Định lượng đồng thời atorvastatin, amlodipin, peprindopril arginin bằng phương pháp điện di mao quản	Đặng Vy Thảo, Lê Thị Thu Cúc, Trần Thị Mỹ Dung, Nguyễn Đức Tuấn Tạp chí Dược học số 11-2019; 43-49.
126	Quantitative analysis of S-Allylcysteine in black garlic via Ultra-High-Performance Liquid Chromatography-Tandem Mass Spectrometry;	Do Chau Minh Vinh Tho, Huynh Phuong Thao, Nguyen Duc Tuan, Andreas Zemann Systematic Reviews in Pharmacy 2019, 10(1), 161-166.
127	Simultaneous liquid chromatography-tandem mass spectrometry assay of amlodipine besylate and metoprolol succinate in human plasma: Development, validation, and application;	Nguyen Thi Linh Tuyen, Le Quan Nghiem, Nguyen Duc Tuan Systematic Reviews in Pharmacy 2019, 10(2), 1-7.
128	Xây dựng quy trình định lượng carthamin trong Hồng hoa bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (Flos carthami tinctorii)	Lưu Lê Khanh, Bùi Trọng Phú, Nguyễn Hữu Lạc Thủy, Nguyễn Đức Tuấn Tạp chí Y học Việt Nam, tập 486, số 1 & 2 – 2020; 35-39.
129	Định lượng đồng thời atorvastatin, amlodipin, peprindopril arginin bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao;	Đặng Vy Thảo, Nguyễn Đức Tuấn Tạp chí Dược học số 2-2020; 31-37.
130	Parenteral nutrition preparation procedure: a hazard analysis and critical control points approach at a pediatric hospital in Vietnam	Hoang Thuy Linh, Trinh Xuan Tung, Trinh Huu Tung, Vo Quoc Bao, Le Thi Minh Hong, Pham Ngoc Thach, Nguyen Minh Ngoc, Luu Thanh Binh,

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
		Phan Trong Lan, Hoang Quoc Cuong, Nguyen Duc Hai, Nguyen Duy Long, Nguyen Thi Thu Phuong, Van Thi Thuy Linh, Pham Thi Mai Anh, Nguyen Thien Hai, Le Quan Nghiem, Nguyen Duc Tuan Systematic Reviews in Pharmacy 2020, 11(1), 159-164.
131	Development, Validation, and Application for Simultaneous Assay of Amlodipine, Atorvastatin, and Ortho- and Para-Hydroxy Atorvastatin as Metabolites in Human Plasma by Liquid Chromatography Tandem Mass Spectrometry	Chuong Ngoc Nai, Nguyen Van Trung, Tran Long Thai, Nguyen Ngoc Vinh, Tran Viet Hung, Pham Van Son, Nguyen Duc Tuan Systematic Reviews in Pharmacy 2020, 11(1), 165-173.
132	Risk of microbiological contamination when preparing total parenteral nutrition for pediatric patients: A pilot study at a regional hospital in southern Vietnam	Hoang Thuy Linh, Trinh Xuan Tung, Trinh Huu Tung, Vo Quoc Bao, Le Thi Minh Hong, Pham Ngoc Thach, Nguyen Minh Ngoc, Luu Thanh Binh, Phan Trong Lan, Hoang Quoc Cuong, Nguyen Duc Hai, Nguyen Duy Long, Nguyen Thi Thu Phuong, Van Thi Thuy Linh, Pham Thi Mai Anh, Nguyen Thien Hai, Le Quan Nghiem, Nguyen Duc Tuan Systematic Reviews in Pharmacy 2020, 11(2), 1-5.
133	Development, Validation, and Application for Simultaneous Assay of Metformin and Sitagliptin in Human Plasma by Liquid Chromatography–Tandem Mass Spectrometry	Nguyen Ngoc Nha Thao, Nguyen Ngoc Hieu, Do Chau Minh Vinh Tho, Trinh Thi Thu Loan, Nguyen Duc Tuan Systematic Reviews in Pharmacy 2020, 11(2), 6-13.
134	Development and Validation of a LC-MS/MS Method for Determination of Multi-Class Antibiotic Residues in Aquaculture and River Waters, and Photocatalytic Degradation of Antibiotics by TiO ₂ Nanomaterials; Catalysts	Tho Chau Minh Vinh Do, Duy Quoc Nguyen, Tuan Duc Nguyen, Phuoc Huu Le 2020, 10(3), 1-19.
135	Development of standardized specimens with known concentrations for severe acute respiratory syndrome coronavirus 2 Realtime-RT-PCR testing validation	Phan Trong Lan, Hoang Quoc Cuong, Hoang Thuy Linh, Nguyen Trung Hieu, Nguyen Hoang Anh, Tran Ton, Tran Cat Dong, Vu Thanh Thao, Do Thi Hong Tuoi, Nguyen Duc Tuan, Huynh Thi Kim Loan, Nguyen Thanh Long, Cao Minh Thang, Nguyen Duc Hai, Nguyen Thi Thanh Thao Bull World Health Organ. 2020. E-pub: 20 April 2020. doi: http://dx.doi.org/10.2471/BLT.20.259630 . (ISI, IF = 6.818)

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
136	Ứng dụng tác nhân đối quang trong phân tích đồng phân ketoprofen bằng phương pháp điện di mao quản	Nguyễn Thị Minh Phương, Hồ Quốc Việt, Nguyễn Đức Tuấn Tạp chí Y học TPHCM B 2020, 24(2), 62-67.
137	Xây dựng quy trình định lượng đồng thời irbesartan và hydrochlorothiazid trong huyết tương người bằng kỹ thuật LC-MS/MS	Chuong Ngọc Nãi, Lê Thị Đào, Lê Nguyễn Trung Nguyên, Nguyễn Văn Trung, Trần Việt Hùng, Nguyễn Đức Tuấn Tạp chí Y học TPHCM B 2020, 24(2), 131-141.
138	Tổng hợp và xác định độ tinh khiết tạp D của carvedilol	Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Thị Như Ngọc, Phan Tấn Vương, Trần Hữu Dũng, Nguyễn Đức Tuấn, Trương Ngọc Tuyền Tạp chí Dược học số 05-2020; 28-32.
139	Xây dựng quy trình định lượng đồng thời apoglaziovin, caaverin, n-methyl asimilobin trong lá sen bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao với đầu dò dây diod quang	Đỗ Châu Minh Vĩnh Thọ, Trần Hùng, Nguyễn Đức Tuấn Tạp chí Dược học số 05-2020; 79-84.
140	Xây dựng quy trình định lượng đồng thời alcaloid khung benzyl isoquinolin có trong tâm sen (<i>Plumula nelumbinis</i>) bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao với đầu dò dây diod quang	Đỗ Châu Minh Vĩnh Thọ, Phạm Đoan Vi, Trần Hùng, Nguyễn Đức Tuấn Tạp chí Dược học, 6; 46-50.
141	Tổng quan về lợi ích và tiềm năng của các hoạt chất sinh học từ biển ứng dụng trong công nghiệp dược phẩm.	Nguyễn Thị Ngọc Dung, Nguyễn Đức Tuấn Tạp chí Y học TPHCM B 2020, 24(3), 1-7.
142	Simultaneous determination of phyllanthin, hypophyllanthin, and niranthin in rabbit plasma by LC-MS/MS.	Pham Van Son, Tran Long Thai, Chuong Ngoc Nai, Pham Thi Thanh Thao, Nguyen Duc Tuan, Tran Viet Hung, Nguyen Ngoc Vinh International Journal of Pharmaceutical Research, 2020, 12(4), 1974-1980.
143	Simultaneous determination of amlodipine, losartan, and the losartan carboxylic acid active metabolite in human plasma by LC-MS/MS.	Chuong Ngoc Nai, Nguyen Van Trung, Tran Long Thai, Tran Viet Hung, Nguyen Duc Tuan International Journal of Pharmaceutical Research, 2020, 12(4), 1981-1990.
144	Xây dựng quy trình phân tích đồng thời sáu hợp chất giảm glucose huyết nguy tạo trong thuốc dược liệu và thực phẩm chức năng bằng phương pháp HPLC-PDA.	Phan Trần Như Nguyệt, Nguyễn Đức Tuấn Tạp chí Y Dược học số 2 – Tháng 9/2020, 183-190.

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
145	Tổng hợp và xác định độ tinh khiết của tạp chất A (2-[4-[4-(4-(hydroxydiphenylmethyl)piperidin-1-yl]butanoyl] phenyl]-2-methylpropanoic acid) của fexofenadin.	Đỗ Gia Hưng, Nguyễn Đức Tuấn Tạp chí Y Dược học số 8 – Tháng 11/2020, 80-87.
146	Tổng hợp và thiết lập chất đối chiếu tạp E của allopurinol.	Lữ Thiện Phúc, Đỗ Anh Dũng, Trương Ngọc Tuyền, Nguyễn Đức Tuấn Tạp chí Y Dược học số 13 – Tháng 01/2021, 22-28.
147	Tổng hợp và thiết lập chất đối chiếu N-formyl desloratadin và decloro desloratadin.	Nguyễn Thị Thanh Thu, Lê Thị Thu Cúc, Nguyễn Đức Tuấn Tạp chí Y Dược học số 15 – Tháng 02/2021, 4-15.
148	Phân lập và xây dựng quy trình định lượng một số hợp chất hướng tác dụng chống oxy hoá của cây móng bò leo (<i>Bauhinia bracteata</i> Benth. Fabaceae).	Nguyễn Thị Thu Hạnh, Nguyễn Đức Tuấn Tạp chí Y Dược học số 15 – Tháng 02/2021, 26-34.
149	Tổng hợp và thiết lập chất đối chiếu omeprazol sulfon	Phạm Thị Hoàng Phương, Lê Lại Hoàng Sơn, Trần Đặng Việt Tín, Trương Ngọc Tuyền, Nguyễn Đức Tuấn Tạp chí Y học TPHCM B, 25(2), 88-99.
150	Khảo sát độ ổn định của dung dịch dinh dưỡng nuôi ăn tĩnh mạch	Hoàng Thùy Linh, Lê Quan Nghiệm, Nguyễn Đức Tuấn Tạp chí Y Dược học số 20 – Tháng 05/2021, 84-89.
151	Xây dựng quy trình phân tích đồng thời một số phthalat trong nước sơn móng tay bằng phương pháp GC-MS	Nguyễn Hữu Lạc Thủy, Thạch Thị Bô Pha, Nguyễn Hoàng Thảo My, Trương Văn Đạt, Nguyễn Đức Tuấn Tạp chí Y Dược học số 22 – Tháng 06/2021, 88-96.
152	The Production of Standardized Samples with Known Concentrations for Severe Acute Respiratory Syndrome Coronavirus 2 RT-qPCR Testing Validation for Developing Countries in the Period of the Pandemic Era;	Hoang Quoc Cuong, Nguyen Duc Hai, Hoang Thuy Linh, Nguyen Trung Hieu, Nguyen Hoang Anh, Tran Ton, Tran Cat Dong, Vu Thanh Thao, Do Thi Hong Tuoi, Nguyen Duc Tuan, Huynh Thi Kim Loan, Nguyen Thanh Long, Cao Minh Thang, Nguyen Thi Thanh Thao, Phan Trong Lan BioMed Research International, 2021. https://doi.org/10.1155/2021/5516344 . (Q2 Scopus, SJR 2020: 0.77, ISSN: 23146133, IF = 3.411).
153	Development of a Capillary Electrophoretic Method for the Determination of Huperzine A Concentration in Vietnamese <i>Huperzia serrata</i>	Ngoc Chuong Nguyen, Dinh Vinh, Duc Tuan Nguyen, Huynh Van Thi Nguyen, Cong Luan Tran, Manh Hung Tran

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
		Natural Product Communications, 2021, 16(9), 1-8. (Q3 Scopus, SCI Journal, SJR 2020: 0.22, ISSN: 15559475, 1934578X, IF = 0.986).
154	Bilayer tablets with sustained-release metformin and immediate-release sitagliptin: preparation and in vitro/in vivo evaluation;	Ngoc Nha Thao Nguyen, Duy Toan Pham, Duc Tuan Nguyen, Thi Thu Loan Trinh Journal of Pharmaceutical Investigation, 2021, 51, 579-586. https://doi.org/10.1007/s40005-021-00533-z . (Q1 Scopus, SJR 2020: 0.75, ISSN: 2093-6214, 2093-5552, IF = 5.24).
155	Định lượng acid amin trong dung dịch nuôi ăn tĩnh mạch bằng kỹ thuật sắc ký lỏng hiệu năng cao; Tạp chí Y Dược học số 26 – Tháng 08/2021, 56-64.	Hoàng Thùy Linh, Lê Quan Nghiệm, Nguyễn Đức Tuấn
156	Development of a Scalable Process of Film-Coated bi-Layer Tablet Containing Sustained-Release Metoprolol Succinate and Immediate-Release Amlodipine Besylate;	Nguyen Thi Linh Tuyen, Le Quan Nghiem, Nguyen Duc Tuan, Phuoc Huu Le Pharmaceutics 2021, 13, 1797. https://doi.org/10.3390/pharmaceutics13111797 . (Q1, SJR 2020: 1.054, ISSN: 1999-4923, IF = 6.07).
157	Thiết lập chất đối chiếu 4-(oxiran-2-ylmethoxy)-9H-carbazol (tạp D) và 2-(2-methoxyphenoxy)ethylamin (tạp E) của carvedilol; Tạp chí Y Dược học số 34 – Tháng 11/2021, 35-39.	Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Thị Mai Trang, Nguyễn Đức Tuấn, Trương Ngọc Tuyền, Trần Hữu Dũng
158	Xây dựng quy trình phân tích đồng thời một số phthalat trong nước sơn móng tay bằng phương pháp LC-MS	Nguyễn Hữu Lạc Thủy, Thạch Thị Bô Pha, Nguyễn Đức Tuấn Tạp chí Y Dược học số 34 – Tháng 11/2021, 77-85.
159	Development and validation of simultaneous assay of simvastatin, beta-hydroxy simvastatin as metabolite in human plasma using liquid chromatography-tandem mass spectrometry	Nai Ngoc Chuong, Thai Long Tran, Thanh Thi Ta, Son Van Pham, Hung Viet Tran, Tuan Duc Nguyen MedPharmRes 2022, 6(2), 9-17 (ISSN (Online): 2615-9139).
160	Xây dựng phương pháp phân tách đồng phân quang học của citalopram và mirtazapin bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao sử dụng pha tĩnh quang hoạt nhóm cellulose	Lê Thị Thu Cúc, Nguyễn Đan Vy, Lê Minh Tài, Trần Mỹ Thiên Thanh, Nguyễn Đức Tuấn Tạp chí Y Dược học số 44 – Tháng 03/2022, 19-31.
161	Điều chế và thiết lập tạp chất đối chiếu A và C của meloxicam.	Võ Minh Thắng, Nguyễn Đức Tuấn Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh B, 26(2), 37-51.

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
162	Xác định tổng hàm lượng flavonolignan tính theo silybin trong dược liệu hạt cúc gai và chế phẩm từ cúc gai (<i>Silybum marianum</i> (L.) Gaertn.) bằng phương pháp quang phổ UV-Vis.	Thái Nguyễn Khánh Hằng, Ngô Thị Thanh Diệp, La Hoàng Anh Tạp chí Y Học TP.HCM, 2018, 22(1), 241-248.
163	Xây dựng quy trình định lượng silybin trong dược liệu hạt Cúc gai và chế phẩm từ Cúc gai (<i>Silybum marianum</i> (L.) Gaertn) bằng phương pháp HPLC.	Ngô Thị Thanh Diệp, La Hoàng Anh, Hà Quốc Huân, Tạ Công Minh Huy Tạp chí Y học TP.HCM, 2019, 23(2), 512-518.
164	Tổng hợp và đánh giá tạp chất liên quan acid 4-(1-hydroxy-1-methylethyl)-2-propyl-1-[[2'-(1h-tetrazol-5-yl) biphenyl-4-yl] methyl]-1h-imidazol-5-carboxylic (acid olmesartan) của olmesartan medoxomil.	Ngô Thị Thanh Diệp, Võ Lý Phương Thùy Tạp chí Y học TP.HCM, 2019, 23(2), 506-511.
165	Tổng hợp và xác định độ tinh khiết tạp B (olmesartan lacton) của olmesartan medoxomil.	Ngô Thị Thanh Diệp, Nguyễn Thị Anh Tú, Hoàng Thị Thủy Vân, Võ Lý Phương Thùy Tạp chí Y Học Thành phố Hồ Chí Minh B – Khoa học Dược, 2020, 24(2), 201-206
166	Tổng hợp và đánh giá tạp chất liên quan atorvastatin lacton (tạp H) của atorvastatin.	Ngô Thị Thanh Diệp, Hoàng Thị Thủy Vân, Nguyễn Thị Anh Tú, Nguyễn Thị Hạnh Giang Tạp chí Y Học Thành phố Hồ Chí Minh B – Khoa học Dược, 2020, 24(2), 91-97.
167	Tổng hợp và thiết lập chất đối chiếu tạp D của Ramipril.	Nguyễn Trần Thiên Thanh, Ngô Thị Thanh Diệp Tạp chí Y Học Thành phố Hồ Chí Minh B – Khoa học Dược, 2020, 24(3), 107-113.
168	Tổng hợp tạp F và 2-methyl-1,2,3,4-tetrahydroisoquinolin-4,6-diol của phenylephrin.	Hà Quốc Huân, Tạ Công Minh Huy, Nguyễn Anh Vũ, Ngô Thị Thanh Diệp Tạp chí Y Học Thành phố Hồ Chí Minh B – Khoa học Dược, 2021, 25(2), 100-106.
169	Synthesis, establishment of reference standard impurity A of ramipril and assessment of impurities in ramipril products.	Thanh Tran Thien Nguyen, Huan Ha Quoc, Vu Anh Nguyen, Hiep Khac Long Nguyen, Diep Thi Thanh Ngo MedPharmRes, 2022, 6(3).
170	Combined Layer/Particle Approaches in Surface Molecular Imprinting of Proteins: Signal Enhancement and Competition. Sensors, 2018, 18(1).	Nam V. H. Phan, Hermann F. Sussitz, Eva Ladenhauf, Dietmar Pum and Peter A. Liberzeit

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
171	Isolation of hippadine from the bulbs of crinum latifolium L. amaryllidaceae.	N. T. Tuyet Nhung, H. C. Tin, P. V. Ho Nam, V. T. Bach Hue Southeast Asian Journal of Sciences, 2018, 6(1), 73-79.
172	Chiral separation and determination of (S)-amlodipine by HPLC with mobile phase containing enantiomeric agent.	Trần Mỹ Thiên Thanh, Phan Văn Hồ Nam, Lê Khánh Trúc Diễm, Lê Thị Thu Cúc Tạp chí Dược học, 2018, 509(58), 20-23.
173	Investigating synthetic factors of salbutamol-imprinted polymer, directed to apply as the sorbent for selective solid-phase extraction.	Tra Thanh Nguyen, Nam V. H. Phan Tạp chí Y Học TP. Hồ Chí Minh, vol 22-Supplement of No 1- 2018:210-215
174	Synthesis of caffeine-imprinted polymer, directed as the sorbent for selective solid-phase extraction.	Quynh N. Nguyen, Nam V. H. Phan Tạp chí Y Học TP. Hồ Chí Minh, vol 22-Supplement of No 1- 2018:204-209.
175	Quantitative determination of palmitate pyrazinamide by high performance liquid chromatography and the application in finding its partition coefficient (log P).	Phuong Duy Nguyen, Duy Dinh Pham, Nam V. H. Phan Tạp chí Y Học TP. Hồ Chí Minh Press, vol 22-Supplement of No 1- 2018:197-203.
176	Synthesis quercetin imprinted polymer by precipitation polymerization method, directed to apply as sorbent for selective solid-phase extraction.	Nguyen Huy Viet Phan, Thi Kim Huong Nguyen, Thi Bach Hue Vo, Van Ho Nam Phan Pharmaceutical Sciences Asia, 2019, 46 (2), 108-119.
177	Establishment of reference standard synthesized palmitoyl pyrazinamide as well as quantitative determination of palmitate pyrazinamide and determination of pyrazinamide as impurity in spray-dried powder by high performance liquid chromatography.	Huynh Thi Thanh Hang, Phan Thị Hương Giang, Lê Quang Hien, Nguyen Truong Thinh, Vo Thi Quynh Nhu, Pham Dinh Duy, Phan Van Ho Nam Tạp chí Y Học TP. Hồ Chí Minh, vol 23-Supplement of No 2- 2019:489-498
178	Phân lập và thiết lập chất đối chiếu hippadin từ thân hành tinh nữ hoàng cung (Crinum latifolium L.).	Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Phan Văn Hồ Nam, Võ Thị Bạch Huệ Tạp chí Dược học, 2019, 518(59), 61-64, 73.
179	Nghiên cứu và chế tạo đế SERS Al/Al ₂ O ₃ /Ag bằng phương pháp ăn mòn nhằm phát hiện dược chất ketoprofen.	Lê Thị Minh Huyền, Nguyễn Hoàng Việt, Trần Thị Lua, Nguyễn Thành Phúc, Phan Văn Hồ Nam, Lê Vũ Tuấn Hùng Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ – Natural Sciences, 5(3), 1-8.

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
180	Xây dựng quy trình định lượng stachyose trong cao toàn phần <i>Stachys affinis</i> bằng phương pháp sắc ký lỏng siêu hiệu năng đầu dò khối phổ.	Nguyễn Thị Bích Ngọc, Nguyễn Việt Tịnh, Đặng Thị Xuân Quyên, Nguyễn Thị Vy Phương, Võ Thị Bạch Huệ, Phan Thanh Dũng, Phan Văn Hồ Nam Tạp chí dược liệu, 2021, 26(6), 304-309.
181	Acetylcholinesterase inhibitory activity of fatty acids isolated from brown seaweed <i>Sargassum Mclurei</i> Serchell.	Hà Thị Ngọc Trâm, Nguyễn Đỗ Phương Nam, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Nguyễn Thế Hân, Võ Thị Bạch Huệ, Phan Văn Hồ Nam Tạp chí Dược liệu, 2022, 27(1), 19-24.
182	Simultaneous determination of 14 oral antihyperglycaemic drugs in human urine by liquid chromatography–tandem mass spectrometry	Quoc-Ky Truong, Xuan-Lan Mai, Jae-Yong Lee, Jongsook Rhee, Dinh Vinh, Jongki Hong, Kyeong Ho Kim
183	Isolation of Kaempferol from Vietnamese <i>Ginkgo biloba</i> leaves by preparative column chromatography	Tuong Van Nguyen, Vinh Dinh
184	Constituents of <i>Acacia nilotica</i> (L.) Delile with Novel Kinase Inhibitory Activity.	Augustine A. Ahmadu, Abdulkarim Agunu, Thi-Ngoc-Dung Nguyen, Blandine Baratte, Béatrice Foll-Rosselin, Sandrine Ruchaud, Benoît Serive, Stéphane Bach Planta Medica International Open 4,2017, e108-e113.
185	Kinase-Based Screening of Marine Natural Extracts Leads to the Identification of a Cytotoxic High Molecular Weight Metabolite from the Mediterranean Sponge <i>Crambe tailliezi</i> .	Thi-Ngoc-Dung Nguyen, Omid Feizbakhsh, Estelle Sfecci, Blandine Baratte, Claire Delehouzé, Andrien Garcia, Corentin Moulin, Pierre Colas, Sandrine Ruchaud, Mohamed Mehiri, Stéphane Bach Marine Drugs, 2019, 17(10), 569.
186	Xây dựng quy trình định lượng kaempferol trong Hồng hoa <i>Carthamus tictorius</i> L., Asteraceae.	Nguyễn Hồng Thiên Thanh, Biện Thị Ngọc Kim Anh, Lê Ngọc Tú, Nguyễn Hữu Lạc Thủy Tạp chí Y học TP. HCM, 2017, 21(1), 199 - 204.
187	Nghiên cứu phân lập các hợp chất alkaloid từ rễ Trinh nữ hoàng cung.	Lê Ngọc Tú, Khổng Minh Thương, Võ Thị Bạch Huệ, Nguyễn Hồng Thiên Thanh, Nguyễn Hữu Lạc Thủy Tạp chí Y học TP. HCM, 2018, 22(1), 162 – 168.
188	Định lượng hợp chất phenol trong rễ Trinh nữ hoàng cung bằng phương pháp Folin –Ciocalteau.	Lê Ngọc Tú, Hồ Lê Trúc Linh, Võ Thị Bạch Huệ, Nguyễn Hồng Thiên Thanh Tạp chí Y học TP. HCM, 2018, 22(1), 169 – 175.

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
189	Xây dựng quy trình định lượng đồng thời amoxicilin và sulbactam trong thuốc bột pha tiêm bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao.	Nguyễn Hồng Thiên Thanh, Trần Diễm Phúc, Nguyễn Hoàng Khôi, Lê Ngọc Tú Tạp chí Y học TP.HCM – B, 2020, 24(2), 97 – 103.
190	Xây dựng quy trình định lượng acid (e)-10-hydroxy-2-decenoic trong sữa ong chúa bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao.	Nguyễn Minh Nguyệt, Trương Văn Đạt, Nguyễn Hữu Lạc Thủy
191	Nghiên cứu quy trình tổng hợp tạp A và tạp B của sulpirid	Võ Thị Cẩm Vân, Cù Quang Phú, Nguyễn Hữu Lạc Thủy, Nguyễn Đăng Thịnh
192	Phân lập và xây dựng quy trình định lượng đồng thời emodin và physcion trong rễ Cốt khí (Radix polygoni cuspidati)	Nguyễn Hoàng Duy, Nguyễn Hữu Lạc Thủy
193	Đánh giá hiệu năng máy đo chuẩn liều thuốc phóng xạ tại Khoa Y học hạt nhân bệnh viện Ung bướu Thành phố Hồ Chí Minh	Hồ Đắc Hùng, Võ Khắc Nam, Đỗ Thanh Liêm, Nguyễn Hữu Lạc Thủy
194	Electroosmotic flow modulation for improved electrokinetic preconcentration: Application to capillary electrophoresis of fluorescent magnetic nanoparticles.	Ngoc Van Thanh Nguyen, Claire Smadja, Myriam Taverna, Sirine El Mousli, Emilie Secret, Jean-Michel Siaugue, Lac Thuy Huu Nguyen, Thanh Duc Mai Analytica Chimica Acta, 2021.
195	Extracts of Crinum latifolium inhibit the cell viability of mouse Lymph oma cell line EL4 and induce activation of anti-tumour activity of macrophages in vitro.	Hoang-Yen T.Nguyen, Bach-Hue T.Vo, Lac-Thuy H.Nguyen, Jose Bernad, Mohamad Alaeddine, Agnes Coste, Karine Reybier, Bernard Pipy, Françoise Nepveu. Journal of Ethnopharmacology
196	Xây dựng quy trình định lượng đồng thời metformin hydroclorid và vildagliptin trong chế phẩm đa thành phần bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao.	Phan Thanh Dũng, Lưu Hoàng Long, Hoàng Anh Việt Tạp chí Dược học, 11/2019, 69-73.
197	Xây dựng qui trình định lượng đồng thời metoprolol tartrat và ivabradin hydroclorid trong chế phẩm bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC).	Hoàng Anh Việt, Đoàn Nguyễn Minh Tâm, Phan Thanh Dũng Tạp chí Y học TP.HCM B, 2021, 25(4).

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
198	Xây dựng qui trình định lượng đồng thời L-arginin aspartat và L-lysin hydroclorid trong chế phẩm bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao	Lê Thị Ánh Tuyết, Phan Thanh Dũng
199	Xây dựng qui trình định lượng đồng thời betamethason và dexchlorpheniramin maleat trong viên nén bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao	Liêu Thủy Tú, Phan Thanh Dũng
200	Xây dựng quy trình định lượng các diterpen lacton trong cây Xuyên tâm liên (<i>Andrographis paniculata</i> (Burm.f.) bằng phương pháp HPLC	Lê Nguyễn Trung Nguyên, Phan Thanh Dũng
201	Xây dựng qui trình định lượng đồng thời hợp piracetam và cinnarizin trong chế phẩm bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao	Lâm Hoàng Lệ Vân, Phan Thanh Dũng
202	Xây dựng và quy trình định lượng đồng thời paracetamol, dextromethorphan hydrobromid, loratadin, phenylephrin bitartrat trong viên sủi bọt bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao	Nguyễn Thị Như Ngọc, Phan Thanh Dũng
203	Xây dựng quy trình định lượng đồng thời andrographlid, dehydroandrographolid, neoandrographolid trong lá cây Xuyên tâm liên <i>Andrographis paniculata</i> (Brum.f.) Nees bằng phương pháp điện di mao quản	Hà Thị Thanh Nga, Lữ Thị Kim Chi, Phan Thanh Dũng
204	Xây dựng và thẩm định quy trình định lượng đồng thời paracetamol và orphenadrin citrat trong viên nén bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao với đầu dò PDA.	Võ Hoàng Thùy Ngân, Hà Minh Hiển, Phan Thanh Dũng
205	Xây dựng qui trình phân tích đồng phân quang học dexlanzaprazol bằng phương pháp sắc ký lỏng	Nguyễn Hạnh Thảo Ngân, Phan Thanh Dũng, Trần Thị Mỹ Dung, Lê Thị Thu Cúc
206	Enantiomeric purity test of R-(+)-alpha lipoic acid by HPLC using immobilized amylose-based chiral stationary phase	Thi Anh Tuyen Le, Thuy Vy Pham, Xuan Lan Mai, Chailin Song, Sunjung Woo, Cheolhee Jeong, Sungyoun Choi, Thanh Dung Phan, Kyeong Ho Kim
207	Nghiên cứu xây dựng quy trình định lượng collagen trong thực phẩm chức năng bằng phương pháp LC - MS/MS	Phạm Hoàng Anh, Nguyễn Thị Ngọc Vân, Phan Thanh Dũng
208	Determination of enantiometric impurity of tenofovir disoproxil fumarate on a cellulose tris(3,4-dichlorophenyl-carbamate) chiral stationary phase and the characterization of its related substances	Bao- Tan Nguyen, Thi Anh Tuyen Le, Xuan Lan Mai, Thi Ngoc Van Nguyen, Thanh Dung Phan, Jong-Seong Kang, Kyeong Ho Kim

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
209	Xây dựng qui trình định lượng đồng thời paracetamol, thiocolchicosid và tạp 4-aminophenol trong chế phẩm đa thành phần bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao	Nguyễn Bá Thuận, Phan Thanh Dũng
210	Enantioselective electrophoretic behavior of lipoic acid in single and dual cyclodextrin systems	Thi Anh Tuyet Le, Bao- Tan Nguyen, Thanh Dung Phan, Jong-Seong Kang, Kyeong Ho Kim
211	UPLC-MS/MS Method for simultaneous determination of metformin and glimepiride in human plasma: A green approach to environment	Duong Dinh Chung, Nguyen Thi Ngoc Yen, Phan Thanh Dung
212	Assessment of Job Stress of Clinical Pharmacists in Ho Chi Minh City, Vietnam: A Cross-Sectional Study	Hai-Yen Nguyen-Thi, Minh-Thu Do-Tran, Thuy-Tram Nguyen-Ngoc, Dung Van Do, Luyen Dinh Pham, Nguyen Dang Tu Le
213	Current status of clinical pharmacy workforce, services and clinical pharmacist recruitment in Ho Chi Minh City, Vietnam	Hai-Yen Nguyen-Thi, Thuy-Tram Nguyen-Ngoc, Nha Hoang Le, Nghiem Quan Le, Nguyen Dang Tu Le
214	Impact of Antimicrobial Stewardship Program on Vancomycin Usage: Costs and Outcomes at Hospital for Tropical Diseases in Ho Chi Minh City, Vietnam	Hai-Yen Nguyen-Thi, Duy-Anh Nguyen, Phuong-Thao Huynh, Nguyen Dang Tu Le
215	Interdisciplinary Assessment of Hygiene Practices in Multiple Locations: Implications for COVID-19 Pandemic Preparedness in Vietnam.	Trương Văn Đạt et al
216	Job satisfaction of clinical pharmacists and clinical pharmacy activities implemented at Ho Chi Minh City, Vietnam	Hai-Yen Nguyen-Thi, Thuy-Tram Nguyen-Ngoc, Minh-Thu Do-Tran, Dung Van Do, Luyen Dinh Pham, Nguyen Dang Tu Le
217	Proposal for a neurotoxic classification for chemicals at work	Shiraz Dib, Thi-Hai-Yen Nguyen, Julie Bodin, Mélanie Bertin, Alexis Descatha, Yves Roquelaure, Nathalie Bonvallot
218	The Economic Burden of Chronic Kidney Disease in Vietnam	Hai-Yen Nguyen-Thi, Thanh-Nhan Le-Phuoc, Nhan Tri Phat, Dat Truong Van , Thuy-Trang Le-Thi, Nguyen Dang Tu Le , Hong-Nguyen Tran-Thi, Luyen Pham Dinh
219	Efficient Hydrogen Evolution Reaction in Alkaline via Novel Hybrid of Pt Deposited Zinc Phosphide Nanosheets	LNT Mai, TC Lam, Bui QB, Hoang-Thy Nhac-Vu
220	Budget impact analysis of the HIV/AIDS treatment on a national scale: a study from the Vietnam Social Security perspective.	Hoang-Thy Nhac-Vu, Tran-Thi Ngoc-Van, Do-Thi Thu-Ha

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
221	Phân tích chi phí hiệu quả bằng mô hình của Budesonide/Formoterol khi cần ở người bệnh hen nhẹ tại Việt Nam	Phạm Huy Tuấn Kiệt , Lê Đăng Tú Nguyên, Heleen van Haalen, Trương Văn Đạt, Lê Hồng Phương, Nguyễn Thị Hải Yến, Nguyễn Thị Quỳnh Nga
222	Phân tích sự hài lòng của nhà thuốc đối với dịch vụ cung ứng thuốc của công ty cổ phần Pymepharco tại Thành phố Hồ Chí Minh	Trương Văn Đạt et al
223	Situation analysis of the domestic drug materials registration in Vietnam in the period of 2009-2019	Trương Văn Đạt et al
224	Tình hình triển khai hướng dẫn chương trình quản lý kháng sinh của Bộ Y tế ở các cơ sở y tế tại Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Hải Yến, Huỳnh Phương Thảo, Lê Đăng Tú Nguyên, Bạch Hoàng Hải Triều, Trần Đình Trung, Lê Ngọc Danh, Trương Văn Đạt, Nguyễn Văn Vĩnh Châu
225	Ứng dụng Lean Six Sigma cho quy trình khám chữa bệnh ngoại trú có BHYT tại một số bệnh viện TP. Hồ Chí Minh	Trương Văn Đạt, Hứa Thị Hồng Ân, Lê Đăng Tú Nguyên, Nguyễn Thị Hải Yến
226	Ứng dụng Lean Six Sigma cho quy trình khám chữa bệnh ngoại trú có BHYT tại một số bệnh viện TP. Hồ Chí Minh	Trương Văn Đạt, Hứa Thị Hồng Ân, Lê Đăng Tú Nguyên, Nguyễn Thị Hải Yến
227	Phân tích chi phí hiệu quả bằng mô hình của Budesonide/Formoterol khi cần ở người bệnh hen nhẹ tại Việt Nam	Phạm Huy Tuấn Kiệt , Lê Đăng Tú Nguyên, Heleen van Haalen, Trương Văn Đạt, Lê Hồng Phương, Nguyễn Thị Hải Yến, Nguyễn Thị Quỳnh Nga
228	Phân tích sự hài lòng của nhà thuốc đối với dịch vụ cung ứng thuốc của công ty cổ phần Pymepharco tại Thành phố Hồ Chí Minh	Trương Văn Đạt et al
229	Situation analysis of the domestic drug materials registration in Vietnam in the period of 2009-2019	Trương Văn Đạt et al
230	Tình hình triển khai hướng dẫn chương trình quản lý kháng sinh của Bộ Y tế ở các cơ sở y tế tại Tp. Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Hải Yến, Huỳnh Phương Thảo, Lê Đăng Tú Nguyên, Bạch Hoàng Hải Triều, Trần Đình Trung, Lê Ngọc Danh, Trương Văn Đạt, Nguyễn Văn Vĩnh Châu
231	Ứng dụng Lean Six Sigma cho quy trình khám chữa bệnh ngoại trú có BHYT tại một số bệnh viện TP. Hồ Chí Minh	Trương Văn Đạt, Hứa Thị Hồng Ân, Lê Đăng Tú Nguyên, Nguyễn Thị Hải Yến
232	Ứng dụng Lean Six Sigma cho quy trình khám chữa bệnh ngoại trú có BHYT tại một số bệnh viện TP. Hồ Chí Minh	Trương Văn Đạt, Hứa Thị Hồng Ân, Lê Đăng Tú Nguyên, Nguyễn Thị Hải Yến

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
233	Khảo sát sự hài lòng của nhân viên y tế đối với các dạng thuốc sevoflurane đang lưu hành tại Việt Nam	Phạm Thị Minh Châu, Lê Đình Thông, Nguyễn Thị Thu Thủy
234	Correlation between anti-malarial and anti-haemozoin activities of anti-malarial compounds.	Trương Văn Đạt et al
235	Cost-Effectiveness of Gliclazide-Based Intensive Glucose Control vs. Standard Glucose Control in Type 2 Diabetes Mellitus. An Economic Analysis of the ADVANCE Trial in Vietnam	Hai-Yen Nguyen-Thi , Nga TQ. Nguyen, Nguyen Dang Tu Le , Maud Beillat and Olivier Ethgen
236	Coverage of Health Information by Different Sources in Communities: Implication for COVID-19 Epidemic Response.	Trương Văn Đạt et al
237	Efficacy of chalcone and xanthine derivatives on lipase inhibition: A systematic review.	Trương Văn Đạt et al
238	Evaluating Training Need for Epidemic Control in Three Metropolitans: Implications for COVID-19 Preparedness in Vietnam.	Trương Văn Đạt et al
239	Exploring Aurone Derivatives as Potential Human Pancreatic Lipase Inhibitors through Molecular Docking and Molecular Dynamics Simulations.	Trương Văn Đạt et al
240	Implementation status of antimicrobial stewardship programs in hospitals: A quantitative analysis study in Ho Chi Minh city, Vietnam	Thi-Hai-Yen Nguyen, Dat Van Truong, Phuong-Thao Huynh, Chi-Thuong Tang, Vinh-Chau Van Nguyen, Minh-Thai Tran, Tu-Quy Phan, Cam Tien Ngoc Phung, Nguyen Dang Tu Le
241	Occupational co-exposure to biomechanical factors and neurotoxic chemicals in a representative sample of French employees	Mélanie Bertin, Thi-Hai-Yen Nguyen, Nathalie Bonvallot, Julie Bodin, Yves Roquelaure
242	Iron Sulfide Nanosheets Supported 3D foam: A Binder-free Electrocatalyst for Sensitive and Selective Electrochemical H ₂ O ₂ detection	LNT Mai, VT Pham, Bui QB, Hoang-Thy Nhac-Vu
243	Novel nanohybrid of blackberry-like gold structures deposited graphene as a free-standing sensor for effective hydrogen peroxide detection	MLN Thi, VT Pham, Bui QB, Ai-Le PH, Nhac-Vu Hoang-Thy
244	Ultra-small platinum nanoparticles deposited graphene supported on 3D framework as self-supported catalyst for methanol oxidation	LNT Mai, Bach LG, Bui QB, Nhac-Vu Hoang-Thy

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
245	Hierarchical Star-like Molybdenum Phosphides Nanostructures Decorated Graphene on 3D Foam as Self-support Electrocatalysts for Hydrogen Evolution Reaction	LNT Mai, Bach LG, Nhac-Vu Hoang-Thy, Bui QB
246	A novel Nanohybrid of Cobalt Oxide-Sulfide Nanosheets Deposited Three-Dimensional Foam as Efficient Sensor for Hydrogen Peroxide Detection	LNT Mai, Bui QB, Bach LG, Nhac-Vu Hoang-Thy
247	Đánh giá giải pháp can thiệp xây dựng định mức trong quản lý hóa chất xét nghiệm tại bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu - tỉnh Bến tra giai đoạn 2018-2019	Nguyễn Thị Hải Yến, Trần Thị Hồng Nguyên, Lê Phương Uyên, Phan Thị Lil, Lê Đăng Tú Nguyên
248	Đánh giá giải pháp can thiệp xây dựng định mức trong quản lý hóa chất xét nghiệm tại bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu - tỉnh Bến tra giai đoạn 2018-2019	Nguyễn Thị Hải Yến, Trần Thị Hồng Nguyên, Lê Phương Uyên, Phan Thị Lil, Lê Đăng Tú Nguyên
249	Đánh giá tình hình sử dụng kháng sinh thông qua chỉ số ngày điều trị kháng sinh tại Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2018	Huỳnh Phương Thảo, Phùng Ngọc Cẩm Tiên, Nguyễn Văn Vĩnh Châu, Trương Văn Đạt, Lê Đăng Tú Nguyên, Nguyễn Thị Hải Yến
250	Implementation status of antimicrobial stewardship programs in hospitals: A quantitative analysis study in Ho Chi Minh city, Vietnam	Thi-Hai-Yen Nguyen, Dat Van Truong, Phuong-Thao Huynh, Chi-Thuong Tang, Vinh-Chau Van Nguyen, Minh-Thai Tran, Tu-Quy Phan, Cam Tien Ngoc Phung, Nguyen Dang Tu Le
251	Khảo sát sự hài lòng của người bệnh về chất lượng dịch vụ cấp phát thuốc bảo hiểm y tế ngoại trú tại nhà thuốc Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1	Nguyễn Thị Hải Yến, Trương Văn Đạt, Thái Ngọc Hà, Thái Huệ Ngân, Lê Đăng Tú Nguyên, Phạm Đình Luyến
252	Nghiên cứu khả năng gắn kết và tương tác của các hợp chất tự nhiên trên một số thụ thể kháng sốt rét	Trương Văn Đạt et al
253	Tổng hợp và đánh giá tác động ức chế lipase tụy của các dẫn chất 4'-N-(4-hydroxybenzylamino)chalcon	Trương Văn Đạt et al
254	Ứng dụng các kỹ thuật phân tích ABC - VEN - XYZ - FSN trong quản trị tồn kho tại Bệnh viện Đa khoa Thiện Hạnh, tỉnh Đắk Lắk	Trần Thị Ngọc Hương, Trương Văn Đạt, Trần Thị Hồng Nguyên, Lê Đăng Tú Nguyên, Nguyễn Thị Hải Yến
255	Đánh giá giải pháp can thiệp xây dựng định mức trong quản lý hóa chất xét nghiệm tại bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu - tỉnh Bến tra giai đoạn 2018-2019	Nguyễn Thị Hải Yến, Trần Thị Hồng Nguyên, Lê Phương Uyên, Phan Thị Lil, Lê Đăng Tú Nguyên

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
256	Đánh giá giải pháp can thiệp xây dựng định mức trong quản lý hóa chất xét nghiệm tại bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu - tỉnh Bến tra giai đoạn 2018-2019	Nguyễn Thị Hải Yến, Trần Thị Hồng Nguyên, Lê Phương Uyên, Phan Thị Lil, Lê Đặng Tú Nguyên
257	Đánh giá tình hình sử dụng kháng sinh thông qua chỉ số ngày điều trị kháng sinh tại Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2018	Huỳnh Phương Thảo, Phùng Ngọc Cẩm Tiên, Nguyễn Văn Vĩnh Châu, Trương Văn Đạt, Lê Đặng Tú Nguyên, Nguyễn Thị Hải Yến
258	Implementation status of antimicrobial stewardship programs in hospitals: A quantitative analysis study in Ho Chi Minh city, Vietnam	Thi-Hai-Yen Nguyen, Dat Van Truong, Phuong-Thao Huynh, Chi-Thuong Tang, Vinh-Chau Van Nguyen, Minh-Thai Tran, Tu-Quy Phan, Cam Tien Ngoc Phung, Nguyen Dang Tu Le
259	Khảo sát sự hài lòng của người bệnh về chất lượng dịch vụ cấp phát thuốc bảo hiểm y tế ngoại trú tại nhà thuốc Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1	Nguyễn Thị Hải Yến, Trương Văn Đạt, Thái Ngọc Hà, Thái Huệ Ngân, Lê Đặng Tú Nguyên, Phạm Đình Luyến
260	Nghiên cứu khả năng gắn kết và tương tác của các hợp chất tự nhiên trên một số thụ thể kháng sốt rét	Trương Văn Đạt et al
261	Tổng hợp và đánh giá tác động ức chế lipase tụy của các dẫn chất 4'-N-(4-hydroxybenzylamino)chalcon	Trương Văn Đạt et al
262	Ứng dụng các kỹ thuật phân tích ABC - VEN - XYZ - FSN trong quản trị tồn kho tại Bệnh viện Đa khoa Thiện Hạnh, tỉnh Đắk Lắk	Trần Thị Ngọc Hương, Trương Văn Đạt, Trần Thị Hồng Nguyên, Lê Đặng Tú Nguyên, Nguyễn Thị Hải Yến
263	Hiệu quả của palbociclib kết hợp với Letrozole/Fulvestrant trong điều trị ung thư vú di căn/tiến xa: tổng quan các kết quả nghiên cứu giai đoạn 2015-2019.	Phạm Ngọc Thủy Tiên, Trần Thị Điện Linh, Hoàng Thy Nhac Vũ
264	Nghiên cứu tổng quan hệ thống về phân tích chi phí - hiệu quả của liệu pháp nội tiết có chứa Palbociclib so với các liệu pháp nội tiết khác trong điều trị ung thư vú.	Trần Thị Điện Linh, Hoàng Thy Nhac Vũ
265	Đánh giá chất lượng sống của người bệnh	Nguyễn Thị Thu Thủy, Nguyễn Thị Thùy Nhung, Nguyễn Thị Liêm Thanh
266	Ung thư phổi không tế bào nhỏ trước và sau điều trị tại bệnh viện Phạm Ngọc Thạch năm 2020	Phan Gia Huy, Nguyễn Thị Thu Thủy

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
267	Phân tích chi phí – hiệu quả sacubitril/valsartan so với enalapril trong điều trị suy tim mạn phân suất tổng máu giảm tại viện tim thành phố hồ chí minh theo quan điểm cơ quan chi trả bảo hiểm y tế	Nguyễn Thị Thu Thủy, Phan Gia Huy, Trần Văn Thuấn, Phạm Xuân Dũng, Bạch Quốc Khánh, Phù Chí Dũng
268	Phân tích chất lượng cuộc sống của người bệnh ung thư vú điều trị bằng thuốc sinh học ở một số bệnh viện chuyên khoa tại Việt Nam	Nguyễn Hữu Từ, Nguyễn Thị Thu Thủy
269	Khảo sát đặc điểm và kết quả điều trị ở trẻ sinh non có chẩn đoán hội chứng suy hô hấp tại Bệnh viện Từ Dũ	Trương Anh Thư, Nguyễn Thị Thu Thủy
270	Phân tích chi phí trực tiếp y tế trong điều trị mỗi ca nhập viện do suy tim từ dữ liệu thanh toán Bảo hiểm y tế Việt Nam năm 2017-2018	Tôn Nữ Thùy Anh, Nguyễn Thị Thu Thủy
271	Đánh giá chất lượng sống bệnh nhân bạch cầu mạn dòng tuỷ sử dụng thuốc ức chế tyrosine kinase	Trần Thiên Thanh, Nguyễn Thị Thu Thủy
272	Ước tính chi phí điều trị bạch cầu mạn dòng tuỷ bằng thuốc ức chế tyrosine kinase	Nguyễn Thanh Tùng, Nguyễn Thị Thu Thủy, Lưu Hùng Vũ, Hoàng Thị Thúy Hà, Lê Quan Nghiệm
273	Efficacy of chalcone and xanthine derivatives on lipase inhibition: A systematic review	Trương Văn Đạt et al
274	An innovative catalyst of nickel-palladium alloy nanocrystals embedded nitrogen-doped graphene for efficient oxygen reduction reaction	M.L.N. Thi, T.H. Tran, P.D. Hai Anh, Hoang-Thy Nhac-Vu, Bui QB
275	Hierarchical Cobalt Nanorods Shelled with Nickel Oxide Vertically Attached 3D Architecture as Non-binder and Free-standing Sensor for Sensitive Non-enzymatic Glucose Detection	Long-Giang Bach, T L Mai Nguyen, Quoc-Bao Bui, Nhac-Vu Hoang-Thy
276	Hierarchical zinc–nickel phosphides nanosheets on 3D nickel foam as self-support electrocatalysts for hydrogen evolution reaction	M.L.N. Thi, T. Hien Tran, Phung Hai-Anh, Hoang-Thy Nhac-Vu, Bui Quoc-Bao
277	Investigation of the antibiotic resistance: The case of Buu Dien General Hospital in Ho Chi Minh City	Tran-Thi Ngoc-Van, Tran Quang-Thinh, Cu Thanh-Tuyen, Hoang-Thy Nhac-Vu
278	Palladium Sulfide Nanoparticles Attached MoS2/Nitrogen-Doped Graphene Heterostructures for Efficient Oxygen Reduction Reactionx	Quoc-Bao Bui, Nhac Vu Hoang-Thy, T L Mai Nguyen, Long-Giang Bach

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
279	The patented drugs utilization: a study at Nguyen Dinh Chieu Hospital in Ben Tre province from 2011 to 2017	Cu Thanh-Tuyen, Tran-Thi Ngoc-Van, Dang Kim-Loan, Hoang-Thy Nhac-Vu
280	Novel nanoneedle structures of zinc-doped cobalt hydroxide as a self-supported sensor for sensitive glucose detection	TH Tran, MLN Thi, NT Son, Bui QB, Ai-Le H Phung, Nhac Vu Hoang-Thy
281	Mesoporous gold nanoparticles supported cobalt nanorods as a free-standing electrochemical sensor for sensitive hydrogen peroxide detection	Bach LG, MLN Thi, Son NT, Bui QB, Nhac-Vu Hoang-Thy, Ai-Le PH
282	Nickel-tungsten sulfides nanostructures assembled nitrogen-doped graphene as a novel catalyst for effective oxygen reduction reaction	Bich H Nguyen, Loan T Nguyen, Bui QB, Ai-Le H Phung, Nhac Vu Hoang-Thy
283	Hierarchical Molybdenum Dichalcogenide Nanosheets Assembled Nitrogen Doped Graphene Layers for Sensitive Electrochemical Dopamine Detection	Bach LG, Nguyen DM, Bui QB, Ai-Le PH, Nhac-Vu Hoang-Thy
284	The patented drugs utilization: a study at Nguyen Dinh Chieu Hospital in Ben Tre province from 2011 to 2017	Cu Thanh-Tuyen, Tran-Thi Ngoc-Van, Dang Kim-Loan, Hoang-Thy Nhac-Vu
285	Health-related quality of life in children with hemophilia A: a single center study from Vietnam.	Nguyen Thi Thu Thuy, Mai Le Huyen, Truong Anh Thu
286	Cost – effectiveness analysis of vildagliptin versus sulfonylurea associated with metformin in the second-line pharmacotherapy of type 2 diabetes mellitus: A systematic review	Nguyen Thi Thu Thuy, Pham Thi Thuy Linh, Nguyen Chau Ai, Nguyen Tran Trung, Nguyen Minh Quan
287	Quality of life of patients with psoriasis based on EQ-5D-5L questionnaire: an analysis at specialized hospital in Vietnam.	Nguyen Thi Thu Thuy, Dinh Hoang Yen, Pho Nghia Van, Nguyen Trong Hao
288	Costs of type 2 diabetes mellitus from payers’ perspective: a study from real-world evidence of district hospital in Vietnam.	Nguyen Thi Thu Thuy, Nguyen Tran Trung, Pham Thi Thuy Linh, Le Quan Nghiem, Nguyen Minh Quan
289	Immunization in Vietnam	C.T.T. Nguyen, I. Grappasonni, S. Scuri, B.T. Nguyen, T.T.T. Nguyen, F. Petrelli
290	Khảo sát nguồn nhân lực Dược lâm sàng tại các bệnh viện công lập tuyến quận, huyện trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh	Lê Hoàng Nhã, Nguyễn Thị Hải Yến, Nguyễn Ngọc Thùy Trâm, Lê Đăng Tú Nguyên, Lê Quan Nghiêm

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
291	Khảo sát tình hình bảo quản và cấp phát vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng tại các cơ sở y tế thuộc Huyện Bình Đại, Tỉnh Bến Tre năm 2017 – 2018	Lê Đăng Tú Nguyên, Ngô Thị Kim Phụng, Trần Thị Ái Thiện, Nguyễn Thị Hải Yến, Phạm Đình Luyến
292	Khảo sát tình hình mua sắm thuốc tại Bệnh viện Quận 1, TP. Hồ Chí Minh năm 2018	Triệu Duy Khánh Trang, Nguyễn Thị Thùy Trang, Lê Đăng Tú Nguyên, Nguyễn Thị Hải Yến, Phạm Đình Luyến
293	Khảo sát tình hình sử dụng hóa chất xét nghiệm tại Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu - tỉnh Bến Tre trong năm 2018	Nguyễn Thị Hải Yến, Trần Thị Hồng Nguyên, Phan Thị Lil, Lê Đăng Tú Nguyên
294	Khảo sát tình hình sử dụng hóa chất, vật tư xét nghiệm và hiệu quả sử dụng trang thiết bị xét nghiệm tại bệnh viện quận Tân Phú – TPHCM trong thời gian năm 2015 – 2017	Nguyễn Thị Hải Yến, Nguyễn Hoàng Thu Thảo, Nguyễn Thị Thùy Trang, Lê Đăng Tú Nguyên, Phạm Đình Luyến
295	Khảo sát tình hình sử dụng vị thuốc cổ truyền tại Viện Y Dược Học Dân Tộc - Thành Phố Hồ Chí Minh trong thời gian năm 2015 - 2017	Trần Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Hải Yến, Võ Thị Diệu Tuyết, Lê Đăng Tú Nguyên, Phạm Đình Luyến, Trần Hùng
296	Khảo sát việc đảm bảo chất lượng trong sử dụng dược liệu tại Viện Y Dược Học Dân Tộc - Thành Phố Hồ Chí Minh năm 2017	Trần Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Hải Yến, Trần Thị Hồng Nguyên, Lê Đăng Tú Nguyên, Phạm Đình Luyến, Trần Hùng
297	Nâng cao công tác kiểm kê thuốc bằng việc áp dụng kỹ thuật phân tích ABC: một nghiên cứu điển hình tại bệnh viện đa khoa Việt Nam	Lương Thị Tuyết Minh, Nguyễn Thị Hải Yến, Lưu Trần Mỹ Duyên, Trần Thanh Thủy, Lê Đăng Tú Nguyên, Phạm Đình Luyến
298	Peramivir binding affinity with influenza A neuraminidase and research on its mutations using an induced-fit docking approach	Trương Văn Đạt et al
299	Thiết lập hồ sơ sản phẩm chứa các thuộc tính và mức độ quan trọng của thực phẩm chức năng: một nghiên cứu ứng dụng thiết kế trực giao tại thị trường Thành Phố Hồ Chí Minh năm 2018	Nguyễn Thị Hải Yến, Thái Đức Chính, Lê Đăng Tú Nguyên, Đặng Thị Kiều Nga
300	Tổng quan hệ thống về các hợp chất tự nhiên có hoạt tính ức chế lipase tụy	Trương Văn Đạt et al
301	Khảo sát nguồn nhân lực Dược lâm sàng tại các bệnh viện công lập tuyến quận, huyện trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh	Lê Hoàng Nhã, Nguyễn Thị Hải Yến, Nguyễn Ngọc Thùy Trâm, Lê Đăng Tú Nguyên, Lê Quan Nghiệm

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
302	Khảo sát tình hình bảo quản và cấp phát vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng tại các cơ sở y tế thuộc Huyện Bình Đại, Tỉnh Bến Tre năm 2017 – 2018	Lê Đăng Tú Nguyên, Ngô Thị Kim Phụng, Trần Thị Ái Thiện, Nguyễn Thị Hải Yến, Phạm Đình Luyến
303	Khảo sát tình hình mua sắm thuốc tại Bệnh viện Quận 1, TP. Hồ Chí Minh năm 2018	Triệu Duy Khánh Trang, Nguyễn Thị Thùy Trang, Lê Đăng Tú Nguyên, Nguyễn Thị Hải Yến, Phạm Đình Luyến
304	Khảo sát tình hình sử dụng hóa chất xét nghiệm tại Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu - tỉnh Bến Tre trong năm 2018	Nguyễn Thị Hải Yến, Trần Thị Hồng Nguyên, Phan Thị Lil, Lê Đăng Tú Nguyên
305	Khảo sát tình hình sử dụng hóa chất, vật tư xét nghiệm và hiệu quả sử dụng trang thiết bị xét nghiệm tại bệnh viện quận Tân Phú – TPHCM trong thời gian năm 2015 – 2017	Nguyễn Thị Hải Yến, Nguyễn Hoàng Thu Thảo, Nguyễn Thị Thùy Trang, Lê Đăng Tú Nguyên, Phạm Đình Luyến
306	Khảo sát tình hình sử dụng vị thuốc cổ truyền tại Viện Y Dược Học Dân Tộc - Thành Phố Hồ Chí Minh trong thời gian năm 2015 - 2017	Trần Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Hải Yến, Võ Thị Diệu Tuyết, Lê Đăng Tú Nguyên, Phạm Đình Luyến, Trần Hùng
307	Khảo sát việc đảm bảo chất lượng trong sử dụng dược liệu tại Viện Y Dược Học Dân Tộc - Thành Phố Hồ Chí Minh năm 2017	Trần Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Hải Yến, Trần Thị Hồng Nguyên, Lê Đăng Tú Nguyên, Phạm Đình Luyến, Trần Hùng
308	Nâng cao công tác kiểm kê thuốc bằng việc áp dụng kỹ thuật phân tích ABC: một nghiên cứu điển hình tại bệnh viện đa khoa Việt Nam	Lương Thị Tuyết Minh, Nguyễn Thị Hải Yến, Lưu Trần Mỹ Duyên, Trần Thanh Thủy, Lê Đăng Tú Nguyên, Phạm Đình Luyến
309	Peramivir binding affinity with influenza A neuraminidase and research on its mutations using an induced-fit docking approach	Trương Văn Đạt et al
310	Thiết lập hồ sơ sản phẩm chứa các thuộc tính và mức độ quan trọng của thực phẩm chức năng: một nghiên cứu ứng dụng thiết kế trực giao tại thị trường Thành Phố Hồ Chí Minh năm 2018	Nguyễn Thị Hải Yến, Thái Đức Chính, Lê Đăng Tú Nguyên, Đặng Thị Kiều Nga
311	Tổng quan hệ thống về các hợp chất tự nhiên có hoạt tính ức chế lipase tụy	Trương Văn Đạt et al
312	Thống kê và phân tích khóa luận và luận văn tốt nghiệp ngành Dược tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 1981-2018.	Phan Thị Thanh Nhân, Hoàng Thy Nhac Vũ, Phan Thanh Dũng, Lê Quan Nghiệm.
313	Khảo sát tình hình nghiên cứu kinh tế y tế trong điều trị HIV/AIDS giai đoạn 2014-2019.	Nguyễn Thanh Thủy, Hoàng Thy Nhac Vũ

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
314	Dự báo chi phí trực tiếp y tế trong năm đầu điều trị HIV/AIDS tại Trung tâm y tế Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh theo quan điểm người chi trả.	Đào Đức Tài, Hoàng Thy Nhạc Vũ, Đỗ Thị Thu Hà, Trần Thị Ngọc Vân, Nguyễn Thị Phương Thảo
315	Tổng quan nghiên cứu chi phí hiệu quả thuốc ARV trong điều trị và dự phòng HIV/AIDS giai đoạn 2014-2019.	Hoàng Thy Nhạc Vũ, Nguyễn Thanh Thủy, Trần Thị Ngọc Vân, Trần Anh Vũ
316	Áp dụng cơ sở dữ liệu sử dụng thuốc trong xây dựng cơ sở dữ trữ: nghiên cứu tại Bệnh Viện Phụ Sản Hùng Vương Thành phố Hồ Chí Minh	Lê Phương Thảo, Cù Thanh Tuyền, Huỳnh Thị Ngọc Hạnh, Hoàng Thy Nhạc Vũ
317	Cập nhật các yếu tố liên quan đến việc điều trị HIV chậm trễ: nghiên cứu tại Trung tâm y tế Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Thị Ngọc Vân, Nguyễn Thị Phương Thảo, Đỗ Thị Thu Hà, Lê Văn Thế, Hoàng Thy Nhạc Vũ
318	Khảo sát tình hình điều trị HIV/AIDS tại Trung tâm Y tế Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2006-2018	Nguyễn Thị Phương Thảo, Đỗ Thị Thu Hà, Lê Văn Thế, Trần Thị Ngọc Vân, Hoàng Thy Nhạc Vũ
319	Khảo sát chi phí điều trị HIV/AIDS tại Trung tâm Y tế Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2006-2017	Đỗ Thị Thu Hà, Đào Đức Tài, Nguyễn Thị Phương Thảo, Lê Văn Thế, Hoàng Thy Nhạc Vũ
320	Mô tả đặc điểm sử dụng thuốc tại Bệnh viện ung bướu Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2012-2017	Phan Vũ Cẩm Nhung, Cù Thanh Tuyền, Trần Thị Ngọc Vân, Hoàng Thy Nhạc Vũ
321	Đặc điểm mô hình bệnh tật của Bệnh viện Phú Nhuận Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2012-2016	Hoàng Thy Nhạc Vũ, Cù Thanh Tuyền, Trần Thị Ngọc Vân, Huỳnh Như
322	Khảo sát cơ cấu chi phí sử dụng thuốc tại Bệnh viện Tâm thần tỉnh Bến Tre giai đoạn 2010-2017	Bùi Thị Minh Hiền, Trần Nhật Trường, Trần Ngọc Nhân, Trần Thị Thanh Tuyền, Phan Thị Thanh Nhân, Cù Thanh Tuyền, Trần Thị Ngọc Vân, Hoàng Thy Nhạc Vũ
323	Mô tả đặc điểm mô hình bệnh tật tại Bệnh viện Tâm thần tỉnh Bến Tre giai đoạn 2010-2017	Bùi Thị Minh Hiền, Nguyễn Thanh Thủy, Trần Thị Ngọc Vân, Trần Ngọc Nhân, Trần Thị Thanh Tuyền, Đoàn Thị Cẩm Tú, Cù Thanh Tuyền, Hoàng Thy Nhạc Vũ
324	Khảo sát hướng nghiên cứu của sinh viên thuộc lĩnh vực Quản lý Dược tại Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2008-2018	Hoàng Thy Nhạc Vũ, Phan Thị Thanh Nhân, Phạm Đình Luyến
325	Ứng dụng phương pháp phân tích dữ liệu theo thời gian trong hoạt động dự trữ mua sắm thuốc: nghiên cứu tại bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu Tỉnh Bến Tre	Đặng Kim Loan, Cù Thanh Tuyền, Hoàng Việt, Trần Văn Ân, Phan Thị Mộng Hương, Trần Thị Ngọc Vân, Hoàng Thy Nhạc Vũ

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
326	Mô tả tình hình sử dụng thuốc tại bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu tỉnh Bến Tre giai đoạn 2011-2017	Trần Thị Ngọc Vân, Cù Thanh Tuyền, Đặng Kim Loan, Hoàng Việt, Trình Minh Hiệp, Hoàng Thy Nhạc Vũ
327	Ứng dụng mô hình Holt-Winters trong phân tích xu hướng sử dụng thuốc: nghiên cứu tại Bệnh viện Tâm thần tỉnh Bến Tre giai đoạn 2010-2017	Hoàng Thy Nhạc Vũ, Trần Thị Ngọc Vân, Cù Thanh Tuyền, Trần Nhật Trường, Trần Ngọc Nhân, Trần Thị Thanh Tuyền, Bùi Thị Minh Hiền
328	Khảo sát chi phí thanh toán bảo hiểm y tế ngoại trú tại các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2015 (2019). Tạp chí Y học Việt Nam	Tôn Nữ Thùy Anh, Nguyễn Thị Thu Thủy, Lê Hiền Trang, Nguyễn Thị Quỳnh Nga
329	Phân tích chi phí điều trị nội trú bệnh Hemophilia A tại bệnh viện Nhi Đồng 1	Nguyễn Thị Thanh Thảo, Nguyễn Thị Thu Thủy
330	Optimal analysis of the supply of some cancer drugs preparation by dosage at ChoRay Hospital	Trần Minh Khang, Nguyễn Thị Thu Thủy, Nguyễn Thị Quỳnh Nga
331	Hệ thống hóa chất lượng sống bệnh nhân bạch cầu mạn dòng tủy điều trị với thuốc ức chế tyrosine kinase	Nguyễn Thị Thu Thủy, Thân Thị Thu Vân, Nguyễn Thị Thanh Thảo, Phan Thị Thanh Ngân
332	Ước tính chi phí điều trị bệnh bạch cầu mạn dòng tủy từ góc nhìn của các nghiên cứu trên thế giới.	Nguyễn Thị Thu Thủy, Nguyễn Hữu Nghị, Nguyễn Thanh Vy, Trần Minh Khang
333	Phân tích hiệu quả kinh tế của dự án pha chế tập trung thuốc ung thư theo liều cá thể tại bệnh viện Chợ Rẫy giai đoạn 2013 -2015	Nguyễn Thị Thu Thủy, Trương Phúc Bá Anh, Lê Thị Ngọc Thanh
334	Khảo sát sự ưa thích hơn của người bệnh U lympho không Hodgkin đối với thuốc tiêm truyền và tiêm dưới da tại một số bệnh viện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Tôn Văn Khánh, Lê Hiền Trang, Đinh Hoàng Yến, Nguyễn Thị Thu Thủy
335	Cost - effectiveness of biological drugs for the treatment of moderate-to-severe plaque psoriasis: a systematic review	Đoàn Ngọc Bảo Châu, Nguyễn Thị Thu Thủy
336	Treatment cost of hepatitis C by different regimens in Vietnam: An analysis based on treatment guidelines	Nguyễn Thị Thu Thủy, Võ Phạm Hào
337	Analysing the brand strength of drugstore chains in Ho Chi Minh City - using average brand strength index	Nguyễn Thanh Lan, Nguyễn Thị Thu Thủy
338	Phân tích chi phí trực tiếp ngoài y tế và gián tiếp của người bệnh U lymphoma không Hodgkin tại một số bệnh viện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Nguyen Van Tung, Nguyen Quoc Binh, Nguyen Truong Son, Nguyen Thi Thu Thuy

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
339	Phân tích hiệu quả kinh tế của dự án pha chế tập trung thuốc ung thư theo liều cá thể tại bệnh viện Chợ Rẫy giai đoạn 2013 -2015.	Nguyễn Thị Thu Cúc, Nguyễn Thị Thu Thủy, Nguyễn Thanh Bình, Vũ Quang Hưng
340	Ước tính chi phí điều trị bệnh bạch cầu mạn dòng tủy từ góc nhìn của các nghiên cứu trên thế giới.	Nguyễn Thị Thu Thủy, Nguyễn Hữu Nghị, Nguyễn Thanh Vy, Trần Minh Khang
341	Hệ thống hóa chất lượng sống bệnh nhân bạch cầu mạn dòng tủy điều trị với thuốc ức chế tyrosine kinase	Nguyễn Thị Thu Thủy, Thân Thị Thu Vân, Nguyễn Thị Thanh Thảo, Phan Thị Thanh Ngân
342	Optimal analysis of the supply of some cancer drugs preparation by dosage at ChoRay Hospital	Trần Minh Khang, Nguyễn Thị Thu Thủy, Nguyễn Thị Quỳnh Nga
343	Phân tích chi phí điều trị nội trú bệnh Hemophilia A tại bệnh viện Nhi Đồng 1	Nguyễn Thị Thanh Thảo, Nguyễn Thị Thu Thủy
344	Khảo sát chi phí thanh toán bảo hiểm y tế ngoại trú tại các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2015.	Nguyen Thi Thu Thuy, Tran Nguyen Nhat Ha, Le Manh Hung
345	Phân tích các đặc điểm của người lao động liên quan đến chất lượng cuộc sống công việc: nghiên cứu tại bệnh viện quận 6.	Le Hien Trang, Nguyen Thi Thu Thuy
346	Chi phí thanh toán bảo hiểm y tế ngoại trú năm 2016: nghiên cứu tại bệnh viện 30.4 – Bộ Công an.	Trần Thiên Thanh, Nguyễn Thị Thu Thủy
347	Chất lượng cuộc sống công việc của nhân viên bệnh viện Quận 6.	Nguyễn Văn Tùng, Nguyễn Quốc Bình, Lê Văn Anh, Nguyễn Thị Thu Thủy
348	Khảo sát đặc điểm và hành vi mua thuốc của khách hàng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Nguyễn Thị Thu Cúc, Nguyễn Thị Thu Thủy, Nguyễn Thanh Bình, Lê Quang Tường
349	Chi phí điều trị gãy phức hợp gò má theo quan điểm người chi trả tại bệnh viện Răng Hàm Mặt trung ương Thành phố Hồ Chí Minh.	Nguyễn Thị Thu Cúc, Nguyễn Thị Thu Thủy, Nguyễn Thanh Bình, Vũ Quang Hưng
350	Ảnh hưởng của bệnh phong lên chất lượng sống người bệnh: nghiên cứu tại khu điều trị phong Bến Sắn tỉnh Bình Dương	Nguyen Van Tung, Nguyen Quoc Binh, Nguyen Truong Son, Nguyen Thi Thu Thuy
351	Phân tích ngưỡng chi trả cho một năm sống có chất lượng của người bệnh u lympho không Hodgkin tại một số Bệnh viện thành phố Hồ Chí Minh.	Nguyễn Thanh Lan, Nguyễn Thị Thu Thủy

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
352	Phân tích đặc điểm bệnh nhân của người bệnh u lympho không hodgkin tại một số bệnh viện Việt Nam.	Nguyễn Thị Thu Thủy, Võ Phạm Hào
353	Phân tích chi phí điều trị viêm ruột thừa tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đắk Lắk.	Nguyễn Thị Thu Thủy, Phan Gia Huy, Lê Thanh Diệu Xuân, Lê Tự Phương Thảo
354	Phân tích chi phí - hiệu quả của thuốc yếu tố VIII cô đặc so với kết tủa lạnh trong điều trị Hemophilia A.	Nguyễn Thị Thu Thủy, Phan Thị Thùy Dương (2019).
355	Phân tích các đặc điểm của nhà thuốc ảnh hưởng đến sự lựa chọn của khách hàng tại thành phố Hồ Chí Minh.	Nguyễn Thị Thu Thủy, Từ Thị Thanh Hòa, Lê Thanh Diệu Xuân, Lê Tự Phương Thảo
356	Phân tích chi phí trực tiếp ngoài y tế và gián tiếp của người bệnh U lymphoma không Hodgkin tại một số bệnh viện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Nguyễn Thị Thu Thủy, Tôn Nữ Thùy Anh
357	Khảo sát sự ưa thích hơn của người bệnh U lympho không Hodgkin đối với thuốc tiêm truyền và tiêm dưới da tại một số bệnh viện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Tôn Văn Khánh, Lê Hiền Trang, Đinh Hoàng Yến, Nguyễn Thị Thu Thủy
358	Direct medical costs of kidney stone: a retrospective study	Trung Quang Vo, Tram Thuy Ngoc Nguyen, Thao Quy Thi Le, Luyen Dinh Pham, Quang Vinh Tran
359	Medical services for a provincial hospital in Vietnam: Cost analysis for data management	Phung Thu Hoa Tran, Trung Quang Vo, Duyen Thi Phuong Huynh, Luyen Dinh Pham, Thuy Van Ha
360	Multiple Exposures and Coexposures to Occupational Hazards Among Agricultural Workers: A Systematic Review of Observational Studies	Thi-Hai-Yen Nguyen, Mélanie Bertin, Julie Bodin, Natacha Fouquet, Nathalie Bonvallot, Yves Roquelaure
361	Socioeconomic Burden of Community-acquired Pneumonia Associated Hospitalizations among Vietnamese Patients: A Prospective, Incidence-based Study	Minh Duc Dao, Sau Thi Nguyen, Thuy Van Ha, Luyen Dinh Pham, Trung Quang Vo
362	Evidence-based medicine education improve clinical knowledge of 4th year medical students in the university of medicine and pharmacy at Ho Chi Minh City	Trương Văn Đạt et al
363	Prediction Model for Antimalarial Activities of Hemozoin Inhibitors by Using Physicochemical Properties.	Trương Văn Đạt et al

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
364	Evidence-based medicine education improve clinical knowledge of 4th year medical students in the university of medicine and pharmacy at Ho Chi Minh City	Truong Văn Đạt et al
365	Prediction Model for Antimalarial Activities of Hemozoin Inhibitors by Using Physicochemical Properties.	Truong Văn Đạt et al
366	Đặc điểm mô hình bệnh tật tại bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu tỉnh Bến Tre giai đoạn 2011 – 2017	Hoàng Thy Nhạc Vũ, Nguyễn Thanh Thủy, Đặng Kim Loan, Võ Phạm Trọng Nhân
367	Đặc điểm danh mục kháng sinh sử dụng tại Bệnh viện đa khoa khu vực Định Quán giai đoạn 10/2016 – 09/2017	Nguyễn Thị Hương, Hoàng Thy Nhạc Vũ, Phạm Đình Luyến
368	Khảo sát thực trạng sử dụng kháng sinh tiêm trong điều trị nội trú tại bệnh viện đa khoa Bưu Điện giai đoạn 01/2016 – 06/2017	Trần Quang Thịnh, Trần Nhật Trường, Hoàng Thy Nhạc Vũ
369	Khảo sát kỹ năng bán thuốc trị cảm cúm của nhân viên bán thuốc tại một số nhà thuốc trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Hoàng Thy Nhạc Vũ, Cù Thanh Tuyền, Phan Thị Thanh Nhân, Lê Thành Duy
370	Khảo sát thực trạng vườn thuốc nam mẫu của các trạm y tế phường tại thành phố Thủ Dầu Một - Bình Dương	Đoàn Vũ Bảo, Cù Thanh Tuyền, Hoàng Thy Nhạc Vũ
371	Tổng quan các yếu tố tác động đến tuân thủ điều trị bệnh lao	Trần Thị Ngọc Vân, Hoàng Thy Nhạc Vũ
372	Đánh giá thể mạnh cạnh tranh các thương hiệu chuỗi nhà thuốc trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	Nguyễn Thị Thu Thủy, Chế Quang Minh
373	Phân tích chi phí điều trị bệnh vẩy nến theo quan điểm người chi trả tại bệnh viện Da liễu thành phố Hồ Chí Minh.	Trần Minh Luân, Nguyễn Thanh Vy, Nguyễn Thị Thu Thủy
374	Economic report on the cost of dengue fever in Vietnam: case of a provincial hospital	Luyen Dinh Pham, Nhat Huy Tran Phung, Nguyen Tu Dang Le, Trung Quang Vo
375	Type 2 diabetes in Vietnam: a cross-sectional, prevalence-based cost-of-illness study	Nguyen Tu Dang Le, Luyen Dinh Pham, Trung Quang Vo
376	Injectable cephalosporins use in Vietnamese hospitals: A descriptive cross-sectional multicenter study	Hoang-Thy Nhạc-Vu, Tran-Thi Ngọc-Van

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
377	Analysing the characteristics of successful deliveries with in vitro fertilization and the total treatment cost at Tu Du Hospital in Ho Chi Minh city, Vietnam	Hoang-Thy Nhac-Vu
378	Analysing the antibiotic use in infection control for cesarean section of postpartum surgical site at Hung Vuong Hospital, Vietnam, from 03/2015 to 09/2015	Hoang-Thy Nhac-Vu, Tran-Thi Ngoc-Van
379	Analyze the cost structure of injectable antibiotics utilization for inpatients at 11 hospitals in An Giang Province, Vietnam	Hoang-Thy Nhac-Vu, Pham Vinh-Thang, Tran-Thi Ngoc-Van
380	Chất lượng sống của sinh viên dược khoa Đại Học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh	Lê Đăng Tú Nguyên, Phạm Đình Luyến, Trần Hùng
381	Đánh giá chương trình đào tạo ngắn hạn tại công ty cổ phần dược phẩm pharmacy bằng mô hình Kirkpatrick bốn cấp độ.	Trương Văn Đạt et al
382	Đánh giá độ ổn định của doxophyllin tổng hợp từ theophyllin và 2-bromomethyl-1,3-dioxolan	Trương Văn Đạt et al
383	Evaluation of ESP Effectiveness in Faculty of Pharmacy, University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City, Vietnam	Trương Văn Đạt et al
384	Khảo sát tỉ lệ vi phạm hành chính về hành nghề dược của nhà thuốc và quầy thuốc tại thành phố Cà Mau giai đoạn 2011 – 2015	Hoàng Thy Nhac Vũ, Trần La Kỳ, Phạm Đình Luyến
385	Kiến thức, thái độ, hành vi của nữ sinh viên khoa dược năm 2016 về ung thư cổ tử cung và vaccine phòng ngừa ung thư cổ tử cung	Hoàng Thy Nhac Vũ, Trần La Kỳ, Phạm Đình Luyến
386	Virtual Screening, Oriented-synthesis and Evaluation of Lipase Inhibitory Activity of Benzyl Amino Chalcone Derivatives	Trương Văn Đạt et al
387	Chất lượng sống của sinh viên dược khoa Đại Học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh	Lê Đăng Tú Nguyên, Phạm Đình Luyến, Trần Hùng
388	Đánh giá chương trình đào tạo ngắn hạn tại công ty cổ phần dược phẩm pharmacy bằng mô hình Kirkpatrick bốn cấp độ.	Trương Văn Đạt et al
389	Đánh giá độ ổn định của doxophyllin tổng hợp từ theophyllin và 2-bromomethyl-1,3-dioxolan	Trương Văn Đạt et al

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
390	Evaluation of ESP Effectiveness in Faculty of Pharmacy, University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City, Vietnam	Trương Văn Đạt et al
391	Khảo sát tỉ lệ vi phạm hành chính về hành nghề dược của nhà thuốc và quầy thuốc tại thành phố Cà Mau giai đoạn 2011 – 2015	Hoàng Thy Nhạc Vũ, Trần La Kỳ, Phạm Đình Luyến
392	Kiến thức, thái độ, hành vi của nữ sinh viên khoa dược năm 2016 về ung thư cổ tử cung và vaccine phòng ngừa ung thư cổ tử cung	Hoàng Thy Nhạc Vũ, Trần La Kỳ, Phạm Đình Luyến
393	Virtual Screening, Oriented-synthesis and Evaluation of Lipase Inhibitory Activity of Benzyl Amino Chalcone Derivatives	Trương Văn Đạt et al
394	Xây dựng thang đo giá trị thương hiệu chuỗi nhà thuốc: Nghiên cứu tại hệ thống chuỗi nhà thuốc Pharmacy, Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Thu Thủy, Phạm Đình Luyến
395	Phân tích gộp hiệu quả lâm sàng của ticagrelor và clopidogrel trong điều trị hội chứng mạch vành cấp	Trần Nguyên Pháp,
396	Khảo sát kiến thức, thái độ, hành vi sử dụng kháng sinh của khách hàng nhà thuốc tại các quận nội thành Thành phố Hồ Chí Minh	Trần Minh Khang,
397	So sánh hiệu quả lâm sàng của phác đồ phối hợp ivabradin và B-blocker so với β -blocker trong điều trị suy tim bằng phương pháp phân tích gộp	Đỗ Quang Dương, Nguyễn Thị Thu Thủy
398	Đánh giá kỹ năng thực hành nghề nghiệp của người bán lẻ thuốc tại các nhà thuốc đạt tiêu chuẩn GPP trên địa bàn thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Hoàng Bích Thủy,
399	Xây dựng thang đo đánh giá các đặc điểm của nhà thuốc ảnh hưởng đến sự lựa chọn của khách hàng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Ngô Thảo Nguyên, Nguyễn Thị Thu Thủy
400	Chất lượng sống trên người bệnh tim mạch điều trị ngoại trú: nghiên cứu tại Viện Tim thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Hạnh Thư, Lương Thanh Long, Nguyễn Thanh Vy, Nguyễn Thị Thu Thủy
401	Đo lường giá trị thương hiệu hệ thống chuỗi nhà thuốc Pharmacy	Phan Thanh Trúc Uyên, Hoàng Bích Thủy,
402	Phân tích chi phí - hiệu quả của ticagrelor so với clopidogrel	Tôn Nữ Thùy Anh, Nguyễn Thị Thu Thủy
403	trong điều trị hội chứng mạch vành cấp: nghiên cứu theo quan điểm cơ quan bảo hiểm y tế Việt Nam	Nguyễn Thị Thu Thủy, Trần Minh Khang

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
404	Chi phí điều trị tăng huyết áp: nghiên cứu tại bệnh viện đa khoa khu vực Trần Văn Thời	Nguyễn Thị Thu Thủy, Trịnh Huy Anh Dũng
405	Phân tích chi phí điều trị nhồi máu cơ tim tại Viện Tim Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Thu Thủy, Ngô Thảo Nguyên
406	Economic report on the cost of dengue fever in Vietnam: case of a provincial hospital	Luyen Dinh Pham, Nhat Huy Tran Phung, Nguyen Tu Dang Le, Trung Quang Vo
407	A new and effective approach to the synthesis of sulforaphane	Trương Văn Đạt et al
408	Giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành trong quá trình hội nhập	Trương Văn Đạt et al
409	Khảo sát tình hình kê đơn thuốc tại bệnh viện Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh cơ sở 2 trong tháng 06/2015	Nguyễn Trần Giáng Hương, Nguyễn Thị Quỳnh Nga, Nguyễn Hoàng Thuyên, Phạm Đình Luyến
410	Nghiên cứu mối quan hệ giữa chất lượng dịch vụ, giá cả và sự hài lòng của khách hàng tại nhà thuốc GPP trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Đặng Thị Kiều Nga, Nguyễn Thị Hải Yến, Nguyễn Thị Quỳnh Nga, Trương Văn Tuấn, Phạm Đình Luyến
411	Nghiên cứu mối quan hệ giữa năng lực tâm lý, chất lượng sống trong công việc và hiệu quả công việc của dược sĩ trên địa bàn tỉnh An Giang	Phạm Vĩnh Thăng, Nguyễn Thị Quỳnh Nga, Nguyễn Thị Hải Yến, Phạm Đình Luyến
412	Phân tích các đặc điểm nhân khẩu học ảnh hưởng đến cảm nhận về chất lượng dịch vụ nhà thuốc GPP, giá cả và sự hài lòng của khách hàng trên địa bàn TP Hồ Chí Minh	Đặng Thị Kiều Nga, Nguyễn Thị Hải Yến, Nguyễn Thị Quỳnh Nga, Trương Văn Tuấn, Phạm Đình Luyến
413	Phân tích chi phí – hiệu quả của bevacizumab phối hợp với carboplatin/paclitaxel so với paclitaxel/carboplatin trong điều trị ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn muộn tại Việt Nam	Lương Thị Thu Lam, Nguyễn Thị Thu Thủy
414	Synthesis and Selective Cytotoxic Activities on Rhabdomyosarcoma and Noncancerous Cells of Some Heterocyclic Chalcones	Trương Văn Đạt et al
415	Tổng hợp 8-cloro-1,3,7-trimethyl-3,7-dihydro-1H-purin-2,6-dion (8-clorocafein) tạp E của dimenhydrinat dùng làm chất đối chiếu	Trương Văn Đạt et al
416	Ứng dụng biểu đồ Shewhart đánh giá quy trình cấp phát thuốc tại bệnh viện quận 6 – Tp. Hồ Chí Minh	Võ Công Nhận, Phạm Đình Luyến, Đỗ Quang Dương, Huỳnh Văn Hóa

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
417	Xác định kỳ vọng về các thuộc tính của thực phẩm chức năng của người tiêu dùng tại quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	Trần Mỹ Phương, Nguyễn Thị Quỳnh Nga, Lê Đặng Tú Nguyên, Phạm Đình Luyến, Nguyễn Thị Hải Yến
418	Xây dựng thang đo chất lượng dịch vụ, giá cả và sự hài lòng của khách hàng đối với nhà thuốc GPP trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Minh Quân, Nguyễn Thị Quỳnh Nga, Phạm Đình Luyến
419	A new and effective approach to the synthesis of sulforaphane	Trương Văn Đạt et al
420	Giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành trong quá trình hội nhập	Trương Văn Đạt et al
421	Khảo sát tình hình kê đơn thuốc tại bệnh viện Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh cơ sở 2 trong tháng 06/2015	Nguyễn Trần Giáng Hương, Nguyễn Thị Quỳnh Nga, Nguyễn Hoàng Thuyên, Phạm Đình Luyến
422	Nghiên cứu mối quan hệ giữa chất lượng dịch vụ, giá cả và sự hài lòng của khách hàng tại nhà thuốc GPP trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Đặng Thị Kiều Nga, Nguyễn Thị Hải Yến, Nguyễn Thị Quỳnh Nga, Trương Văn Tuấn, Phạm Đình Luyến
423	Nghiên cứu mối quan hệ giữa năng lực tâm lý, chất lượng sống trong công việc và hiệu quả công việc của dược sĩ trên địa bàn tỉnh An Giang	Phạm Vĩnh Thăng, Nguyễn Thị Quỳnh Nga, Nguyễn Thị Hải Yến, Phạm Đình Luyến
424	Phân tích các đặc điểm nhân khẩu học ảnh hưởng đến cảm nhận về chất lượng dịch vụ nhà thuốc GPP, giá cả và sự hài lòng của khách hàng trên địa bàn TP Hồ Chí Minh	Đặng Thị Kiều Nga, Nguyễn Thị Hải Yến, Nguyễn Thị Quỳnh Nga, Trương Văn Tuấn, Phạm Đình Luyến
425	Phân tích chi phí – hiệu quả của bevacizumab phối hợp với carboplatin/paclitaxel so với paclitaxel/carboplatin trong điều trị ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn muộn tại Việt Nam	Lương Thị Thu Lam, Nguyễn Thị Thu Thủy
426	Synthesis and Selective Cytotoxic Activities on Rhabdomyosarcoma and Noncancerous Cells of Some Heterocyclic Chalcones	Trương Văn Đạt et al
427	Tổng hợp 8-cloro-1,3,7-trimethyl-3,7-dihydro-1H-purin-2,6-dion (8-clorocafein) tạp E của dimenhydrinat dùng làm chất đối chiếu	Trương Văn Đạt et al
428	Ứng dụng biểu đồ Shewhart đánh giá quy trình cấp phát thuốc tại bệnh viện quận 6 – Tp. Hồ Chí Minh	Võ Công Nhận, Phạm Đình Luyến, Đỗ Quang Dương, Huỳnh Văn Hóa
429	Xác định kỳ vọng về các thuộc tính của thực phẩm chức năng của người tiêu dùng tại quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	Trần Mỹ Phương, Nguyễn Thị Quỳnh Nga, Lê Đặng Tú Nguyên, Phạm Đình Luyến, Nguyễn Thị Hải Yến

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
430	Xây dựng thang đo chất lượng dịch vụ, giá cả và sự hài lòng của khách hàng đối với nhà thuốc GPP trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Minh Quân, Nguyễn Thị Quỳnh Nga, Phạm Đình Luyến
431	Phân tích chi phí – hiệu quả của phác đồ nilotinib so với imatinib liều cao trong điều trị bạch cầu mạn dòng tủy đề kháng với imatinib từ góc nhìn người bệnh	Nguyễn Thị Hạnh Thư, Hoàng Bích Thủy, Nguyễn Thị Thu Thủy
432	Phân tích gánh nặng kinh tế bệnh ung thư đại trực tràng từ góc nhìn cơ quan bảo hiểm y tế	Phan Thanh Trúc Uyên, Nguyễn Thị Thu Thủy
433	Phân tích chi phí – hiệu quả của bevacizumab phối hợp với carboplatin/paclitaxel so với paclitaxel/carboplatin trong điều trị ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn muộn tại Việt Nam	Lương Thị Thu Lam, Nguyễn Thị Thu Thủy
434	Phân tích chi phí – hiệu quả của erlotinib so với gemcitabine/carboplatin trong điều trị bước 1 ung thư phổi không tế bào nhỏ có đột biến EGFR giai đoạn tiến xa tại Việt Nam từ góc nhìn cơ quan bảo hiểm y tế	Lê Thị Ngọc Thanh, Nguyễn Thị Thu Thủy
435	Phân tích chi phí điều trị bạch cầu mạn dòng tủy dưới góc nhìn của người bệnh	Trần Thị Thu Thủy,
436	Đánh giá mức độ stress, lo âu, trầm cảm của sinh viên chính quy khoa Dược – đại học Y Dược TPHCM	Ngô Thảo Nguyên, Nguyễn Thị Thu Thủy
437	Khảo sát quy trình phân lập dịch đồng thể chứa enzyme 5 α -reductase từ mào tinh hoàn chuột nhắt	Tạp chí Y học thành phố Hồ Chí Minh, tập 21, phụ bản số 1- 2017
438	Association Between AGT M235T and Left Ventricular Mass in Vietnamese Patients Diagnosed With Essential Hypertension	Tuan Thanh Tran, Thao Phuong Mai, Ha Chau Bich Tran, Linh Hoang Gia Le, Hoang Anh Vu, Trang Kim Tran, Sy Van Hoang, Hoa Ngoc Chau and Minh Duc Do
439	Actionable Mutation Profiles of non-Small cell Lung cancer patients from Vietnamese population	Anh-Thu Huynh Dang, Vu-UyenTran, Thanh-Truong Tran, Hong-Anh Thi Pham, Dinh-Thong Le, Lam Nguyen et al
440	Khảo sát thực trạng sử dụng thuốc đồng vận beta-2 tác dụng ngắn tại các nhà thuốc ở Việt Nam	Vũ Trần Thiên Quân, Lê Thị Tuyết Lan, Phương Lê Trí, Nguyễn Thị Xuân Khanh

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
441	New practical approaches to estimation of glomerular filtration rate in adult: A Review	Le Quoc Tuan, Nguyen Thi Le, Nguyen Thi Bich Dao, Vu Quang Huy
442	The role of glycation gap in patients with diabetic nephropathy	Le Quoc Tuan, Thanh Minh Khanh, Nguyen Binh Thu, Nguyen Thi Le, Nguyen Thi Bich Dao, Vu Quang Huy
443	The prevalence of insomnia and characteristics of sleep patterns collected from sleep diary among medical students of University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City, Vietnam	Phuong Thi Mai, Huyen Thi Bui, Khue Diem Bui
444	High Blood Pressure and Obstructive Sleep Apnea: A Cross-Sectional Study	Duong-Quy S, Dang-Thi-Mai K, Tran-Do H, Tran-Quang K, Vu-Tran-Thien Q, Bui-Diem K, et al
445	Khảo sát đặc điểm hình thái và vi học một số loài trong họ Na-Annonaceae	Nguyễn Thị Thu Hằng (2015-2016)
446	Khảo sát đặc điểm hình thái và vi học một số loài trong họ Thủy tiên-Amaryllidaceae	Nguyễn Thị Thu Hằng (2016-2017)
447	Khảo sát đặc điểm hình thái và vi học một số loài trong họ Trôm-Sterculiaceae	Nguyễn Thị Thu Hằng (2017-2018)
448	Khảo sát đặc điểm hình thái và vi học một số loài trong chi Euphorbia L.	Nguyễn Thị Thu Hằng (2018-2019)
449	Khảo sát đặc điểm hình thái và vi học một số loài có tác dụng làm thuốc trong họ Thầu dầu-Euphorbiaceae	Nguyễn Thị Thu Hằng (2019-2020)
450	Nghiên cứu khả năng tạo rễ bất định của Tam thất hoang (<i>Panax stipuleanatus</i> H.Tsai et K.M.Feng) nuôi cấy in vitro (giai đoạn 2)	Nguyễn Thị Ngọc Hương (2014-2016)
451	Phân biệt về mặt thực vật cây Cứt quạ (<i>Gymnopetalum cochinchinense</i> (Loureiro) Kurz) và cây Khổ qua rừng (<i>Momordica charantia</i> Linné var. <i>abbreviata</i> Seringe)	Nguyễn Thị Thu Hằng, Nguyễn Thảo Đoan Trang (2014)
452	Phân biệt về mặt thực vật hai loài Hàn the thuộc chi <i>Desmodium</i> Desvaux	Nguyễn Thị Thu Hằng, Trương thị Đẹp (2015)
453	Đặc điểm hình thái và vi học cây Huyền diệp (<i>Polyalthia longifolia</i> (Sonnerat) Thwaites var. <i>pendula</i>)	Nguyễn Thị Thu Hằng, Nguyễn Hương Giang (2016)

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
454	Đặc điểm giải phẫu bốn loài trong chi <i>Annona</i> L. ở Việt Nam	Nguyễn Thị Thu Hằng, Nguyễn Thị Hương Giang (2017)
455	Xây dựng tiêu chuẩn cho dược liệu khô qua loại quả nhỏ (<i>Momordica charantia</i> L. var. <i>abbreviata</i> Ser.)	Trần Anh Vũ, Nguyễn Thị Thu Hằng (2017)
456	Đặc điểm thực vật học ba loài trong chi <i>Zephyranthes</i> Herb. họ Thủy tiên (<i>Amaryllidaceae</i>) ở Việt Nam	Nguyễn Thị Thu Hằng, Nguyễn Thị Hương Miên (2018)
457	Phân biệt về mặt thực vật cây Tổ kén cái (<i>Helicteres hirsuta</i> Lour.) và Tổ kén đực (<i>Helicteres angustifolia</i> L.)	Nguyễn Thị Thu Hằng, Nguyễn Thị Phương Linh (2019)
458	Đặc điểm thực vật học cây Cù đèn - <i>Croton persimilis</i> Mull. Arg.	Nguyễn Thị Thu Hằng, Huỳnh Ngọc Bích Trâm (2020)
459	Đặc điểm hình thái và vi học của cây Thần kỳ (<i>Synsepalum dulcificum</i> (Schumach. & Thonn.) Daniell)	Đỗ Thị Liên và Nguyễn Thị Ngọc Hương (2014), <i>Tạp chí Y học TP.HCM</i> , Tập 18, phụ bản số 2, trang 464 - 469.
460	Nghiên cứu sự hình thành rễ bất định từ mô sẹo lá cây Tam thất hoang (<i>Panax stipuleanatus</i> H.Tsai et K.M.Feng) nuôi cấy in vitro.	Nguyễn Thị Ngọc Hương, Trần Hùng, Trương Thị Đẹp (2015), <i>Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh</i> , Tập 19, Số 3, tr. 570-573.
461	Tìm hiểu các biến đổi hình thái trong sự phát sinh rễ Tam thất hoang (<i>Panax stipuleanatus</i> H.Tsai et K.M.Feng) nuôi cấy in vitro và bước đầu định tính oleanolic acid trong rễ tạo thành.	Nguyễn Thị Ngọc Hương, Trần Hùng, Trương Thị Đẹp (2016), <i>Tạp chí công nghệ Sinh học</i> , Tập 14, số 1, tr. 49-54
462	Biến đổi hình thái trong phát sinh phôi soma thông qua nuôi cấy mô sẹo Tam thất hoang (<i>Panax stipuleanatus</i> H.TSai et K.M.Feng)	Nguyễn Thị Ngọc Hương, Trần Hùng, Trương Thị Đẹp (2018), <i>Tạp chí Công nghệ sinh học</i> , Tập 16, số 2, tr.35
463	Nghiên cứu sự hình thành rễ từ cuống lá cây Tam thất hoang (<i>Panax stipuleanatus</i> H. T. Tsai et K.M.Feng) in vitro và bước đầu định lượng saponin toàn phần trong rễ tạo thành.	Nguyễn Thị Ngọc Hương, Trần Hùng, Trương Thị Đẹp (2018), <i>Tạp chí Y học Tp.HCM</i> , phụ bản Tập 2, số 1, tr.45
464	Khảo sát sự phân bố ống tiết ở củ Tam thất hoang (<i>Panax stipuleanatus</i> H.T.Tsai et K.M.Feng) và Tam thất trồng (<i>Panax notoginseng</i> (Burk.) F.H. Chen) thuộc họ ngũ gia bì.	Nguyễn Thị Thúy, Nguyễn Thị Ngọc Hương, Trương Thị Đẹp (2019), <i>Tạp chí Y học Tp.HCM</i> , phụ bản Tập 23, số 2, tr.287.
465	Nghiên cứu thành phần hóa học loài <i>Panax zingiberensis</i> thu mua tại Lai Châu	Trần Xuân Hùng, Võ Ngọc Linh Giang, Nguyễn Thị Ngọc Chi, Nguyễn Thị Ngọc Hương, Lê Thị Hồng Vân (2020), <i>Tạp chí Dược liệu</i> , tập 25, số 6/2020, Trang 323 - 332

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
466	Nuôi cấy dòng tế bào mô sẹo cây Tam thất hoang (<i>Panax stipuleanatus</i> H.T.Tsai et K.M.Feng) để tạo phôi vô tính	Nguyễn Thị Ngọc Hương, Trần Hùng, Trương Thị Đẹp (2021), Tạp chí Y học Tp.HCM, phụ bản Tập 25, số 6, tr.20-28.
467	Nghiên cứu đặc điểm thực vật một số loài trong họ Chùm ớt – Bignoniaceae	Dương Nguyên Xuân Lâm
468	Nghiên cứu đặc điểm thực vật một số loài thuộc chi <i>Syzygium</i> trong họ Sim-Myrtaceae	Dương Nguyên Xuân Lâm
469	Nghiên cứu đặc điểm thực vật một số loài thuộc họ Sim-Myrtaceae	Dương Nguyên Xuân Lâm
470	Nghiên cứu chiết xuất và thử tác dụng sinh học của tinh dầu từ cây Bạch đàn (Khuyneh diệp) <i>Eucalyptus</i> sp Myrtaceae thu hái tại Trà Vinh	Dương Nguyên Xuân Lâm, Lý Hồng Hương Hạ
471	Nghiên cứu hoạt tính sinh học của dịch chiết quả Nhàu (<i>Fructus Morindae citrifoliae</i>)	Dương Nguyên Xuân Lâm, Lý Hồng Hương Hạ
472	Đặc điểm thực vật học của <i>Calotropis gigantea</i> và <i>Calotropis procera</i> – họ Trúc đào (Apocynaceae) ở Việt Nam	Dương Nguyên Xuân Lâm
473	Đặc điểm thực vật cây Đạt phước (<i>Millingtonia hortensis</i> L.f.) họ Chùm ớt (Bignoniaceae)	Dương Nguyên Xuân Lâm
474	Đặc điểm thực vật học cây Cherry Brazil (<i>Eugenia brasiliensis</i> Lam.) họ Sim (Myrtaceae)	Dương Nguyên Xuân Lâm, Nguyễn Đỗ Lâm Điền
475	Xây dựng đặc điểm vi học và mã vạch ADN phục vụ định danh cây cam thảo Đá bia	Dương Nguyên Xuân Lâm, Thái Hồng Đăng
476	Đặc điểm thực vật học cây Trâm Sori (<i>Eugenia uniflora</i> L.) họ Sim (Myrtaceae)	Dương Nguyên Xuân Lâm, Nguyễn Đỗ Lâm Điền
477	Tổng quan về Thành phần hoá học và xu thế sử dụng hiện nay của tinh dầu từ lá của chi Bạch Đàn (<i>Eucalyptus</i> sp.) ở Việt Nam và thế giới	Dương Nguyên Xuân Lâm, Lý Hồng Hương Hạ
478	Đặc điểm thực vật và mã vạch ADN của cây Bìm ba thùy (<i>Ipomoea</i> sp.)-họ khoai lang (convolvulaceae)	Dương Nguyên Xuân Lâm, Nguyễn Đỗ Lâm Điền, Trần Thị Thu Trang, Nguyễn Thị Thu Hằng
479	Đặc điểm hình thái và vi học Bán hạ Trung Quốc – <i>Typhonium trilobatum</i> (L.) Schott họ Ráy (Araceae) ở Việt Nam	Trần Thị Thu Trang, Trương Thị Đẹp

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
480	Đặc điểm hình thái và vi học Bán hạ roi– Typhonium flagelliforme họ Ráy (Araceae) ở Việt Nam	Trần Thị Thu Trang, Trương Thị Đẹp
481	Đặc điểm thực vật học loài Ráy gai - Lasia spinosa (L.) Thwaites, họ Ráy (Araceae)	Trần Thị Thu Trang, Trương Thị Đẹp
482	Segregostat: a novel concept to control phenotypic diversification dynamics on the example of Gram-negative bacteria	Microbial biotechnology (Wiley), 2019, Vol 12(5), pp. 1064-1075
483	Growth-dependent recombinant product formation kinetics can be reproduced through engineering of glucose transport and is prone to phenotypic heterogeneity	Microbial cell factories (BMC), 2019, Vol 18(1), pp. 1-16
484	Phân lập và sàng lọc xạ khuẩn từ đất có tiềm năng sản xuất kháng sinh	Tạp chí dược học, 2019
485	Khảo sát tác động kháng khuẩn của nhũ dịch chứa tinh dầu trà trà úc và hương nhu trắng trên vi khuẩn Enterococcus faecalis gây viêm ống tuỷ răng	Tạp chí Y học TP. HCM, 2019, 23(2), tr. 61-69
486	Khảo sát tình hình sử dụng probiotic tại TP. HCM trong 3 tháng năm 2018	Tạp chí Y Học TP. HCM, 2019, 23(2), tr. 560-566
487	Synergy between Sophorolipid Biosurfactant and SDS Increases the Efficiency of P. aeruginosa Biofilm Disruption	Langmuir (ACS), 2020, Vol 36 (23), 6411-6420
488	DPPH-Scavenging and Antimicrobial Activities of Asteraceae Medicinal Plants on Uropathogenic Bacteria	Evidence-Based Complementary and Alternative Medicine (PMC), 2020, 7807026.
489	Khảo sát khả năng sống sót trong dịch tiêu hóa của một số chủng probiotic phân lập từ các chế phẩm trên thị trường	Tạp chí Y Học TP. HCM, 2020, 24(2), tr. 39-46.
490	Isolation of Lactobacilli showing antagonistic activity against Streptococcus mutans.	Med Pharm Res, 2020, 2, pp. 22-33
491	Reducing phenotypic instabilities of a microbial population during continuous cultivation based on cell switching dynamics.	Biotechnology and Bioengineering (Wiley), 2021, Vol 118 (10), pp. 3847-3859
492	Sàng lọc hoạt tính chống oxy hóa của các chủng vi khuẩn phân lập từ đất	Tạp chí Y Dược học, 2021

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
493	The production of standardized samples with known concentrations for severe acute respiratory syndrome coronavirus 2 RT-qPCR testing validation for developing countries	BioMed Research International, 2021, 5516344
494	Nghiên cứu độc tính cấp và tác dụng hạ đường huyết của cao chiết lan kim tuyến trên mô hình chuột đái tháo đường típ 2	Tạp chí Dược học, 2021
495	Tạo dòng Bacillus subtilis tích hợp interferon alpha 2a trong tiêm mao	Tạp chí Y Học TP. HCM, 2021, 25(2), tr. 41-48
496	Antimicrobial Properties of Distichochlamys citrea MF Newman Rhizome n-Hexane Extract against Streptococcus pyogenes: Experimental Evidences and Computational Screening.	Chemistry Select (Wiley), 2022, Vol 7 (17), e202200680
497	Formulation of chewing gum containing Lactobacillus brevis NB10	Med Pharm Res, 2022
498	Các hợp chất lignan cô lập từ cao ethyl acetate của lá bần ổi – Sonneratia ovata	Nguyễn Thị Hoài Thu, Ca Thị Thuý, Nguyễn Kim Phi Phụng
499	RP-HPLC Method for Determination of Salbutamol and Bromhexine in Syrup: Modelling and Optimization by Response	Chung Duong Dinh, Yen Nguyen Ngoc Thi, Khanh Quan Nguyen Huu, Duy Chinh Nguyen, Ung Thanh Dat and Thuy Ca Thi
500	Metal-organic framework-118 (MOF-118): A heterogeneous catalyst for effective synthesis of pyrroles from aryl amines and 2,5-hexanedione	Nguyen Van Chi, Nguyen Thanh Tung, Nguyen Thi Hong Huong, Ca Thi Thuy and Phan Thanh Son Nam
501	Ứng dụng phương pháp sắc kí lỏng pha đảo (Rp-HPLC) định lượng viên nén ticagleror	Dương Đình Chung, Nguyễn Thị Ngọc Yến, Nguyễn Hữu Khánh Quan, Trương Thị Thu Thảo, Nguyễn Thị Thủy, Lê Thị Yên Chi và Ca Thị Thuý
502	Five flavonoids from leaves of Avicennia lanata	Lam Phuc Khanh, Nguyen Truong Thien Kim, Pham Nguyen Kim Tuyen, Nguyen Kim Phi Phung, Nguyen Thi Hoai Thu
503	Chemical constituents of the n-hexane extract of leaves of Avicennia officinalis	Nguyen Hoang Tien Vinh, Tran Hoang, Nguyen Kim Phi Phung, Nguyen Thi Hoai Thu
504	Structural elucidation of five phenolic compounds from the rhizomes of Curculigo annamitica	Ta Thi Lien, Nguyen Hoang Bao Tran, Nguyen Thi Thu Thuong, Nguyen Thi Hoa, Nguyen Thi Hoai Thu, Huynh Bui Linh Chi, Pham Nguyen Kim Tuyen, Nguyen Kim Phi Phung

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
505	A new flavonoid from leaves of <i>Avicennia officinalis</i> L	Nguyen Thi Hoai Thu, Lam Phuc Khanh, Pham Nguyen Kim Tuyen, Nguyen Kim Phi Phung
506	A new iridoid from leaves of <i>Avicennia officinalis</i> L	Nguyen Thi Hoai Thu, Tran Hoang, Nguyen Hoang Tien Vinh, Nguyen Kim Phi Phung
507	Ethanol extract of male <i>Carica papaya</i> flowers demonstrated nontoxic against MCF-7, HEP-G2, HELA, NCI-H460 cancer cell lines	Vo Thi Nga*, Nguyen Thi Hanh Trang, Nguyen Thi Anh Tuyet, Nguyen Kim Phi Phung, Ngo Thi Thuy Duong, Nguyen Thi Hoai Thu
508	Chemical constituents of leaves of <i>Passiflora incarnata</i> Linn. (Passifloraceae)	Vo Hoang Dat, Do Thi My Lien, Huynh Ngoc Dat, Ngo Thi Thuy Duong, Nguyen Kim Phi Phung, Nguyen Thi Hoai Thu, Nguyen Thi Anh Tuyet
509	A new triterpenoid saponin from <i>Glinus oppositifolius</i>	Thuy Thanh Phan, Lien T. M. Do, Trung Van Phung, Thu Thi Hoai Nguyen, Vinh N. Huynh, Duong Thi Thuy Ngo, Kim Phi Phung Nguyen & Tuyet Thi Anh Nguyen
510	Physicochemical character of fresh and black garlic: 12-day thermal aged process	Nguyen Xuan Hong Quan, Vo Thi Nga, Dinh Nu Kieu Nhi, Ngo Thi Thuy Duong, Huynh Ngoc Vinh, Nguyen Kim Phi Phung, Nguyen Thi Hoai Thu
511	Chemical constituents of <i>Albizia myriophylla</i> wood and the HPLC determination of some high yield compounds as markers	Pham Thi Tam, Phung Van Trung, Vo Thi Nga, Nguyen Thi Anh Tuyet, Nguyen Kim Phi Phung, Ngo Thi Thuy Duong, Nguyen Thi Hoai Thu
512	Parmosidone K, a new meta-depsidone from the lichen <i>Parmotrema tsavoense</i>	Thi-Hoai-Thu Nguyen, Thi-My-Nhung Nguyen, Thanh-Trung Nguyen, Huu-Hung Nguyen, Ngoc-Hong Nguyen, Dinh-Tri Mai, Bui-Linh-Chi Huynh, Cong-Luan Tran, Thuc-Huy Duong
513	Triterpenoids and coumarins from the leaves of <i>Sterculia foetida</i> Linn	Pham Nguyen Kim Tuyen, Nguyen Thi Quynh Trang, Huynh Cong Doan, Pham Dinh Thuong, Nguyen Trung Duan, Tran Doan Duy Cuong, Huynh Bui Linh Chi, Nguyen Thi Anh Tuyet, Nguyen Kim Phi Phung, Nguyen Thi Hoai Thu
514	A new resorcinol derivative from the bark of <i>Aegiceras floridum</i> (Primulaceae)	Huynh-Van-Long Luu, Thi-Hoai-Thu Nguyen, Kim-Phi-Phung Nguyen, Huu-Hung Nguyen, Ngoc-Hong Nguyen & Thuc-Huy Duong
515	Chemical constituents of the n-hexane extract of <i>Leonotis nepetifolia</i> (L.) R. Br (Lamiaceae)	Phan Thanh Tung, Tran Hong Ngoc Quyen, Ton That Quang, Nguyen Thien Truong Van, Ngo Thi Thuy Duong, Vu Thi Tuyet Ngan, Lai Thi Nga, Nguyen Kim Phi Phung, Nguyen Thi Hoai Thu

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
516	Five phenolic compounds from <i>Marchantia polymorpha</i> L. and their in vitro antibacterial, antioxidant and cytotoxic activities	Nguyen Cong Thai Son, Tran Quoc Tan, Do Thi My Lien, Nguyen Thi My Huong, Pham Nguyen Kim Tuyen, Nguyen Kim Phi Phung, Quach Ngo Diem Phuong, Nguyen Thi Hoai Thu
517	Reticulatin, a novel C43-spiroterpenoid from the lichen <i>Parmotrema reticulatum</i> growing in Vietnam	Thuc-Huy Duong, Van-Kieu Nguyen, Jirapast Sichaem, Thanh-Nha Tran, Thanh-Hung Do, Nguyen-Kim-Tuyen Pham, Thi-Anh-Tuyet Nguyen, Thi-Hoai-Thu Nguyen, Dinh-Tri Mai, Ngoc-Hong Nguyen, Bui-Linh-Chi Huynh
518	Three quinolinone alkaloid - phenylpropanoid adducts from <i>Melicope pteleifolia</i>	Thanh Hoa Nguyen, Thi Hoai Thu Nguyen, Thi Phuong Thao Dang, Pham Anh Thu Nguyen, Thi Bich Ngoc Truong, Nguyen Kim Phi Phung & Thi Anh Tuyet Nguyen
519	A new phenolic compound from the lichen <i>Parmotrema praesorediosum</i> (Nyl.) Hale	Huynh Bui Linh Chi, Bui Van Muoi, Nguyen Thi Hoai Thu, Nguyen Kim Phi Phung
520	Flavones from <i>Combretum quadrangulare</i> growing in Vietnam and their alpha-glucosidase inhibitory activity	Thi-Bich-Ngoc Dao, Truong-Minh-Tri Nguyen, Van-Quy Nguyen, Thi-Minh-Dinh Tran, Nguyen-Minh-An Tran, Chuong Hoang Nguyen, Thi-Hoai-Thu Nguyen, Huu-Hung Nguyen, Jirapast Sichaem, Cong-Luan Tran, Thuc-Huy Duong
521	The phytochemical investigation from n-hexane extract of the lichen <i>Roccella montagnei</i>	Duong Thuc Huy, Nguyen Thi Hoai Thu
522	Further terpenoids from <i>Vitex negundo</i> L. growing in Vietnam	Thi-Hoai-Thu Nguyen, Thi-Hong-Tuoi Do, Nguyen Tien Trung, Thi-Phuong Nguyen, Dang-Cam-Tu Phan, Van-Giau Vo, Ngoc-Hong Nguyen#, Thuc-Huy Duong
523	Praesalide E, a new phenolic compound from the lichen <i>Parmotrema praesorediosum</i> (nyl.) Hale	Huynh Bui Linh Chi, Nguyen Thi Anh Tuyet, Vo Thi Nga, Pham Nguyen Kim Tuyen, Nguyen Thi Hoai Thu
524	<i>Nepetifoliol</i> - a new glutinane-triterpenoid from <i>Leonotis nepetifolia</i>	Thi-Kim-Huong Nguyen#, That-Quang Ton#, Thi-Thuy-Duong Ngo, Thanh-Tung Phan, Thi-Le-Thuy Nguyen, Kim-Phi-Phung Nguyen, Thi-Hoai-Thu Nguyen

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
525	Hedyocoronins A and B: two new oleanane saponins from the aerial parts of <i>Hedyotis coronaria</i>	Nguyen-Kim-Tuyen Pham, Hoang-Minh Thai, Thi-Anh-Tuyet Nguyen, Thi-Nga Vo, Kim-Phi-Phung Nguyen, Thi-Hoai-Thu Nguyen
526	New derivatives of lupeol and their biological activity	Hoang-Thuy-Tien Le, Quoc-Cuong Chau, Thuc-Huy Duong, Quyen-Thien-Phuc Tran, Nguyen-Kim-Tuyen Pham, Thi-Hoai-Thu Nguyen, Ngoc-Hong Nguyen, Jirapast Sichaem
527	Phenolics and triterpenoids from the bark of <i>Sterculia foetida</i> Linn	Pham Nguyen Kim Tuyen, Nguyen Thi Quynh Trang, Nguyen Thi Hoa, Huynh Cong Doan, Huynh Bui Linh Chi, Tran The Anh Huy, Nguyen Thi Thu Trang, Dang Thi Cam Tien, Nguyen Thi Hoai Thu
528	Chemical investigation of the n-hexane extract of <i>Marchantia polymorpha</i> L	Nguyen Tran Huynh Le, Nguyen Cong Thai Son, Tran Quoc Tan, Quach Ngo Diem Phuong, Nguyen Kim Phi Phung, Nguyen Thi Hoai Thu
529	Investigation of the n-hexane extract of <i>Melodorum fruticosum</i> stem	Du Thi Thanh Xuan, Nguyen Thi My Huong, Nguyen Ngoc Khanh Van, Nguyen Kim Phi Phung, Nguyen Thi Hoai Thu
530	Rotenoids and coumaronochromonoids from <i>Boerhavia erecta</i> and their biological activities: In vitro and in silico studies	Huu-Hung Nguyen, Nguyen-Minh-An Tran, Thi-Hoai-Thu Nguyen, Huu-Canh Vo, Chuong Hoang Nguyen, Thi-Hong-Anh Nguyen, Ngoc-Hong Nguyen, Thuc-Huy Duong
531	Two new phenolic compounds from <i>Boerhavia erecta</i> collected in Vietnam	Huu-Hung Nguyen, Thanh-Hung Do, Thi-Hoai-Thu Nguyen, Thuc-Huy Duong, Huu-Canh Vo, Van-Mai Do, Thi-Phuong Nguyen, Jirapast Sichaem, Ngoc-Hong Nguyen & Huy Truong Nguyen
532	Tecomastane, a new megastigmane from the flowers of <i>Tecoma stans</i>	Thi-Hoai-Thu Nguyen, Hoang-Long To, Tuan-Dat Nguyen, Thi-Bao-Tran Nguyen, Nguyen-Kim-Tuyen Pham, Huy Truong Nguyen, Chuong Hoang Nguyen, Huu-Hung Nguyen, Ngoc-Hong Nguyen & Thuc-Huy Duong
533	Synthesis and Ring Closure Reactions of Pyrido[3,2,1-jk]carbazol-6-ones	Journal of Heterocyclic Chemistry
534	Amination of 4-Hydroxy-pyrido[3,2,1-jk]carbazol-6-ones	Journal of Heterocyclic Chemistry
535	Synthesis of Quinolin-4-yl Substituted Malonates, Cyanoacetates, Acetoacetates and Related Compounds	Journal of Heterocyclic Chemistry

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
536	Synthesis and Structure Elucidation of 3,4-Dihydroxy-2-quinolin-2-ylpyrido[3,2,1-jk]carbazol-6-ones	Journal of Heterocyclic Chemistry
537	Synthesis and Reactions of 4-Hydroxy-8,9,10,11-tetrahydro-pyrido[3,2,1-jk]carbazol-6-one	Journal of Heterocyclic Chemistry
538	Synthesis and Reactions of Pyrido[3,2,1-jk]carbazole-4,6-diones	Journal of Heterocyclic Chemistry
539	5-Unsubstituted Pyrido[3,2,1-jk]carbazol-6-ones: Syntheses, Substitution and Cyclization Reactions	Journal of Heterocyclic Chemistry
540	BM LÝ	
541	Tổng hợp hạt nano Fe ₃ O ₄ phủ silica dùng cho tách chiết DNA/RNA tự động ứng dụng trong chẩn đoán	Bùi Trung Thành, Phạm Hùng Vân, Nguyễn Việt Quốc, Trần Quốc Việt, Trần Khánh Duy, Phạm Thiên Hương, Trần Hoàng Hải
542	Chế tạo hạt nano Fe ₃ O ₄ nhiều kích thước ứng dụng trong tách chiết DNA từ mẫu sinh học	Bùi Trung Thành, Phạm Hùng Vân, Trần Hoàng Hải
543	Detection of hepatitis B surface antigen by immunoassay using magnetite nanoparticles binding hepatitis B surface antibody	Bùi Trung Thành, Phạm Hùng Vân, Trần Hoàng Hải, Lê Minh Tùng, Lee K.S
544	Immobilization of protein A on monodisperse magnetic nanoparticles for biomedical applications	Bùi Trung Thành, Nguyễn Văn Sáu, H. Ju, M.J.K. Bashir, H.K. Jun, Phan Bách Thắng, Ngô Quang Minh, Trần Ngọc Quyển, Trần Hoàng Hải, Phạm Hùng Vân, Nguyễn Tấn Tài
545	Nghiên cứu và chế tạo để SERS Al/Al ₂ O ₃ /Ag bằng phương pháp ăn mòn nhằm phát hiện dược chất ketoprofen.	Lê Thị Minh Huyền*, Nguyễn Hoàng Việt, Trần Thị Lụa, Nguyễn Thành Phúc, Phan Văn Hồ Nam, Lê Vũ Tuấn Hùng
546	Nghiên cứu và chế tạo để tăng cường tín hiệu Raman bề mặt - SERS ZnO có cấu trúc nano/nano Ag trên chất Rhodamine 6G	Lê Thị Minh Huyền*, Nguyễn Hương Giang, Đào Anh Tuấn, Phạm Trần Tuấn, Vũ Hoàng Uy, Nguyễn Hoàng Việt, Lê Vũ Tuấn Hùng
547	Nghiên cứu khả năng hỗ trợ chuyển điện tích của màng nhôm mỏng phủ trên thanh ZnO nhằm ứng dụng làm để SERS	Nguyễn Thành Phúc, Lê Thị Minh Huyền*, Lê Vũ Tuấn Hùng
548	Khảo sát thời gian phun xạ Ag trên đế ZnO/Al/Ag để tăng cường hiệu ứng SERS	Nguyễn Thành Phúc, Lê Thị Minh Huyền*, Lê Vũ Tuấn Hùng

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
549	Ảnh hưởng của độ dày màng AZO và mật độ hạt Ag lên hiệu ứng SERS bằng phương pháp phún xạ DC magnetron	Trần Thị Lua, Lê Thị Minh Huyền*, Lê Vũ Tuấn Hùng
550	The support of AZO thin film in surface-enhanced Raman scattering to detect rhodamine 6G	Le Thi Minh Huyen*, Tran Thi Lua, Kim Nhat Huy, Nguyen Thanh Phuc, Nguyen Huu Truong, Nguyen Thi Anh Huyen, Huynh Thuy Doan Khanh, and Le Vu Tuan Hung.
551	Tin lượng Fisher trong phân tích số liệu y sinh học	Nguyễn Anh Vũ Chủ nhiệm đề tài cơ sở cấp trường
552	Một số thống kê hình ảnh học trong X quang cắt lớp	Nguyễn Anh Vũ Chủ nhiệm đề tài cơ sở cấp trường
553	Series bài viết chuyên mục “Thống kê ứng dụng trong nghiên cứu tim mạch học”. Bài 1: Chuẩn hay bình thường? Bài 2: Lý tưởng hay lý thuyết? Bài 3: Biến động hay bất biến? Bài 4: Hữu ích hay vô ích? Bài 5: Ấn số hay biến số? Bài 6: Tóm lược lại về mô hình Gauss	Nguyễn Anh Vũ Chuyên đề Tim mạch học, chuyên san Liên chi hội Tim mạch TP.HCM, số 4 - 10/2017
554	Tìm hiểu mối liên quan giữa chỉ số cổ chân -cánh tay (ABI) với hẹp động mạch vành	Nguyễn Anh Vũ Y học Thành phố Hồ Chí Minh, Phụ bản Tập 24 số 5/2020
555	Khảo sát mối quan hệ giữa chỉ số cổ chân-cánh tay (ABI) với hẹp động mạch vành ở bệnh nhân có và không có đái tháo đường typ 2	Nguyễn Anh Vũ Y học Thành phố Hồ Chí Minh, Phụ bản Tập 24 số 5/2020
556	Hiệu quả kiểm soát LDL-C của Rosuvastatin tại phòng khám Bệnh viện Thống Nhất	Nguyễn Anh Vũ Tạp chí Nội khoa Việt Nam, số 23/2021
557	Thiết kế và đánh giá hiệu quả phần mềm trắc nghiệm thích ứng năng lực thí sinh tại Đại học Y Dược TP.HCM	Nguyễn Anh Vũ Thành viên đề tài cơ sở cấp trường

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
558	The influences of E22Q mutant on solvated 3A β ₁₁₋₄₀ peptide: A REMD study, Journal of Molecular Graphics and Modelling	Journal of Molecular Graphics and Modelling, Vol. 83(2018), p.122-128. Son Tung Ngo, Huynh Minh Hung, Nam Dao Hong, Nguyen Thanh Tung
559	Effective estimation of the inhibitor affinity of HIV-1 protease via a modified LIE approach	RSC Advances. 10 (2020), p.7732–7739 Son Tung Ngo, Nam Dao Hong, Le Huu Quynh Anh, Dinh Minh Hiep and Nguyen Thanh Tung
560	Potential inhibitors for SARS-CoV-2 Mpro from marine compounds.	RSC Advances, June 2021, 11 Nguyen Minh Tam, Minh Quan Pham, Huy Truong Nguyen, Nam Dao Hong, Nguyen Khoa Hien, Duong Tuan Quang, Huong Thi Thu Phung and Son Tung Ngo
561	Chương ngại tri thức luận và chương ngại sự phạm đối với dạy học một tri thức toán học	Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sài Gòn, số 59/2018, tr.44-53 Nguyễn Ái Quốc, Đào Hồng Nam
562	Dạy học khái niệm phân tử ngoại lai trong thống kê ở trường đại học	Tạp chí thiết bị giáo dục – số 195, kỳ 2 - 6/2019, ISSN: 1859 – 0810. Đào Hồng Nam, Hồ Nguyên Hạ
563	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập trực tuyến của sinh viên đại học	Tạp chí thiết bị giáo dục - số 219, kỳ 2 - 6/2020, tr.193-195. ISSN: 1859 – 0810. Đào Hồng Nam, Hoàng Thanh Hà, Lưu Nguyễn Thanh Tòng, Phạm Thị Thùy Trang
564	Những khó khăn và sai lầm của sinh viên khi học ước lượng khoảng tin cậy cho trung bình	Tạp chí thiết bị giáo dục - số 220, kỳ 1 - 7/2020, tr.190-193. ISSN: 1859 – 0810. Đào Hồng Nam, Trần Thị Kim Oanh
565	Dạy học khoảng tham chiếu của các xét nghiệm sinh hóa	Tạp chí thiết bị giáo dục số 242, kỳ 1, 6/2021, tr. 36-38. ISSN: 1859 – 0810. Đào Hồng Nam
566	Đề án dạy học thiết lập và sử dụng khoảng tham chiếu	Tạp chí thiết bị giáo dục, số đặc biệt, 7/2021, tr. 224 – 226. ISSN: 1859 – 0810.

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
		Đào Hồng Nam
567	Đạy học khoảng tin cậy cho độ chính xác của xét nghiệm.	Tạp chí Thiết bị Giáo dục, số 264, kỳ 1, 5/2022, tr.84 – 87. ISSN: 1859 – 0810. Đào Hồng Nam
568	Stable scalable control of soliton propagation in broadband nonlinear optical waveguides	Avner Peleg, Quan M. Nguyen, and Toan T. Huynh European Physical Journal D, Vol. 71, 30 (2017). [SCI]
569	Soliton-like behavior in fast two-pulse collisions in weakly perturbed linear physical systems	Avner Peleg, Quan M. Nguyen, and Toan T. Huynh European Physical Journal D, Vol. 71, 315 (2017). [SCI]
570	Frequency shifting for solitons based on transformations in the Fourier domain and applications	Quan M. Nguyen and Toan T. Huynh Applied Mathematical Modelling, Vol. 72, 306 (2019). [SCIE]
571	Fast soliton interactions in cubic-quintic nonlinear media with weak dissipation	Toan T. Huynh and Quan M. Nguyen Applied Mathematical Modelling, Vol. 97, 650 (2021). [SCIE]
572	Collision-induced amplitude dynamics of fast 2D solitons in saturable nonlinear media with weak nonlinear loss	Quan M. Nguyen and Toan T. Huynh Nonlinear Dynamics, Vol. 104, 4339 (2021). [SCI]
573	Impact of two-photon absorption on two-dimensional solitons in silicon waveguides with a nonstationary potential	Quan M. Nguyen and Toan T. Huynh Waves in Random and Complex Media, Online first, DOI: 10.1080/17455030.2021.2008546 [SCI]
574	<u>Universality of the amplitude shift in fast two-pulse collisions in weakly perturbed linear physical systems</u>	Quan M. Nguyen, Toan T. Huynh, and A. Peleg Indian Journal of Physics, Vol. 96, 453 (2022). [SCIE]
575	Fast two-beam collisions in a linear optical medium with weak cubic loss in spatial dimension higher than 1	A. Peleg, Toan T. Huynh, and Quan M. Nguyen Journal of Engineering Mathematics, Vol. 132, 23 (2022). [SCI]
576	On the amplitude dynamics of solitons in waveguide systems with the generic Kerr nonlinearity coefficient and nonlinear gain-loss	Toan T. Huynh Science and Technology Development Journal, Vol. 25, 2342 (2022)

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
577	A two-dimensional sideways problem with random discrete data	Dang Duc Trong, Tran Quoc Viet, Vo Dang Khoa and Nguyen Thi Hong Nhung CAMWA-D-20-01265R1 Computers and Mathematics with Applications (ISI)
578	Các phép kiểm Chi bình phương và chính xác Fisher	Võ Đăng Khoa Chủ nhiệm đề tài cơ sở cấp trường
579	Mô tả phân phối chuẩn bằng phương trình vi phân và ứng dụng.	Võ Đăng Khoa Chủ nhiệm đề tài cơ sở cấp trường
580	Các Moment và phân phối chuẩn	Bùi Anh Tú, Đề Tài Cơ sở cấp trường
581	Phân biệt phân phối chuẩn và phân phối Laplace	Bùi Anh Tú, Đề Tài Cơ sở cấp trường
582	Exploration of chalcones as 3-chymotrypsin like protease (3CLpro) inhibitors of SARS-CoV-2 using computational approaches.	Thua-Phong Lam, Dac-Nhan Nguyen, Tan Thanh Mai, Thanh-Dao Tran, Minh-Tri Le, Phuong Nguyen Hoai Huynh, Duc-Tuan Nguyen, Viet-Hung Tran, Dieu-Thuong Thi Trinh, Phuong Truong, Cam-Van T. Vo, Khac-Minh Thai <i>Structural Chemistry</i> 2022, https://doi.org/10.1007/s11224-022-02000-3
583	Structure-Based 3D-Pharmacophore Modeling to Discover Novel Interleukin 6 Inhibitors: An In silico Screening, Molecular Dynamics Simulations and Binding Free Energy Calculations.	Que-Huong Tran, Quoc-Thai Nguyen, Nguyen-Quynh-Huong Vo, Tan Thanh Mai, Thi-Thuy-Nga Tran, Thanh-Dao Tran, Minh-Tri Le, Dieu-Thuong Thi Trinh, and Khac-Minh Thai <i>Plos One</i> , 2022, 17(4), e0266632.
584	Chalcone derivatives as potential inhibitors of P-glycoprotein and NorA: an in silico and in vitro study.	Minh-Tri Le, Dieu-Thuong Thi Trinh, Trieu-Du Ngo, Viet-Khoa Tran-Nguyen, Dac-Nhan Nguyen, Tung Hoang, Hoang-Minh Nguyen, Tran-Giang-Son Do, Thanh-Tan Mai, Thanh-Dao Tran and Khac-Minh Thai

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
		BioMed Research International, 2022, 9982453.
585	Identification of potential interleukin-8 inhibitors acting on the interactive site between chemokine and CXCR2 receptor: a computational approach.	Thi-Thuy-Nga Tran, Que-Huong Tran, Quoc-Thai Nguyen, Minh-Tri Le, Dieu-Thuong Thi Trinh, and Khac-Minh Thai Plos One, 2022, 17(2), e0264385
586	Screening for pancreatic lipase inhibitors: evaluating assay conditions using p-nitrophenyl palmitate as substrate,	Cam-Van T. Vo, Nhan V. H. Luu, Thoai T. H. Nguyen, Truc T. Nguyen, Bach Q. Ho, Thuong H. Nguyen, Thanh-Dao Tran, Quoc-Thai Nguyen. <i>All Life</i> 2022, 15(1), 13-22
587	Natural mimetic 4-benzyloxychalcones as potent pancreatic lipase inhibitors: virtual screening, synthesis and biological evaluation,	Cam-Van T. Vo, Luan Cong Nguyen, Thu Thi Anh Le, Thien Ngoc Dang, Manh Quoc Dao, Thuong Hoai Nguyen, Minh Hoang Vo, Dat Van Truong, Quoc-Thai Nguyen, Phuong Thuy Viet Nguyen, Thanh-Dao Tran. <i>Phytochemistry Letters</i> 2022, 51, 28-33.
588	A New Rotenoid Derivative from the Aerial Part of <i>Boerhavia erecta</i> ,	Lien T.M.Do, Tuyet T.A. Nguyen, Phung K.P. Nguyen, Truong L. Tuong, Toan N. Vo, Jirapast Sichaem <i>Chemistry of Natural Compound</i> , 2022, 58, 227-229.
589	Catalyst-free and multicomponent synthesis of 3-amino-alkylated indoles via Mannich-type reaction: multitargeted anticancer, tyrosinase and α -glucosidase inhibitory activities.	Thi-Kim-Chi Huynh, Kim-Khanh-Huy Ngo, Hoang-Phuc Nguyen, Hoai-Khanh Dang, Van-Trung Phung, Khac-Minh Thai, Thi-Kim-Dung Hoang <i>New Journal of Chemistry</i> , 2021, 45(38), 18183-18191
590	Prediction model of human ABCC2/MRP2 efflux pump inhibitors: a QSAR study.	Minh-Tri Le, Thien-Vy Phan, Viet-Khoa Tran-Nguyen, Thanh-Dao Tran, and Khac-Minh Thai <i>Molecular Diversity</i> , 2021, Vol. 25, issue 2, 741-751
591	Isoflavones from <i>Placolobium vietnamense</i> , an indigenous plant of Vietnam,	Đỗ Thị Mỹ Liên, Huỳnh Thị Ngọc Tuyết, Trương Lâm Trường, Trần Hồng Ngọc Quyên, Nguyễn Thị Thu Hằng, Nguyễn Thị Ngọc Thảo, Nguyễn Thị Mỹ Dung <i>Vietnam Journal of Chemistry</i> , 2021, 59 (1), 7-11.
592	Synthesis, In Silico and In Vitro Evaluation of Some Flavone Derivatives for Acetylcholinesterase and BACE-1 Inhibitory Activity.	Thai-Son Tran, Thanh-Dao Tran, The-Huan Tran, Thanh-Tan Mai, Ngoc-Le Nguyen, Khac-Minh Thai and Minh-Tri Le

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
		Molecules 2020, 25(18), 4064.
593	Synthesis, In Silico and In Vitro Evaluation for Acetylcholinesterase and BACE-1 Inhibitory Activity of Some N-Substituted-4-Phenothiazine-Chalcones.	Thai-Son Tran, Minh-Tri Le, Thi-Cam-Vi Nguyen, The-Huan Tran, Thanh-Dao Tran and Khac-Minh Thai Molecules 2020, 25(17), 3916.
594	Design of Curcumin and Flavonoid Derivatives with Acetylcholinesterase and Beta-Secretase Inhibitory Activities Using in Silico Approaches.	Thai-Son Tran, Minh-Tri Le, Thanh-Dao Tran, The-Huan Tran, Khac-Minh Thai Molecules 2020, 25(16), 3644.
595	Exploring Aurone Derivatives as Potential Human Pancreatic Lipase Inhibitors through Molecular Docking and Molecular Dynamics Simulations.	Phuong Thuy Viet Nguyen, Han Ai Huynh, Dat Van Truong, Thanh-Dao Tran, Cam-Van T. Vo. Molecules 2020, 25(21), 4657
596	Antimicrobial and Efflux pump Inhibitory Activity of Carvocacetones from <i>Sphaerantus africanus</i> Against Mycobacteria	Huyen Thi Tran, Julia Solnier, Eva Maria Pferschy-Wenzig, Olaf Kunert, Liam Martin, Sanjib Bhakta, Loi Huynh, Tri Minh Le, Rudolf Bauer and Franz Buca Antibiotics 2020, 9(7), 390
597	Tetrahydroxanthone–chromanone heterodimers from lichen <i>Usnea aciculifera</i> and their cytotoxic activity against human cancer cell lines.	Truong, T. L.; Lien, D.T.M; Thammarat, A.; Piyanuch, W.; Warinthorn, C. Fitoterapia, 2020, 147, 104732–104739.
598	Chemical constituents of chloroform extract from the lichen <i>Ramalina peruviana</i> Arch (Ramalinaceae),	Nguyen Thi Thuy Linh, Tuong Lam Truong, Ade Danova, Warinthorn Chavasiri, Nguyen Kim Phi Phung, Huynh Bui Linh Chi Vietnam Journal of Chemistry, 2020, 58(2), 231-236.
599	Dimeric tetrahydroxanthones from the lichen <i>Usnea aciculifera</i> , <i>Fitoterapia</i> , 2019, 137, 104194–104201.	Truong, T. L.; Thammarat, A.; Lien, D.T.M.; Phung, N.K.P.; Piyanuch, W.; Warinthorn, C.
600	Peramivir binding affinity with influenza A neuraminidase and research on its mutations using an induced-fit docking approach.	V.K. Tran-Nguyen, M.T. Le, T.D. Tran, V.D. Truong and K.M. Thai. SAR and QSAR in Environmental Research, 2019, Vol. 30, issue 12, 899–917.
601	Virtual Screening, Oriented-synthesis and Evaluation of Lipase Inhibitory Activity of Benzyl Amino Chalcone Derivatives.	Trang Hoang Minh Vu, Duy Duc Vu, Dat Van Truong, Phuong Thuy Viet Nguyen, Dao Thanh Tran

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
		MedPharmRes 2017, Vol. 1, Issue 1, pp 26 - 35.
602	Synthesis and establishment of Amlodipine impurity G reference standard,	Ly Dieu Ha, Trang Thi Diem Nguyen, Tri Minh Le Journal of Applied Pharmaceutical Science Vol 7(10), pp 105-110.
603	“Synthesis and anti-Methicillin resistant Staphylococcus aureus activity of substituted chalcones alone and in combination with non-beta-lactam antibiotics”	Thanh-Dao Tran, Tuong-Ha Do, Ngoc-Chau Tran, Trieu-Du Ngo, Thi-Ngoc-Phuong Huynh, Cat-Dong Tran, and Khac-Minh Thai Bioorg. Med. Chem. Lett., 22(14), pp 4555-60.
604	"Synthesis and biological evaluation of novel heterocyclic derivatives of combretastatin A-4"	Thi Thanh Binh Nguyen, Thierry Lomberget, Ngoc Chau Tran, Evelyne Colomb, Lore Nachtergaele, Sylviane Thoret, Joëlle Dubois, Joren Guillaume, Rawad Abdayem, Marek Haftek, Roland Barret (2012), Bioorg. Med. Chem. Lett., 22(23), pp. 7227-31.
605	“Synthesis of (Z) isomers of benzoheterocyclic derivatives of combretastatin A-4: a comparative study of several methods”	Thi Thanh Binh Nguyen, Thierry Lomberget, Ngoc Chau Tran, Roland Barret Tetrahedron, 69 (10), pp 2336-47.
606	“Synthesis of functionalized 2-isoxazolines as three-dimensional fragments for fragment-based drug discovery”	Ngoc Chau Tran, Heleen Dhondt, Marion Flipo, Benoit Deprez and Nicolas Willand Tetrahedron Letters, 56(27), pp. 4119-23.
607	“Fragment-based optimized EthR inhibitors with in vivo ethionamide boosting activity”.	Baptiste Villemagne, Arnaud Machelart, Ngoc Chau Tran, Marion Flipo, Martin Moune, Florence Leroux, Catherine Piveteau, Alexandre Wohlkönig, René Wintjens, Xue Li, Ruxandra Gref, Priscille Brodin, Benoit Deprez, Alain R Baulard, Nicolas Willand ACS Infect. Dis., 6(3), pp. 366-378.
608	Xây dựng mô hình docking và mô phỏng động lực học phân tử các dẫn chất chalcon có tiềm năng ức chế enzym glycolat oxidase.	Lê Minh Trí, Trương Lê Mỹ Ngọc, Huỳnh Nguyễn Bảo Uyên, Nguyễn Đắc Nhân, Mai Thành Tấn, Trần Thị Thuý Nga, Thái Khắc Minh Tạp chí Y Dược học, 2021, Số 38 tháng 12. 11-16.
609	Nghiên cứu xây dựng mô hình docking và mô phỏng động lực học phân tử các dẫn chất chalcon có tác dụng ức chế enzym monoamin oxidase B.	Phạm Diễm Thu, Trần Thành Đạo, Lê Minh Trí, Thái Khắc Minh, Nguyễn Quốc Thái

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
		Tạp chí Y Dược học, 2021, Số 38 tháng 12. 58-63.
610	Nghiên cứu khả năng gắn kết của các dẫn chất chalcon có tiềm năng ức chế enzym D-acid amin oxidase bằng phương pháp docking và mô phỏng động lực học phân tử.	Lê Minh Trí, Võ Thị Minh Nguyên, Nguyễn Đắc Nhân, Nguyễn Minh Toàn, Thái Khắc Minh Tạp chí Y Dược học, 2021, Số 34 tháng 11, 40-46.
611	Nghiên cứu xây dựng mô hình docking và mô phỏng động lực học phân tử các dẫn chất chalcon có tác dụng ức chế enzym xanthin oxidase.	Lê Minh Trí, Trần Thành Đạo, Nguyễn Minh Toàn, Nguyễn Ngọc Lê, Cao Hoàng Nhi, Trần Thái Sơn, Thái Khắc Minh. Tạp chí Y Dược học, 2021, Số 34 tháng 11, 10-16.
612	Nghiên cứu sàng lọc in silico các phân tử nhỏ có khả năng ức chế PD-L1. Tạp chí Y Dược học, 2021.	Đoàn Lê Thùy Trâm, Hoàng Tùng, Nguyễn Công Luận, Lê Minh Trí, Thái Khắc Minh. Tạp chí Y Dược học, 2021, Số 31 tháng 10, 65-70.
613	Nghiên cứu xây dựng mô hình docking và mô phỏng động lực học phân tử các dẫn chất chalcon có hoạt tính chống oxy hóa trên enzym oxidase VAP-1	Lê Minh Trí, Nguyễn Minh Toàn, Võ Ngọc Châu Linh, Huỳnh Nguyễn Hoài Phương, Cao Hoàng Nhi, Nguyễn Quốc Thái, Thái Khắc Minh Tạp chí Y Dược học, 2021, Số 31 tháng 10, 4-9.
614	Nghiên cứu xây dựng mô hình QSAR trên các dẫn chất chalcon có hoạt tính chống oxy hóa.	Trương Lê Mỹ Ngọc, Phạm Thị Thanh Mai, Cao Hoàng Nhi, Nguyễn Minh Toàn, Trần Quế Hương, Thái Khắc Minh Tạp chí Y Dược học, 2021, Số 28 tháng 9, 77-81.
615	Nghiên cứu khả năng gắn kết của captopril và một số dẫn chất với các cấu trúc dạng tự nhiên và đột biến của New Delhi Metallo β -lactamase-1 bằng phương pháp docking.	Lê Minh Trí, Đỗ Trần Giang Sơn, Vũ Thị Thanh Thảo, Trần Thị Diệu, Trần Thị Bích Phượng, Nguyễn Thị Thảo Nhung, Trần Quế Hương, Trần Thị Thúy Nga, Thái Khắc Minh Tạp chí Y Dược học, 2021 (22, tháng 6), 12-18.
616	Sàng lọc in silico các phân tử nhỏ có tiềm năng gắn kết interleukin-1 β .	Lê Minh Trí, Nguyễn Hoàng Minh, Vũ Thị Thanh Thảo, Trần Thị Diệu, Nguyễn Đắc Nhân, Trần Mỹ Ngọc, Đỗ Thành Tiên, Huỳnh Nguyễn Hoài Phương, Thái Khắc Minh Tạp chí Y Dược học, 2021 (20, tháng 5), 11-15.

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
617	Sàng lọc in silico các phân tử nhỏ có tiềm năng gắn kết lên thụ thể IL-1 β (IL-1R1).	Lê Minh Trí, Nguyễn Hoàng Minh, Vũ Thị Thanh Thảo, Trần Mỹ Ngọc, Võ Thanh Phương, Phạm Đình Long Hưng. Đỗ Thành Tiến, Mai Thành Tấn, Thái Khắc Minh Tạp chí Y Dược học, 2021 (20, tháng 5), 59-65.
618	Tổng hợp và đánh giá hoạt tính kháng khuẩn, kháng nấm của các dẫn chất N-(morpholino(phenyl)methyl)nicotianamid.	Huỳnh Nguyễn Hoài Phương, Đinh Thị Thu Thảo, Nguyễn Thanh Trúc, Trương Phương, Võ Thị Cẩm Vân. Tạp chí Y học thành phố Hồ Chí Minh (khoa học Dược-B) 2021, 27-31
619	Liệu pháp miễn dịch Interleukin-2 trong điều trị ung thư.	Huỳnh Nhật Lễ, Lê Thanh Duy, Mai Thành Tấn, Trần Thành Đạo, Lê Minh Trí, Thái Khắc Minh Y học Thành Phố Hồ Chí Minh B, 2021, Tập 25, Số 2, trang 1-10.
620	Nghiên cứu sàng lọc in silico các phân tử nhỏ có tiềm năng gắn kết chọn lọc trên CXCR2 so với CXCR1.	Thái Khắc Minh, Nguyễn Thị Ánh Tuyết, Huỳnh Nguyễn Hoài Phương, Cao Hoàng Nhi, Nguyễn Đắc Nhân, Trần Huệ Tịnh, Lê Minh Trí. Tạp chí Y Dược học, 2021 (13, Tháng 1), 4-7.
621	Nghiên cứu khả năng gắn kết của gilteritinib với cấu trúc Fms – like tyrosin kinase 3 (FLT3) tự nhiên và đột biến bằng phương pháp docking.	Thái Khắc Minh, Phạm Xuân Tiên, Trần Thị Bích Phương, Nguyễn Thị Thảo Nhung, Mai Thành Tấn, Trần Huệ Tịnh, Lê Minh Trí Tạp chí Y Dược học, 2021 (13, Tháng 1), 8-13.
622	Khảo sát thành phần hóa học và khả năng ức chế tế bào ung thư biểu mô KB từ cao methanol của cây sâm đại hành <i>Eleutherine bulbosa</i> thu hái tại tỉnh An Giang.	Đỗ Thị Mỹ Liên, Trương Lâm Trường, Nguyễn Thị Mỹ Hương, Huỳnh Thị Ngọc Tuyết, Phan Văn Quy, Nguyễn Xuân Dũ, Nguyễn Thị Thu Hằng Tạp chí Tài nguyên môi trường, 2021, kỳ 2, tháng 2/2021.
623	Khảo sát thành phần hóa học cao ethyl acetate của loài <i>Scutellaria Cochinchinensis</i> Briq. thu hái tại tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Đỗ Thị Mỹ Liên, Trương Lâm Trường, Nguyễn Thị Mỹ Hương, Huỳnh Thị Ngọc Tuyết, Nguyễn Xuân Dũ, Nguyễn Thị Ngọc Thảo, Hồ Kỳ Quang Minh Tạp chí Tài nguyên môi trường, 2021, kỳ 2, tháng 2/2021.
624	Nghiên cứu về thành phần hóa học phân đoạn EA1 - cao ethyl acetate của loài địa y <i>Lobaria orientalis</i> (Lobariaceae) thu hái tại núi Bidoup, Lâm Đồng, Việt Nam	Đỗ Thị Mỹ Liên, Trương Lâm Trường, Nguyễn Thị Mỹ Hương, Nguyễn Hoàng Minh, Nguyễn Xuân Dũ, Nguyễn Thị Ngọc Thảo, Lê Công Nhân, Nguyễn Thị Mỹ Dung Tạp chí Tài nguyên môi trường, 2021, kỳ 2, tháng 3/2021.

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
625	Nghiên cứu thành phần hóa học cao methanol của cây Nam sâm đứng <i>Boerhavia erecta</i> L. thu hái tại tỉnh Phú Yên, Việt Nam	Đỗ Thị Mỹ Liên, Nguyễn Thị Mỹ Dung, Tường Lâm Trường, Nguyễn Kim Phi Phụng, Nguyễn Thị Thu Hằng, Nguyễn Thị Ngọc Thảo, Nguyễn Thị Ánh Tuyết Tập chí Tài nguyên môi trường, kỳ 2, tháng 8/2020
626	Hợp chất dị vòng chứa nito từ lá cây bông giấy	Nguyễn Thị Ánh Tuyết, Tường Lâm Trường, Huỳnh Thị Ngọc Tuyết, Đỗ Thị Mỹ Liên Tập chí Tài nguyên môi trường, kỳ 1, tháng 7/2021
627	<i>p</i> -Menthan-3,8-diol (PMD): tổng hợp, tinh chế và phân tích đặc điểm phổ của các đồng phân.	Phan Minh Hoàng, Phan Thị Thanh Thủy, Trần Thành Đạo, Trần Ngọc Châu Tập chí Y Dược học, số 2, 9/2020, trang 190-196
628	Sàng lọc các chất có khả năng ức chế asparagin endopeptidase hướng đến điều trị bệnh Alzheimer.	Thái Khắc Minh, Nguyễn Tường Quang, Bùi Thị Hoàng Linh, Hồng Chân Tài, Nguyễn Đắc Nhân, Phan Thiện Vy, Trần Thành Đạo, Lê Minh Trí Tập chí Y Dược học, 2020 (10, tháng 12), 5-12.
629	Nghiên cứu xây dựng mô hình sàng lọc ảo trên các chất ức chế enzym arginase 1.	Lê Minh Trí, Huỳnh Nam Hải, Bùi Thị Hoàng Linh, Thái Khắc Minh Tập chí Y Dược học, 2020 (10, tháng 12), 13-17.
630	Covid-19: Phương pháp điều trị và vắc-xin.	Bùi Thị Hoàng Linh, Nguyễn Đắc Nhân, Mai Thành Tấn, Trần Thành Đạo, Lê Minh Trí, Thái Khắc Minh Y học Thành Phố Hồ Chí Minh B, 2020, Tập 24, Số 6, trang 1-10.
631	Nghiên cứu sàng lọc ảo các chất có khả năng ức chế hoạt tính interleukin-18.	Nguyễn Quốc Thái, Nguyễn Sỹ Tịnh Thùy, Trần Thị Thuý Nga, Trương Lê Mỹ Ngọc, Võ Thanh Phương, Huỳnh Nhật Lễ, Phạm Đình Long Hưng, Thái Khắc Minh, Lê Minh Trí Tập chí Y Dược học, 2020 (6, tháng 10), 21-27.
632	Sàng lọc in silico các cấu trúc phân tử nhỏ ức chế hoạt tính interleukin-17A trong điều trị các bệnh tự miễn.	Nguyễn Lê Anh Tuấn, Hoàng Việt Nhâm, Mai Thành Tấn, Bùi Thị Hoàng Linh, Võ Nguyễn Quỳnh Hương, Nguyễn Ngọc Lê, Thái Khắc Minh, Trần Thành Đạo, Lê Minh Trí Tập chí Y Dược học, 2020 (6, tháng 10), 28-35

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
633	Sàng lọc ảo các hợp chất tự nhiên có khả năng ức chế Interleukin-33.	Lê Minh Trí, Mai Thành Tấn, Lê Xuân Lộc, Vũ Ngọc Diệu Linh, Trần Thành Đạo, Nguyễn Quốc Thái, Thái Khắc Minh Tạp chí Y Dược học, 2020 (6, tháng 10), 137-141.
634	Sàng lọc ảo các chất có khả năng ức chế lipase tụy từ dịch chiết trà.	Trương Văn Đạt, Phạm Diễm Thu, Cao Thúy Vân, Nguyễn Quốc Thái, Trần Thành Đạo, Thái Khắc Minh, Võ Thị Cẩm Vân, Lê Minh Trí Tạp chí Y Dược học, 2020 (2, Tháng 9), 5-9.
635	Nghiên cứu và xây dựng mô hình in silico trên các chất có khả năng ức chế lipase tụy bằng phương pháp docking và máy vector hỗ trợ.	Trương Văn Đạt, Phạm Diễm Thu, Cao Thúy Vân, Nguyễn Quốc Thái, Trần Thành Đạo, Thái Khắc Minh, Võ Thị Cẩm Vân, Lê Minh Trí Tạp chí Y Dược học, 2020 (2, Tháng 9), 10-14.
636	Nghiên cứu quy trình tổng hợp tạp A và tạp B của sulpirid.	Võ Thị Cẩm Vân, Cù Quang Phú, Nguyễn Hữu Lạc Thủy, Nguyễn Đăng Thịnh. Tạp chí Y học thành phố Hồ Chí Minh (khoa học Dược-B) 2020, 250-257.
637	Tổng hợp và đánh giá hoạt tính ức chế lipase tụy của các dẫn chất 4'-N-(4-hydroxybenzylamino)chalcon.	Võ Thị Cẩm Vân, Nguyễn Ngọc Minh, Trương Văn Đạt, Trần Thành Đạo. Tạp chí Dược học 2020 (số 525, năm 60), 20-23.
638	Tổng hợp và đánh giá tác động ức chế lipase tụy của các dẫn chất methylxanthin thế ở N7.	Võ Thị Cẩm Vân, Đỗ Thị Trâm Anh, Nguyễn Thanh Trúc, Trần Thành Đạo. Tạp chí Y Dược Học 2020, số 10, 82-86.
639	Tổng hợp và đánh giá hoạt tính kháng khuẩn, kháng nấm của các dẫn chất morpholinoacetamid,	Huỳnh Nguyễn Hoài Phương, Nguyễn Tấn Quang, Trương Phương, Võ Thị Cẩm Vân. Tạp chí Y Dược học 2020, số 10, 35-40.
640	Xây dựng mô hình in silico và ứng dụng sàng lọc ảo các chất có khả năng ức chế acetylcholinesterase.	Phạm Diễm Thu, Lê Thành Mẫn, Nguyễn Quốc Thái, Nguyễn Đắc Nhân, Trương Lê Mỹ Ngọc, Trần Mỹ Ngọc, Thái Khắc Minh, Lê Minh Trí Tạp chí Y Dược học, 2020 (2, Tháng 9), 104-09.
641	Nghiên cứu QSAR nhị phân trên các chất chủ vận thụ thể dopamin 2 liên quan đến bệnh Alzheimer.	Bùi Quốc Dũng, Thái Khắc Minh, Trần Quế Hương, Trần Thị Thúy Nga, Lê Minh Trí Tạp chí Y Dược học, 2020 (2, Tháng 9), 127-130.

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
642	SARSCoV-2 gây bệnh viêm đường hô hấp cấp: cấu trúc và các thuốc điều trị tiềm năng.	Mai Thành Tấn, Thái Khắc Minh, Trần Thành Đạo, Lê Minh Trí Y học Thành Phố Hồ Chí Minh B, 2020, Tập 24, Số 2, trang 1-10.
643	Nghiên cứu sàng lọc ảo các chất có khả năng hoạt hóa enzym γ -secretase.	Trần Thái Sơn, Lê Minh Trí, Võ Lưu Hoàng Tuấn, Nguyễn Hoàng Tiến, Nguyễn Thị Ánh Tuyết, Hoàng Tùng, Đỗ Minh Nguyệt, Thái Khắc Minh Tạp chí Dược học, 2020, 61 (3), 19-24.
644	Nghiên cứu xây dựng mô hình sàng lọc ảo trên các chất ức chế ABCG2.	Lê Minh Trí, Hoàng Viêt Nhâm, Trần Quế Hương, Đỗ Trần Giang Sơn, Nguyễn Hoàng Minh, Nguyễn Thị Thu Hạnh, Nguyễn Thị Ánh Tuyết, Đỗ Minh Nguyệt, Thái Khắc Minh Tạp chí Dược học, 2020, 60 (2), 2-8.
645	Nghiên cứu sàng lọc ảo các chất có khả năng gắn kết với CXCR2 trên vùng ALLOSTERIC nội bào.	Lê Minh Trí, Đinh Lê Quốc Hoàng, Võ Thanh Hòa, Trần Quế Hương, Ngô Thị Hằng, Nguyễn Thị Thu Hạnh, Nguyễn Hoàng Tiến, Thái Khắc Minh Tạp chí Dược học, 2020, 60 (2), 9-13.
646	Nghiên cứu và xây dựng mô hình in silico trên các dẫn chất ức chế bơm ngược ABCG2/BCRP.	Thái Khắc Minh, Huỳnh Nguyễn Hoài Phương, Nguyễn Minh Châu, Phạm Xuân Tiên, Vương Vân Nhi, Đỗ Trần Giang Sơn, Lê Minh Trí Tạp chí Dược học, 2020, 60 (1), 2-7.
647	Nghiên cứu sàng lọc ảo các chất ức chế trực tiếp IRE1 α – RNASE.	Lê Minh Trí, Đỗ Thị Minh Xuân, Nguyễn Hoàng Minh, Hoàng Tùng, Thái Ngọc Trâm, Vương Vân Nhi, Thái Khắc Minh Tạp chí Dược học, 2020, 60 (1), 7-11.
648	Điều chế nhôm phosphat gel ướt 20% và sản xuất thuốc hỗn dịch kháng acid.	Lê Minh Trí, Trần Thành Đạo, Lê Xuân Lộc, Phạm Thị Hồng Ngọc, Trương Văn Đạt, Lê Văn Thanh Y học TP.HCM, (tập B- Khoa học Dược), 245, số 2, 2020, 234-239.
649	Điều chế Mg hydroxyd gel ướt 30% và Nhôm hydroxyd gel ướt 13% để sản xuất thuốc hỗn dịch kháng acid	Trương Văn Đạt, Trần Thành Đạo, Lê Xuân Lộc, Phạm Thị Hồng Ngọc, Lê Văn Thanh, Lê Minh Trí Y học TP.HCM, (tập B- Khoa học Dược), 245, số 2, 2020, 241-250.
650	Bơm ngược và các chất ức chế bơm ngược.	Thái Khắc Minh, Trần Thành Đạo, Phan Thiệu Vy, Đỗ Trần Giang Sơn, Hoàng Tùng, Nguyễn Hoàng Minh, Lê Minh Trí

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
		VNU Journal of Science: Medical and Pharmaceutical Sciences, 2019, 35 (2), 1-11
651	Nghiên cứu xây dựng mô hình QSAR nhị phân và Pharmacophore trên các chất ức chế cytochrom P450 CYP 2D6.	Trần Thành Đạo, Lê Minh Trí, Lại Hồng Hạnh, Hoàng Việt Nhâm, Nguyễn Lê Anh Tuấn, Mai Thành Tấn, Phạm Toàn Quyền, Thái Khắc Minh Tạp chí Dược học, 2019, 59 (5), 7-10.
652	Nghiên cứu QSAR và mô hình docking trên các chất làm bền cấu trúc G-quadruplex.	Trần Thành Đạo, Thái Khắc Minh Tạp chí Dược học, 2019, 59 (4), 8-12.
653	Nghiên cứu mô hình 2D-QSAR trên các dẫn chất ức chế telomerase.	Lê Minh Trí, Trần Thành Đạo, Nguyễn Đức Khánh Thơ, Nguyễn Tường Quang, Nguyễn Sĩ Tịnh Thùy, Võ Duy Nhân, Mai Thành Tấn, Thái Khắc Minh Tạp chí Dược học, 2019, 59 (4), 30-33.
654	Nghiên cứu mô hình QSAR và mô hình mô tả phân tử docking của các chất ức chế enzym histon deacetylase 6.	Thái Khắc Minh, Võ Thị Minh Nguyên, Lê Minh Trí Y học Thành Phố Hồ Chí Minh, 2019, Tập 23, Phụ bản Số 2, trang 319-326.
655	Nghiên cứu xây dựng mô hình 2D QSAR và docking trên các chất cấu trúc Adamanty ức chế 11-B hydroxysteroid dehydrogenase 1.	Thái Khắc Minh, Nguyễn Thị Thanh Lan
656	Nghiên cứu mô hình 2D-QSAR và QSAR nhị phân trên các chất ức chế monoamin oxidase B. Y học Thành Phố Hồ Chí Minh, 2019, Tập 23, Phụ bản Số 2, trang 334-338.	Thái Khắc Minh, Lê Minh Trí, Trần Thị Thuý Nga, Hồ Nguyễn Nguyên Hồ, Lê Thanh Mẫn, Đinh Lê Quốc Hoàng, Nguyễn Trần An, Nguyễn Minh Châu, Lê Văn Tuyên, Trần Thành Đạo Y học Thành Phố Hồ Chí Minh, 2019, Tập 23, Phụ bản Số 2, trang 327-333.
657	Nghiên cứu xây dựng mô hình sàng lọc ảo nhóm dẫn chất Quinolyl benzamid có tác dụng ức chế 11-B-HSD1.	Trần Thành Đạo, Lê Minh Trí, Trần Thị Thuý Nga, Thái Khắc Minh Y học Thành Phố Hồ Chí Minh, 2019, Tập 23, Phụ bản Số 2, trang 339-345.
658	Nghiên cứu xây dựng mô hình sàng lọc ảo các chất có hoạt tính ức chế HER2.	Lê Minh Trí, Chương Hòa Thuận, Thái Khắc Minh Y học Thành Phố Hồ Chí Minh, 2019, Tập 23, Phụ bản Số 2, trang 346-353.

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
659	Tổng hợp và khảo sát hoạt tính chống oxy hóa của một số dẫn chất flavonoid.	Trần Thành Đạo, Vũ Thúy Tuyên, Thái Khắc Minh Y học Thành Phố Hồ Chí Minh, 2019, Tập 23, Phụ bản Số 2, trang 354-359.
660	Nghiên cứu sàng lọc ảo các chất có hoạt tính ức chế NDM-1 ở vi khuẩn.	Trần Thành Đạo, Lê Minh Trí, Đặng Văn Hoài, Võ Việt Việt, Thái Khắc Minh Y học Thành Phố Hồ Chí Minh, 2019, Tập 23, Phụ bản Số 2, trang 707-715.
661	Sàng lọc các chất có khả năng ức chế caspase-1.	Thái Khắc Minh, Nguyễn Tuấn Huy, Lê Minh Trí Y học Thành Phố Hồ Chí Minh, 2019, Tập 23, Phụ bản Số 2, trang 716-723.
662	Nghiên cứu in silico sàng lọc các chất có khả năng ức chế hoạt tính enzym MCR-1.	Lê Minh Trí, Trần Thành Đạo, Huỳnh Phương Mai, Thái Khắc Minh Y học Thành Phố Hồ Chí Minh, 2019, Tập 23, Phụ bản Số 2, trang 724-729.
663	Nghiên cứu xây dựng mô hình docking và 2D-QSAR trên các dẫn chất ức chế enzym telomerase.	Lê Minh Trí, Thái Khắc Minh Y học Thành Phố Hồ Chí Minh, 2019, Tập 23, Phụ bản Số 2, trang 730-735.
664	Nghiên cứu xây dựng mô hình QSAR nhị phân và pharmacophore trên các chất ức chế cytochrom P450 2C9.	Thái Khắc Minh, Trần Thành Đạo Y học Thành Phố Hồ Chí Minh, 2019, Tập 23, Phụ bản Số 2, trang 736-740.
665	Thiết kế các phân tử nhỏ có khả năng gắn kết với interleukin-1 β .	Lê Minh Trí, Trần Thành Đạo, Thái Khắc Minh Y học Thành Phố Hồ Chí Minh, 2019, Tập 23, Phụ bản Số 2, trang 741-746.
666	Nghiên cứu mô hình docking và QSAR trên các chất đối kháng thụ thể estrogen.	Trần Thành Đạo, Lê Minh Trí, Thái Khắc Minh Y học Thành Phố Hồ Chí Minh, 2019, Tập 23, Phụ bản Số 2, trang 747-755.
667	Nghiên cứu xây dựng mô hình QSAR nhị phân và Pharmacophore trên các chất ức chế cytochrom P450 3A4.	Trần Thành Đạo, Thái Khắc Minh Tạp chí Dược học, 2019, 59 (3), 3-6.

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
668	Nghiên cứu mô hình QSAR và mô tả phân tử docking các chất ức chế aromatase.	Trần Thành Đạo, Lê Minh Trí, Thái Khắc Minh Tạp chí Dược học, 2019, 59 (3), 43-47.
669	Nghiên cứu xây dựng mô hình docking và 3D-pharmacophore trên các chất ức chế bơm ngược ABCG2/BCRP.	Thái Khắc Minh, Trần Thành Đạo, Đỗ Trọng Nhất, Lê Minh Trí Tạp chí Dược học, 2019, 59 (2), 9-13.
670	Tối ưu qui trình tổng hợp acid thiazolidin-2,4-dicarboxylic dùng làm thuốc bảo vệ tế bào gan.	Lê Minh Trí, Thái Khắc Minh, Trần Thành Đạo Tạp chí Dược học, 2019, 59 (2), 31-35
671	Nghiên cứu xây dựng mô hình 2D-QSAR dự đoán hoạt tính chống oxy hóa của các dẫn chất flavonoid và ứng dụng trên nhóm dẫn chất chalcon.	Lê Minh Trí, Trần Thành Đạo, Vũ Tiến Dũng, Thái Khắc Minh Tạp chí Dược học, 2019, 59 (1), 3-9.
672	Nghiên cứu tìm kiếm các phân tử nhỏ có khả năng ức chế thụ thể interleukin 1 typ 1.	Lê Minh Trí, Phạm Nguyễn Khải Hoàn, Nguyễn Ngọc Lê, Thái Khắc Minh Tạp chí Dược học, 2019, 59 (1), 43-48.
673	Nghiên cứu mô hình mô tả phân tử các chất có hoạt tính ức chế enzym kinesin spindle protein Eg5.	Thái Khắc Minh, Trần Thành Đạo, Lê Minh Trí Tạp chí Dược học, 2018, 58 (12), 6-9.
674	Sàng lọc các cấu trúc phân tử nhỏ có khả năng ức chế hoạt tính interleukin 6 trong điều trị viêm khớp dạng thấp.	Thái Khắc Minh, Trần Quế Hương, Lê Minh Trí Tạp chí Dược học, 2018, 58 (12), 45-48.
675	Sàng lọc ảo các chất có khả năng ức chế phosphodiesterase 9 ứng dụng trong điều trị Alzheimer.	Lê Minh Trí, Đinh Văn Toàn, Thái Khắc Minh Tạp chí Dược học, 2018, 58 (11), 68-72
676	Sàng lọc các chất có hoạt tính ức chế enzym arginase 2 bằng phương pháp in silico.	Lê Minh Trí, Huỳnh Nam Hải, Thái Khắc Minh Tạp chí Dược học, 2018, 58 (11), 7-10.
677	Nghiên cứu khả năng gắn kết in silico giữa các kháng sinh cephalosporin thế hệ 5 và PBP2x tự nhiên và đột biến của Streptococcus pneumoniae.	Phạm Toàn Quyền, Thái Khắc Minh, Lê Minh Trí Tạp chí Dược học, 2018, 58 (8), 76-80.
678	Đánh giá khả năng gắn kết in silico giữa các kháng sinh cephalosporin thế hệ 5 với PBP2 bình thường và đột biến của MRSA.	Phạm Toàn Quyền, Thái Khắc Minh, Lê Minh Trí Tạp chí Dược học, 2018, 58 (6), 16-20.
679	Xây dựng mô hình dự đoán hoạt tính ức chế New Delhi metallo- β -lactamase NDM-1.	Hà Thị Kiều Oanh, Võ Việt Việt, Đinh Văn Toàn, Nguyễn Tuấn Huy, Lê Quốc Hưng, Mai Thành Tấn, Thái Khắc Minh Y học Thành Phố Hồ Chí Minh, 2018, Tập 22, Phụ bản Số 1, trang 403-407.

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
680	Nghiên cứu khả năng gắn kết của amantadin, rimantadin với các cấu trúc protein M2 tự nhiên và đột biến của virus cúm A bằng phương pháp docking.	Dương Văn Thọ, Trần Thành Đạo, Lê Minh Trí, Thái Khắc Minh Y học Thành Phố Hồ Chí Minh, 2018, Tập 22, Phụ bản Số 1, trang 397-402.
681	Nghiên cứu sàng lọc các hợp chất có hoạt tính ức chế protein không cấu trúc 4B của virus Dengue týp 2 bằng phương pháp in silico.	Trần Huỳnh Ý Nhi, Trần Quế Hương, Đỗ Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Thu Hà, Thái Khắc Minh Y học Thành Phố Hồ Chí Minh, 2018, Tập 22, Phụ bản Số 1, trang 389-396.
682	Nghiên cứu và ứng dụng mô hình 3D-pharmacophore trên các chất ức chế allosteric của enzym RAC – alpha Serin/Threonin protein kinase - AKT1.	Phan Nguyễn Thị Nhân, Đinh Văn Toàn, Trần Quế Hương, Đỗ Minh Nguyệt, Trần Thành Đạo, Lê Minh Trí, Thái Khắc Minh Y học Thành Phố Hồ Chí Minh, 2018, Tập 22, Phụ bản Số 1, trang 380-388.
683	Khảo sát khả năng chống oxi hóa và cải thiện trí nhớ ngắn hạn của dẫn chất benzylaminochalcon trên chuột nhắt.	Nguyễn Thị Cẩm Vi, Trình Quỳnh Diệu, Trần Phi Hoàng Yến, Thái Khắc Minh, Trần Thành Đạo Tạp chí Dược học, 2017, 57 (6), 17-21
684	Nghiên cứu khả năng gắn kết của peramivir và một số dẫn chất với các cấu trúc neuraminidase ban đầu và đột biến của virus cúm A bằng phương pháp docking.	Trần Nguyễn Việt Khoa, Dương Văn Thọ, Nguyễn Ngọc Lê, Nguyễn Thị Thu Hà, Thái Khắc Minh Y học Thành Phố Hồ Chí Minh, 2017, Tập 21, Phụ bản Số 2, trang 77-85
685	Xây dựng mô hình phân loại và dự đoán hoạt tính ức chế β -secretase.	Phạm Phan Thông, Trần Thái Sơn, Trần Thành Đạo, Thái Khắc Minh Y học Thành Phố Hồ Chí Minh, 2017, Tập 21, Phụ bản Số 2, trang 86-94.
686	Nghiên cứu in silico dự đoán các chất có khả năng gắn kết trên interleukin 15 và thụ thể interleukin-15 tiểu đơn vị α .	Nguyễn Thị Thanh Hoà, Mai Thành Tấn, Phan Nguyễn Thị Nhân, Nguyễn Ngọc Lê, Thái Khắc Minh Y học Thành Phố Hồ Chí Minh, 2017, Tập 21, Phụ bản Số 1, trang 502-508.
687	Nghiên cứu in silico dự đoán các chất có khả năng gắn kết trên MexR và ArmR.	Trần Gia Ân, Trần Thái Sơn, Nguyễn Ngọc Lê, Lê Minh Trí, Thái Khắc Minh Y học Thành Phố Hồ Chí Minh, 2017, Tập 21, Phụ bản Số 1, trang 509-516.

STT	Tên công trình khoa học	Các thông tin liên quan
688	“Tổng hợp và khảo sát hoạt tính kháng khuẩn các dẫn chất 1,4-naphthoquinon”,	Trần Ngọc Châu, Lý Thành Trung, Trương Thị Mai Duyên, Trần Thành Đạo Tập chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh, chuyên đề Dược Khoa, tập 15, phụ bản của số 1, trang 423-430.
689	“Synthesis and anti-candidal activity of 2-chloro-1,4-naphthoquinone derivatives”,	Ngoc-Chau Tran, Minh-Tri Le, Thanh-Dao Chan Tập chí Hóa học Việt Nam, Vol 48(4B), 2010, pp.7-12.
690	“Nghiên cứu liên quan cấu trúc các dẫn chất combretastatin và hoạt tính kháng ung thư”.	Trần Ngọc Châu, Lê Quang Huy, Thái Khắc Minh Tập chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh, chuyên đề Dược Khoa, tập 15, phụ bản của số 1, trang 413-422.
691	“Nghiên cứu tối ưu hóa quy trình điều chế acefyllin và muối acefyllin piperazin”.	Lê Minh Trí, Trần Thị Anh Thư, Trần Ngọc Châu, Trần Thành Đạo Tập chí Dược học, 437 (số 9), trang 47-51.
692	“Tổng hợp và khảo sát hoạt tính kháng khuẩn của một số base Schiff và dẫn chất amin tương ứng”.	Huỳnh Thị Ngọc Phương, Trần Ngọc Châu, Lê Nguyễn Hồng Huyền, Nguyễn Thị Thu Thủy Tập chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh, chuyên đề Dược học, tập 18, phụ bản của số 2, trang 347-352.
693	“Nghiên cứu quy trình điều chế diosmin từ hesperidin”.	Nguyễn Thị Mỹ Duyên, Trần Ngọc Châu, Lê Minh Trí, Trần Thành Đạo
694	“Tổng hợp và khảo sát hoạt tính kháng khuẩn của một số dẫn chất 1,3,4-oxadiazol”. Tập chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh, chuyên đề Dược, phụ bản tập 22, số 1, trang 486-493.	Võ Hoàng Nam, Vũ Thanh Thảo, Trần Ngọc Châu Tập chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh, chuyên đề Dược học, tập 18, phụ bản của số 2, trang 386-390.
695	“p-Menthan-3,8-diol (PMD): tổng hợp, tinh chế và phân tích đặc điểm phổ của các đồng phân”.	Phan Minh Hoàng, Phan Thị Thanh Thủy, Trần Thành Đạo, Trần Ngọc Châu Tập chí Y Dược học, số 2, 9/2020, trang 190-196.
696	Tổng hợp và khảo sát hoạt tính kháng tụ cầu vàng của các dẫn chất 2-pyrazolin và 2-isoxazolin.	Trần Ngọc Châu, Phùng Bích Tuyền, Phan Cảnh Trình, Phạm Ngọc Thạch Y Học TP. Hồ Chí Minh B - Khoa Học Dược, Tập 25, Số 2, 2021, trang 48-55.